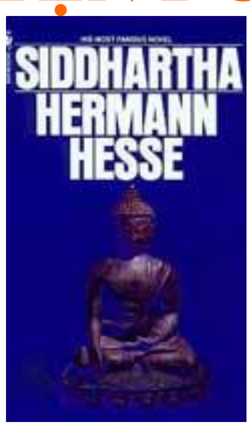
CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG



Tác giả : Hermann Hesse;
Bản dịch của : Phùng Khánh, Phùng Thăng
Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 1982 -- Phật lịch 2526

---o0o---

Nguồn
http://thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 08-08-2009
Người thực hiện :
Nam Thiên - namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

---o0o---

Lời Người Dịch

Quyển "Câu chuyện dòng sông" dịch từ chuyện "Siddhartha" trong tập "Weg nach Innen" (Đường về nội tâm) của Herman Hesse.

Hermann Hesse là một văn hào của văn học Đức ở thế kỷ XX, sống cùng một thế hệ với Thomas Mann, Werfel, Wassermann và E.Vl Salomon.

Hesse sinh năm 1877, được giải thưởng Nobel về văn chương năm 1946, tác giả nhiều tập thơ và nhiều cuốn tiểu thuyết bất hủ như Peter Camenzind (1904), Demian (1919), Der Steppenwolf (1927), Narziss und Goldmund (1930), Das Glaserlenspiel (1943).

Tất cả tác phẩm của Hermann Hesse đều nói lên niềm cô đơn tâm linh của con người thời đại, nỗi thao thức triền miên của những tâm hồn khát khao đi tìm một chân trời mới cho đời mình và nhất là những nỗ lực vô hạn để vươn lên mọi ràng buộc của thân phận làm người.

Trọn tác phẩm của Hermann Hesse là lời thánh ca bay vút lên chín tầng trời, vọng lên nỗi đau đớn vô cùng của kiếp sống và lòng hướng vọng nghìn đời của con người, dù bơ vơ bất lực mà vẫn luôn luôn tha thiết đi tìm giải thoát ra ngoài mọi giới hạn tầm thường của đời sống tẻ nhạt:

"Dù bị đau đớn quằn quại, tôi vẫn tha thiết yêu thương trần gian điên dại này".

Und allem Weh zum Trotze bleib ich.
Verliebt in die verruckt Welt

Khi viết dòng thơ trên phải chăng Hermann Hesse đã muốn nói lên tất cả ý nghĩa của sự nghiệp văn chương ông giữa cơn biến động phũ phàng của thời đại? Ý nghĩa thâm trầm ấy cũng bàng bạc trong quyển"Câu chuyện dòng sông".

Đọc "Câu chuyện dòng sông" chúng ta sẽ thấy rằng cuộc đời đáng sống và chứa đựng muôn ngàn hương sắc tuyệt vời, mà chúng ta thường bỏ quên và đánh mất giữa đời sống thường nhật. "Câu chuyện dòng sông" là câu chuyện của mỗi người trong chúng ta; đó cũng là hình ảnh muôn thuở của trần gian và của mộng đời bất tuyệt.

Người Dịch

---o0o---

Tất Đạt

Cạnh những con thuyền, dưới ánh nắng ven sông, trong bóng cây cổ thụ và trong khu rừng vàng nhạt, Tất Đạt, người con trai Bà La Môn đĩnh ngộ ấy đang lớn lên cùng bạn chàng là Thiện Hữu. Nắng nhuộm màu “bồ quân” đôi vai thon đẹp khi chàng tắm lễ “thánh tẩy”. Mắt chàng thoáng những nét trầm tư mỗi lúc chàng dạo chơi trong khu rừng xoài, khi nghe mẹ hát, trong những buổi học với cha, hay khi chuyện trò cùng những người thức giả. Tất Đạt từ lâu đã sớm dự phần trong các cuộc đàm luận của những bậc tri thức, thường tranh biện với Thiện Hữu và cùng bạn thực tập suy tư quán tưởng. Chàng có thể đọc tiếng “Om” trong im lặng – nói tiếng ấy trong tâm khi thở vào và thở ra, với tất cả tâm hồn, vầng trán chàng chói ngời tia sáng trí tuệ.

Cha chàng rất sung sướng vì con thông minh và khát khao hiểu biết. Ông tin tưởng chàng sẽ lớn lên thành một học giả, một mục sư, một hoàng tử trong giới Bà La Môn.

Mẹ chàng đầy kiêu hãnh khi nhìn con đi, đứng, khoẻ mạnh, xinh đẹp, dẻo dai. Tất Đạt chào mẹ với một dáng điệu nho nhã.

Và mỗi khi Tất Đạt dạo bước qua phố phường, với vầng trán cao, đôi mắt vương giả, dáng điệu thanh tao, thì những cô gái Bà La Môn bỗng nghe lòng rộn lên một niềm yêu thương rào rạt.

Thiện Hữu bạn chàng, con một người Bà La Môn, yêu chàng hơn ai hết. Chàng yêu đôi mắt và giọng nói trong trẻo của Tất Đạt. Chàng yêu dáng đi của Tất Đạt, cử động của chàng. Chàng yêu tất cả những điều Tất Đạt làm và nói, và trên tất cả, chàng yêu kiến thức của Tất Đạt, những tư tưởng đẹp đẽ và đầy nhiệt tình, ý chí mạnh mẽ và thiên tính cao vời của chàng. Thiện Hữu biết rằng chàng trai kia sẽ không trở thành một người Bà La Môn tầm thường, một người hành lễ tế thần biếng nhác, một kẻ ham nói phù chú, một người hùng biện khoác lác, một mục sư xảo quyệt, hay chỉ một con chiên ngoan ngớ ngẩn giữa đàn chiên đông. Không, và chính chàng, Thiện Hữu cũng không muốn trở thành bất cứ một cái gì trong số ấy, trở thành một Bà La Môn như trăm ngàn Bà La Môn khác. Chàng muốn theo Tất Đạt, con người khả ái tuyệt vời kia. Vì nếu Tất Đạt có ngày trở thành một vị chúa tể, có ngày nếu chàng bước vào cõi quang minh, thì lúc ấy Thiện Hữu muốn theo chàng như bạn chàng, như người tôi của chàng, như cái bóng của chàng.

Mọi người đều yêu quí Tất Đạt như thế. Chàng làm cho họ vui vẻ hạnh phúc. Nhưng chính chàng, Tất Đạt, lại không hạnh phúc. Lúc lang thang dọc những con đường hồng trong vườn, khi ngồi trầm tư trong bóng xanh nhạt của cụm rừng, khi rửa đôi chân trong buổi thánh tẩy với tư thái đầy trang nghiêm, đâu đâu chàng cũng được mọi người quí trọng và là nguồn vui cho tất cả. Tuy thế thâm tâm chàng lại không được yên vui. Mộng ảo và những suy tư khắc khoải dồn vào tâm tưởng chàng từ khúc sông cuồn cuộn, từ những vì sao lấp lánh, từ ánh mặt trời chan hoà. Mộng tưởng và vọng động xâm chiếm chàng, dâng lên từ làn khói của những cuộc tế thần, phát ra từ những thánh thi tuôn tràn từ những giáo lý của các vị Bà La Môn.

Tất Đạt bắt đầu thấy những hạt giống khổ đau trong chàng. Chàng bắt đầu cảm thấy tình thương của song thân cũng như tình thương của Thiện Hữu không thể cho chàng hạnh phúc bình an, không thể thoả mãn chàng. Chàng bắt đầu ngờ rằng phụ thân đáng kính của chàng và các sư phụ khác, những vị Bà La Môn thông thái đã truyền hết cho chàng những tri kiến của họ rồi, tất cả kiến thức của họ đã trút vào túi khôn của chàng rồi. Nhưng túi khôn không đầy, trí năng chàng không thoả mãn, linh hồn chàng không bình yên và con tim không an nghỉ. Nước tịnh thuỷ tắm hàng ngày thật tốt, nhưng đây cũng chỉ là nước, không thể rửa sạch tội lỗi, không làm vơi bớt khổ đau của tâm hồn. Những cuộc tế thần và khấn nguyện cùng Thượng đế thật là tuyệt diệu, nhưng đấy phải chăng là tất cả? Và thần linh ấy là gì? Có phải thật là đấng sáng tạo ra thế giới? Không phải rằng linh hồn duy nhất đã tạo ra vũ trụ hay sao? Và thần linh phải chăng là những hình thái được tạo dựng như tôi

và người, những sinh vật phù du? Và như thế phải chăng rất nên dâng lễ cho các thần linh? Và ta phải dâng cúng lễ vật cho ai nữa, phải kính nể ai nữa nếu không phải thần linh. Linh hồn duy nhất? Và linh hồn ở đâu, trái tim bất diệt ở đâu, nếu không phải Tự ngã, trong phần thâm sâu, bất diệt mà mỗi người đều mang sẵn? Nhưng đâu là Tự ngã ấy, phần thâm sâu ấy? Đấy không phải là thịt xương, cũng không phải tư tưởng hay ý thức. Những người trí thức đều dạy chàng như thế. Vậy thì nó ở đâu? Đi tìm Tự ngã, Linh hồn ấy, có nơi nào khác đáng đặt chân không? Không ai chỉ đường, vì không ai biết, từ cha chàng, thầy chàng, những bậc thức giả cho đến những bài thánh thi. Những người Bà La Môn và những thánh kinh của họ biết hết về mọi sự, họ đã đi sâu vào mọi vấn đề -- sự tạo thiên lập địa, nguồn gốc của ngôn ngữ, thức ăn, hơi thở vào, thở ra, sự sắp đặt của những giác quan, hành động của những thần linh. Họ thông thạo vô số vấn đề -- nhưng có bõ công không, nếu họ không thấu hiểu vấn đề quan trọng độc nhất?

Nhiều câu thơ của thánh kinh nhất là Áo Nghĩa Thư – có nói về cái thâm sâu ấy. Kinh chép rằng: “Linh hồn mi là cả vũ trụ”. Khi một người ngủ, người ấy đi vào trong phần thâm sâu của mình va an trú trong linh hồn. Những câu thơ này chứa đựng một trí tuệ tuyệt diệu, mọi hiểu biết của thánh hiền đã diễn tả đầy trong ngôn ngữ diễm lệ, trong trẻo như mật hoa mà những con ong hút được. Không, vốn liếng tri thức to tát ấy, đã được bao thế hệ kế tiếp của những người hiền triết Bà La Môn kết tập duy trì, không thể nào dễ khinh thường. Nhưng đâu là những người Bà La Môn, mục sư, hiền triết đã thành công – không những trong sự nắm vững được tri thức sâu xa nhất này mà còn trong sự chứng nghiệm tri thức ấy? Đâu là người đã được điểm đạo để có thể, khi đạt đến linh hồn trong giấc ngủ, giữ linh hồn ấy lại trong trí thức, trong đời sống, khắp nơi, trong ngôn ngữ và hành động hàng ngày? Tất Đạt quen biết rất nhiều vị Bà La Môn đáng kính, nhất là cha chàng, một người thánh thiện, thông thái và được quí trọng. Cha chàng thật đáng kính phục với phong độ trầm tĩnh uy nghi. Ông sống một đời sống tốt đẹp, lời nói thì khôn ngoan, tư tưởng thì thanh cao, tế nhị -- nhưng cả đến ông ta, người biết nhiều như thế, ông ta sống có hạnh phúc chăng? Có được bình an chăng? Ông ta lại không là người không ngớt tìm kiếm đó sao? Ông lại không liên tục tìm đến nguồn với cơn khát không bao giờ được thoả mãn, đến những cuộc tế thần, hay tìm đến sách vở và những cuộc luận đàm của dòng Bà La Môn đấy hay sao? Tại sao cha, người không có lỗi lầm ấy, phải rửa sạch tội lỗi và ráng sức tẩy mình mỗi ngày? Thế thì linh hồn không có ở trong cha hay sao? Nguồn suối không có sẵn trong chính tâm ông sao? Người ta phải tìm thấy nguồn ở ngay trong tự thân mình, phải chiếm hữu nó. Mọi việc làm khác đều là mò mẫm sai lầm.

Đấy là những suy tư của Tất Đạt, nỗi khát khao của chàng, nỗi sầu muộn của chàng.

Chàng nhẩm lại với mình những lời trong quyển thánh kinh: "Thật ra tên của Đại ngã là chân lý. Thật vậy, ai biết điều này sẽ đi vào thế giới thần tiên mỗi ngày". Thế giới thần tiên ấy có vẻ như gần, nhưng chưa bao giờ chàng hoàn toàn đạt đến nó thật sự, chưa bao giờ chàng thoả mãn được nỗi khát khao to lớn nhất. Và trong số những bậc hiền triết mà chàng quen biết và nghiền ngẫm lời dạy, cũng không có một ai hoàn toàn đạt đến cõi ấy - thế giới thần tiên. Không một ai giải được niềm khát khao tối hậu.

- Thiện Hữu, Tất Đạt nói với bạn, bạn hãy đi cùng tôi lại cây bàng kia. Chúng ta hãy tập thiền quán.

Họ đến cây bàng và ngồi cách nhau hai chục bước. Khi chàng ngồi, sẵn sàng đọc chữ "Om", Tất Đạt lẩm nhẩm đọc câu thơ: "Om là chiếc cung, mà tên là linh hồn. Thượng đế, là đích mũi tên. Ở đó người nhắm đến không lay chuyển".

Khi giờ tập toạ thiền thường lệ ấy đã qua, Thiện Hữu đứng dậy. Trời đã về chiều. Ấy là giờ thánh tẩy buổi chiều. Thiện Hữu gọi tên bạn, nhưng Tất Đạt không trả lời. Chàng ngồi đăm chiêu, đôi mắt chú mục như hướng về một cõi xa xăm, đầu lưỡi hơi lộ ra giữa hai hàm răng bầu biếc. Chàng không có vẻ như đang hô hấp; chàng ngồi như thể mất hút trong quán tưởng, nghĩ "Om", linh hồn như mũi tên hướng về Đại ngã, Thượng đế.

Một ngày kia, vài vị Sa Môn đi qua thành phố của Tất Đạt. Là những người khổ hạnh lang thang, họ gồm ba người đã gầy mòn, không già không trẻ, đôi vai đầy bụi và rướm máu, gần như trần trụi, thân thể rám nắng, họ có vẻ cô đơn lạ lùng và tương phản với thế giới loài người. Xung quanh họ bao phủ một làn không khí của lòng say mê tận tuy và xã kỷ không chút tiếc thương.

Chiều ấy sau giờ quán tưởng, Tất Đạt nói với bạn: "Ngày mai tôi sẽ đi theo những vị Sa Môn. Tất Đạt sẽ trở thành Sa Môn như họ". Thiện Hữu choáng váng khi nghe những lời nói ấy và đọc niềm cương quyết trên nét mặt cương nghị của bạn, một niềm cương quyết không chuyển hướng tợ mũi tên phóng khỏi tầm cung. Khi nhìn nét mặt bạn, Thiện Hữu nhận rõ ngay giờ đã đến; Tất Đạt sắp bước lên đường chọn lựa; định mệnh chàng bắt đầu ló dạng và cùng với định mệnh Tất Đạt, định mệnh Thiện Hữu cũng theo cùng. Và mặt Thiện Hữu bỗng tái xanh như tàu lá, chàng kêu lên:

- Ồ! Tất Đạt! Liệu phụ thân anh có cho phép chăng?

Tất Đạt nhìn bạn như một người tỉnh giấc. Nhanh như chớp chàng đọc thấu tâm can bạn, nỗi lo âu, lòng tùng phục.

- Đừng phí lời, Thiện Hữu – chàng khẽ nói. Ngày mai, lúc rạng đông tôi sẽ bắt đầu đời sống Sa Môn. Chúng ta đừng thảo luận chuyện ấy nữa.

Tất Đạt bước vào phòng khi cha đang ngồi trên một tấm đệm. Chàng tiến đến sau lưng cha và đứng lặng cho đến khi cha biết có chàng.

- Con đấy ư, Tất Đạt? Ông hỏi. Cứ nói lên cho cha nghe những gì con đang nghĩ.

- Thưa cha, nếu cha cho phép, con đến thưa cha rằng con muốn rời nhà ngày mai, để đi theo những người khổ hạnh. Con muốn trở thành một vị Sa Môn. Con tin rằng cha sẽ không ngăn cản.

Người hiền triết Bà La Môn lặng im rất lâu, lâu quá đến nỗi khi những vì sao đã lạc qua song cửa nhỏ và chuyển hướng, sự im lặng trong gian phòng mới được đánh tan. Người con đứng lặng, hai vòng tay khép chặt. Người cha cũng bất động ngồi trên chiếc thảm. Những ngôi sao băng qua nền trời. Rồi ông bảo:

- Không lẽ cha, một người tu đạo lại thốt lời giận dữ hùng hổ, nhưng cha rất bất bình. Cha không muốn con lặp lại lời xin ấy một lần nữa.

Bậc hiền nhân từ từ đứng lên. Tất Đạt vẫn khoanh tay đứng lặng.

- Tại sao còn đợi đấy? Cha chàng hỏi.

- Cha cũng hiểu tại sao rồi. Chàng đáp.

Người cha rời phòng, bất mãn và đi nằm.

Khi đã một giờ trôi qua không ngủ được, vị hiền nhân đứng dậy, đi bách bộ ra khỏi nhà. Ông nhìn qua cửa sổ nhỏ và thấy Tất Đạt vẫn đứng khoanh tay bất động. Ông có thể thấy chiếc áo nhạt của chàng thấp thoáng. Tâm hồn bất an, người cha trở về giường nằm. Một giờ nữa lại trôi qua, ông không ngủ được, lại trở dậy đi bách bộ, ra khỏi nhà và thấy trăng đã lên. Ông nhìn qua

cửa sổ. Tất Đạt còn đứng đấy, bất động, vòng tay vẫn khép; mảnh trăng chiếu trên chân chàng. Người cha đi ngủ, lòng xao xuyến.

Một giờ sau ông trở ra và hai giờ sau ra lại, nhìn qua cửa sổ thấy Tất Đạt vẫn còn đứng đó trong ánh trăng, trong ánh sao, trong đêm tối. Ông yên lặng trở lại hàng giờ, và vẫn thấy Tất Đạt đứng đấy bất động. Lòng ông tràn ngập giận, lo, sợ và buồn.

Vào giờ cuối đêm, trước bình minh, người cha trở lại, đi vào phòng và thấy đứa con niên thiếu vẫn còn đứng.

Ông trông thấy dáng chàng cao và xa lạ với mình. Ông gọi:

- Này Tất Đạt, sao con còn đợi kia?

- Cha đã biết tại sao.

- Con có đợi được đến mai, trưa, chiều hay không?

- Con sẽ đứng và đợi.

- Con sẽ mệt mỏi, Tất Đạt?

- Con không mệt mỏi.

- Con sẽ buồn ngủ, Tất Đạt?

- Con sẽ không buồn ngủ.

- Con sẽ chết, Tất Đạt?

- Con sẽ chết.

- Và con thà chết còn hơn là nghe lời cha con?

- Con luôn luôn nghe lời cha.

- Vậy thì con hãy bỏ ý định của con đi?

- Con sẽ làm những gì cha dạy bảo.

Ánh sáng đầu tiên của ngày lan vào phòng. Người Bà La Môn trông thấy hai đầu gối của Tất Đạt run nhẹ, nhưng gương mặt chàng bình thản, đôi mắt nhìn vô tận. Người cha nhận ra rằng Tất Đạt không thể ở lại với mình lâu hơn -- rằng Tất Đạt sắp rời bỏ mình. Ông đặt tay lên vai Tất Đạt và bảo:

- Con sẽ đi vào rừng làm thầy Sa Môn. Nếu con tìm thấy hạnh phúc trong rừng sâu, hãy trở về và chỉ lại cho ta. Nếu con thấy đấy chỉ là ảo tưởng, hãy trở về, và chúng ta sẽ lại cúng tế các thần linh. Bây giờ hãy hôn mẹ con và thưa lại cho mẹ hay nơi con đến. Còn ta đã đến giờ ra sông làm lễ thánh tẩy.

Ông buông vai Tất Đạt và ra đi. Tất Đạt lảo đảo bước. Chàng cố gượng cúi chào cha và tìm mẹ theo lời cha dặn.

Khi Tất Đạt rời châu thành yên tĩnh đang say ngủ vào lúc rạng đông với đôi chân tê cóng, một bóng người âm thầm xuất hiện từ căn lều cuối cùng và theo dõi chàng. Đó là Thiện Hữu. Tất Đạt mỉm cười.

- Bạn đến đấy à!

- Tôi vừa đến. Thiện Hữu trả lời.

---o0o---

Đoàn Sa Môn

Chiều hôm đó gặp các vị Sa Môn và xin gia nhập đoàn thể. Các vị Sa Môn chấp nhận. Tất Đạt cho một người Bà La Môn nghèo khổ gặp trên đường quần áo của mình và chỉ giữ lại chiếc áo cừu và chiếc áo khoác rách vai màu đất. Chàng chỉ ăn mỗi ngày một bữa và không bao giờ nấu đồ ăn. Chàng nhịn mười bốn ngày - Rồi hai mươi tám ngày. Trên bắp chân và trên má, thịt biến đi đâu mất. Những giấc mơ lạ phản chiếu trên đôi mắt lớn của chàng. Móng tay chàng mọc dài trên đầu những ngón gầy, và một chòm râu khô cứng xuất hiện dưới cằm. Cái nhìn của chàng trở nên lạnh giá khi tiếp xúc với đàn bà, đôi môi mím lại một vẻ khinh thường khi chàng đi qua phố thị có đông người ăn mặc xa hoa. Chàng nhìn những thương gia buôn bán, các ông hoàng đi săn, những người tang chế khóc người chết, những người kỹ nữ bán thân, các bác sĩ săn sóc bệnh, những tình nhân đang tình tự, những người mẹ đang vỗ về con. Và tất cả không đáng một cái nhìn thoáng qua, tất cả đều lừa dối: hạnh phúc và sắc đẹp đều là ảo ảnh của giác quan -- tất cả đều đưa về huỷ diệt. Thế gian đượm vị đắng cay. Cuộc đời là nỗi đau khổ.

Tất Đạt chỉ có một mục đích duy nhất là trở thành trầm tĩnh. Không khao khát, không ham muốn, không mộng mị, không vui và không buồn. Để cho cái ngã tiêu diệt – không còn ngã nữa, chứng nghiệm được sự bình an của một tâm hồn tịch mịch, chứng nghiệm tâm linh thuần tuý. Đó là mục đích của chàng. Khi cái ngã bị nhiếp phục và huỷ diệt, khi mọi đam mê và dục vọng bị lắng xuống, thì thực thể thâm cùng phải hiển lộ -- không còn ngã nữa, nhưng là một cái gì huyền nhiệm cao vời. Tất Đạt đứng lặng im trong ánh nắng dữ dội, vừa đau rát vừa khát cháy, và đứng cho đến khi không còn cảm thấy đau, khát nữa. Chàng đứng lặng im trong mưa, nước từ mái tuôn xuống đôi vai cóng lạnh, xuống bắp vế và hai ống chân. Và người khổ hạnh đứng cho đến khi đôi vai và hai chân hết giá buốt, cho đến khi chúng hết cảm giác, bất động. Chàng lặng lẽ ngồi trên gai nhọn. Máu nhỏ giọt từ làn da quằn quại của chàng, ung nhọt thành hình, và Tất Đạt vẫn bất động, kiên cố, cho đến khi máu ngừng chảy, cho đến khi hết nghe châm chích, hết nghe đau đớn.

Tất Đạt ngồi thẳng và tập tiết kiệm hơi thở, cố thở ít lại, nhịn thở. Chàng tập lắng nhịp của tim khi thở vào, tập làm tim đập ít lại – cho đến khi rất ít, rồi không còn nữa. Nhờ vị Sa Môn trọng tuổi nhất dạy bảo, Tất Đạt tập sự quên mình và trầm tư theo những quy luật của Sa Môn. Một con hạc bay qua rừng trúc và Tất Đạt thu nhiếp nó vào tâm, bay qua rừng núi, trở thành con hạc, ăn cá, đói cái đói của hạc, dùng ngôn ngữ hạc và chết cái chết của một con hạc. Một con chồn chết nằm trên bờ cát và hồn của Tất Đạt nhập vào xác nó; chàng trở thành một con chồn chết, nằm trên bãi, bị sình trương, hôi thối, bị báo ăn hết bốn chân, diều hâu rỉa thịt, trở thành một bộ xương, trở thành cát bụi hoà với không khí. Và hồn Tất Đạt trở lại chết, huỷ hoại, thành cát bụi, thực nghiệm vòng khổ đau của một chu kỳ sống. Chàng đợi chờ với một niềm khát khao mới như một người đi săn đứng trên vực thẳm, nơi mà chu trình sống kết liễu, ở đó không cần nguyên nhân và ở đó sự thường tại không đau khổ bắt đầu. Chàng tiêu diệt mọi cảm giác, tiêu diệt ký ức, đi ra khỏi cái ngã của mình dưới trăm nghìn hình hài khác nhau. Chàng quán mình là súc vật, đá, gỗ, nước, và sau mỗi lần chàng lại tỉnh dậy. Mặt trời hay mặt trăng vẫn chiếu, chàng lại là chính chàng, đi vào chu kỳ sống, khát khao, chiến thắng khát khao, rồi lại có những khát khao mới.

Tất Đạt học hỏi rất nhiều từ các vị Sa Môn, chàng học được nhiều cách thức để diệt ngã. Chàng phiêu du qua các đoạn đường diệt ngã bằng khổ đau, qua sự đau khổ tự nguyện và chiến thắng khổ đau, qua đói khát và mệt nhọc. Chàng phiêu lưu qua những con đường diệt ngã bằng trầm tư, bằng gạn lọc khỏi tư tưởng hết mọi hình ảnh. Chàng đã học trải qua những con đường này

và những con đường khác. Chàng diệt ngã được một nghìn lần và có những ngày chàng đã sống trong phi ngã. Nhưng mặc dầu những con đường đưa chàng ra khỏi ngã, cuối cùng chúng luôn luôn đưa chàng trở lại ngã. Mặc dầu Tất Đạt rời bỏ ngã một ngàn lần, sống bằng phi ngã trong con vật hay đá, đất, sự trở lại vẫn không thể tránh. Không thể tránh lúc chàng trở lại chính chàng, trong ánh mặt trời hay trong ánh trăng, trong nắng hay dưới mưa, và trở lại Ngã hay Tất Đạt, trở về niềm khắc khoải, về kiếp luân hồi nặng nề.

Cạnh chàng Thiện Hữu sống như cái bóng của chàng; Thiện Hữu cùng phiêu lưu qua con đường của chàng, và cùng làm những cố gắng của chàng. Họ ít chuyện trò riêng với nhau trừ những điều cần thiết về công việc hay thực tập. Một đôi khi họ cùng đi qua các làng khất thực. Một lần Tất Đạt hỏi Thiện Hữu:

- Này Thiện Hữu, anh nghĩ sao? Anh có nghĩ rằng chúng ta đã tiến thêm bước nào chưa? Đã đạt được mục đích của chúng ta chưa?

- Chúng ta đã và đang học tập. Rồi anh sẽ trở thành một Sa Môn cao cả, Tất Đạt. Anh đã học thật là nhanh các bài tập, vị Sa Môn trưởng thường khen anh. Một ngày kia anh sẽ là một bậc thánh, Tất Đạt.

- Không có việc ấy đâu bạn ơi, những điều tôi đã học với các vị Sa Môn cho đến nay, đáng lẽ tôi cũng có thể học mau hơn và dễ dàng hơn trong bất cứ tửu quán nào, trong xóm điếm, với những phu khuân vác và những người cờ bạc.

- Nói đùa chứ. Làm sao anh có thể tập thiền quán, nín thở và thản nhiên trước đói khát, đớn đau với những người vô phúc đó?

Tất Đạt trả lời nhỏ, như nói với chính mình:

- Thiền quán là gì? Bỏ quên tự thân là gì? Nhịn đói là gì? Điều hoà hơi thở là gì? Đó là sự vượt ra ngoài Tự ngã, đó là sự vượt ra ngoài dày vò của Tự ngã trong nhất thời, những viên thuốc tạm bợ chống lại đau khổ và điên đảo cuộc đời: người đánh xe bò cũng dùng lối thoát đó, phương thuốc nhất thời đó khi ông ta uống ít chén rượu nếp trong quán; ông ta không còn cảm thấy có mình nữa, không còn cảm thấy khổ đau của cuộc đời, và như thế, ông chứng nghiệm sự thoát ly trong chốc lát. Gục trên chén rượu nếp, ông ta biết được cái mà Tất Đạt và Thiện Hữu tìm thấy khi chúng ta thoát khỏi tự thân bằng những tập luyện dài và sống trong vô ngã.

- Anh nói vậy nhưng anh cũng biết là Tất Đạt không phải là người đánh xe bò và một Sa Môn thì không uống rượu – người uống rượu tất nhiên cũng tìm được thoát ly và an nghỉ, nhưng nó sẽ thức tỉnh trước ảo tưởng và tìm thấy mọi vật như cũ. Nó không thể khôn ngoan, nó không tăng thêm trí thức, nó không trèo cao hơn chút nào.

Tất Đạt trả lời với một nụ cười trên nét mặt:

- Tôi không biết – Tôi chưa bao giờ uống rượu. Nhưng tôi chỉ tìm thấy một an ủi ngắn ngủi trong những thực tập về thiền quán của tôi, và tôi thật còn xa vời trí tuệ, giải thoát, như một đứa trẻ còn trong lòng mẹ, và điều này thì Thiện Hữu ơi, tôi biết rõ lắm.

Một dịp khác khi Tất Đạt rời khỏi cánh rừng cùng Thiện Hữu đi khất thực, Tất Đạt bắt đầu trò chuyện và hỏi:

- Này Thiện Hữu. Chúng ta đã đi đúng đường chưa? Chúng ta có tăng thêm trí thức không? Chúng ta gần đạt đến giải thoát chưa? Hay chúng ta chỉ đang đi trong những vòng luân hồi – trong lúc chúng ta đang nghĩ cách thoát khỏi?

Thiện Hữu nói:

- Chúng ta đã học nhiều Tất Đạt ạ. Chúng ta không ở mãi trong vòng luân hồi đó, chúng ta đang đi ra ngoài. Con đường là một đường xoáy ốc. Chúng ta vừa trèo xong nhiều bậc rồi.

- Bạn nghĩ vị thầy khả kính của chúng ta chừng bao nhiêu tuổi.

- Tôi nghĩ nhiều nhất là vào khoảng sáu mươi.

- Người đã sáu mươi tuổi và chưa đạt đến Niết Bàn. Người sẽ già bảy mươi, tám mươi và anh với tôi sẽ lớn lên và già như người, tập được nhịn đói và thiền quán, nhưng chúng ta sẽ không đạt đến Niết Bàn, người cũng như chúng ta. Thiện Hữu ơi, tôi tin rằng giữa các Sa Môn, có thể không được ai vào Niết Bàn cả. Chúng ta tìm thấy an ủi, chúng ta học những mánh lới tự lừa dối chúng ta, nhưng điều cốt yếu -- Chính Đạo – ta không tìm thấy.

- Đừng nói gở như thế Tất Đạt ơi! Làm sao có thể tin rằng giữa bao nhiêu người học thức, giữa bao nhiêu người Bà La Môn, bao nhiêu Sa Môn xứng đáng và khắc khổ, giữa bao nhiêu người đi tìm, bao nhiêu người hy sinh cho

đời sống nội tâm, bao nhiêu người thánh thiện ấy, lại chẳng có ai sẽ tìm ra Chính Đạo?

Tất Đạt vẫn nói bằng một giọng chua chát pha lẫn phiền muộn. Có một vẻ gì buồn bã, một vẻ gì dí dỏm trong giọng nói của chàng:

- Thiện Hữu, rồi bạn anh sẽ rời con đường của các Sa Môn mà trên đó nó đã du ngoạn với anh rất lâu. Tôi đau niềm khao khát và trên bước đường Sa Môn dài, niềm khao khát của tôi không hề thuyên giảm. Tôi luôn khao khát hiểu biết và luôn luôn tràn đầy những nghi vấn. Năm này qua năm khác tôi đã đi hỏi các vị Bà La Môn, hỏi những pho kinh thánh. Thiện Hữu ạ, có lẽ đi hỏi một chú lợn rừng hay một chị vượn cũng đáng và cũng thiêng liêng bằng. Tôi đã phí rất nhiều năm tháng nhưng vẫn chưa xong, để học được một điều này là: người ta không học được gì cả. Tôi tin rằng trong bản chất mỗi sự vật, có một cái gì mà chúng ta không thể học được. Thiện Hữu ơi, chỉ có một tri thức ở khắp nơi, là Đại ngã, trong tôi, trong anh và trong mọi sinh vật, và tôi bắt đầu tin rằng tri thức ấy không có một kẻ thù nào thù nghịch hơn là con người tri thức, hơn sự học.

Đến đây Thiện Hữu dừng lại trên đường, đưa hai tay lên và nói:

- Tất Đạt, đừng làm bạn anh phiền muộn với những câu chuyện như vậy. Thật thế, những lời của anh làm tôi xao động. Hãy suy nghĩ lại, những bài cầu nguyện của chúng ta, sự khả kính của các vị Bà La Môn, sự thiêng liêng của các Sa Môn sẽ có nghĩa gì nếu không có học thức như lời anh nói? Tất Đạt, mọi sự sẽ trở thành gì trên trái đất này, còn cái gì thánh thiện nữa, còn cái gì thiêng liêng và quý giá nữa?

Thiện Hữu lẩm nhẩm một câu thơ, một câu kinh từ Áo Nghĩa Thư, “Kẻ mà linh hồn trong sạch thấm nhuần Đại ngã sẽ hiểu thánh ân không thể diễn tả bằng ngôn từ”. Tất Đạt im lặng. Chàng đắm trong lời thơ mà Thiện Hữu vừa thốt ra.

Phải – chàng đứng cúi đầu suy nghĩ – cái gì còn lại từ tất cả những gì mà chúng ta cho là thiêng liêng? Cái gì còn lại? Cái gì được bảo tồn? Và chàng lắc đầu.

Lúc hai người sống chung với các vị Sa Môn được chừng ba năm và cùng nhau tham dự những buổi thực tập, một hôm, họ bỗng nghe một tiếng đồn từ nhiều nguồn.

Có một người đã xuất hiện, tên là Cồø Đàm, đức Như Lai, đức Phật. Người đã nhiếp phục được nỗi khổ của đời và đã làm ngưng được con đường sinh tử. Người lang thang khắp xứ để giảng đạo, các đồ đệ vây quanh. Không của cải, nhà cửa, vợ con. Người mặc một cái áo khoác màu vàng của nhà khổ hạnh, vừng trán cao và thánh thiện. Những người Bà La Môn và các hoàng tử nghiêng mình trước Người và trở thành học trò của Người. Tin ấy được đồn đãi ra xa và lan khắp.

Những người Bà La Môn bàn về nguồn tin ấy trong thành thị, những Sa Môn bàn trong núi rừng, dần dần đến tai đôi bạn trẻ, có khi nghe hoan nghênh, có khi nghe phỉ báng. Cũng như khi một miền bị bệnh dịch hoành hành, và có một tin đồn rằng có một hiền nhân, một nhà thức giả, có thể dùng lời nói và hơi thở để chữa lành bệnh, khi tin ấy được bàn tán khắp nơi, sẽ có nhiều người ngờ vực, nhiều người đến tìm vị thánh nhân ấy tức khắc, cũng như thế, lời đồn đãi về đấng Cồ Đàm, đức Phật, dòng họ Thích Ca lan khắp xứ. Người có trí tuệ cao vời – người ta bảo: Người nhớ được tiền kiếp, đã đạt đến Niết Bàn và không còn luân hồi sinh tử, không còn chìm đắm trong dòng hình hài vẩn đục. Nhiều điều kỳ diệu và khó tin được đồn về Người rằng, Người đã làm phép thần thông, đã nhiếp phục ma quỷ, đã chuyện trò với những thần linh. Những đối thủ và những người hoài nghi thì bảo rằng Cồ Đàm ấy chỉ là một người lừa bịp biếng nhác, ông sống xa hoa, khinh thường tế tự, không có học thức và cũng không biết gì về sự tu hành ép xác khổ hạnh.

Tin đồn về đức Phật có mãnh lực gây chú ý, hình như có phép lạ gì trong những lời đồn ấy. Thế giới đang bệnh hoạn, sự sống đầy khổ đau nên đâu đâu dường như cũng loé sáng một niềm hy vọng mới, một sứ giả đem lại vỗ về an lạc, đầy hứa hẹn. Khắp nơi đều có tin đồn về đức Phật. Các thanh niên khắp xứ Ấn Độ lắng nghe, cảm thấy một niềm khát khao hy vọng và trong làng mạc thành thị những người con của các vị Bà La Môn đón tiếp nồng hậu mỗi khi có người lạ mặt đến hoặc kẻ hành hương mang tin về đấng Giác Ngộ, đức Thích Ca Mâu Ni.

Tiếng đồn đến tai các vị Sa Môn trong rừng và Tất Đạt, Thiện Hữu nghe mỗi mẩu tin với niềm hy vọng, với nỗi hoài nghi. Họ ít bàn đến tin đồn ấy, vì vị Sa Môn trưởng không tán thành tin kia. Ông đã nghe rằng đức Phật người ta nói đến, ngày xưa đã từng tu khổ hạnh và sống trong rừng sâu, nhưng sau đó trở lại sống xa hoa với lạc thú thế tục và vì thế ông không tin Cồ Đàm.

- Tất Đạt ơi, Thiện Hữu một hôm bảo bạn, sáng nay khi tôi vào làng, một người Bà La Môn đã mời tôi vào nhà, và trong nhà có một người con trai Bà La Môn đã đến từ thành Thất La. Anh ta đã thấy tận mắt đức Phật và nghe Ngài thuyết pháp. Thật tôi đã tràn đầy khát vọng và tôi nghĩ: "Tôi mong sao cả Tất Đạt và tôi được sống đến ngày chúng ta có thể nghe lời dạy từ kim khẩu của đấng Vô Thượng Giác". Bạn ơi, chúng ta lại không đến đấy hay sao, để nghe chính Ngài chỉ giáo?

Tất Đạt bảo:

- Tôi vẫn tưởng rằng Thiện Hữu sẽ ở lại với những vị Sa Môn. Tôi luôn luôn tin rằng bạn tôi sẽ sống sáu mươi, bảy mươi tuổi mà vẫn còn thực hành những bí quyết của các Sa Môn dạy. Nhưng tôi đã hiểu bạn ít làm sao! Tôi đã chẳng hiểu gì trong thâm tâm của bạn cả! Bây giờ, bạn ơi, bạn đã mong mỏi vạch một con đường mới và đi nghe lời Người dạy.

Thiện Hữu nói:

- Anh vẫn thích thú để chế nhạo tôi. Không sao đâu, Tất Đạt. Nhưng chính anh, anh không cảm thấy mong muốn khát khao được nghe lời dạy ấy hay sao? Và chính anh đã không có lần nói với tôi rằng anh không đi theo con đường của những Sa Môn nữa đó sao?

Tất Đạt cười lớn và trong giọng chàng có lẫn mùi vị nửa buồn rầu nửa châm biếm. Chàng bảo:

- Đúng đấy, Thiện Hữu, bạn đã nhớ rất giỏi. Nhưng bạn cũng nên nhớ những điều khác tôi đã nói cùng bạn -- rằng tôi trở nên nghi ngờ sự dạy dỗ cũng như học hành và tôi không tin mấy về những lời mà những vị thầy nói ra. Nhưng tốt lắm bạn ơi: tôi cũng sẵn sàng để nghe những lời chỉ giáo mới mẻ mặc dù trong thâm tâm tôi vẫn tin rằng chúng ta đã nếm những quả tốt đẹp nhất của những lời giảng dạy ấy.

Thiện Hữu trả lời:

- Tôi rất sung sướng vì Tất Đạt đã bằng lòng. Nhưng hãy nói cho tôi nghe, làm sao những lời chỉ giáo của Cồ Đàm đã cho ta thấy những quả quí báu nhất khi mà ta chưa nghe lời Người nói.

Tất Đạt bảo Thiện Hữu:

- Hãy thưởng thức trái ngon này và chờ đợi những trái sau. Trái ngon mà ta đã thừa hưởng của Cồ Đàm là sự kiện Ngài đã lôi kéo chúng ta ra khỏi những thầy Sa Môn. Còn có quả nào khác hơn và tốt lành hơn nữa, chúng ta hãy kiên tâm chờ xem.

Cùng hôm đó, Tất Đạt báo tin cho vị Sa Môn trưởng rằng chàng quyết định rời bỏ Người. Chàng nói với vẻ lễ độ khiêm tốn của một môn đệ trẻ tuổi. Nhưng vị Sa Môn già tức giận khi thấy rằng cả hai người học trò trẻ tuổi muốn bỏ mình, và ông ta cao giọng rầy mắng họ kịch liệt.

Thiện Hữu ngạc nhiên cực độ nhưng Tất Đạt rỉ tai bạn: "Bây giờ tôi sẽ làm cho ông già thấy rõ rằng tôi đã học được ít nhiều với ông ta".

Chàng đứng gần vị Sa Môn, tập trung thần trí; chàng nhìn vào đôi mắt của ông lão và dùng nhãn lực xâm chiếm ông ta, thôi miên ông, làm ông câm nín, thu phục ý chí ông và lặng lẽ sai bảo ông ta làm theo ý chàng. Ông già trở nên im lặng, đôi mắt long lên, ý chí kiệt quệ hẳn, cánh tay buông thõng. Ông ta bất lực dưới bùa chú của Tất Đạt. Ý tưởng của Tất Đạt nhiếp phục hết ý tưởng của thầy Sa Môn già, ông ta phải làm những gì chàng sai khiến và cứ thế ông ta cúi đầu nhiều bận, ban phép lành và lầm bầm những lời chúc tụng chàng một cuộc hành trình tốt đẹp. Đôi bạn trẻ cám ơn ông ta, đáp lễ và ra đi. Trên đường Thiện Hữu bảo:

- Tất Đạt, anh đã học của những thầy Sa Môn nhiều hơn là tôi tưởng. Thôi miên được một vị Sa Môn già rất khó khăn. Quả thật nếu anh ở lại, nhất định anh sẽ học được cách đi trên nước.

- Tôi không muốn được đi trên nước, Tất Đạt bảo – hãy để cho những Sa Môn tự mãn với những bí thuật như vậy.

---o0o---

Cồ Đàm

Trong thành Thất La, mọi trẻ con đều biết đến đức Phật Đại Giác và mọi nhà sẵn sàng đồ cúng dường để đổ vào bình bát của những đồ đệ Ngài lặng lẽ đi khất thực. Gần thành phố có chỗ ưa thích của đức Cồ Đàm, rừng Lộc Uyển mà thương gia giàu có tên Cấp Cô Độc, một cư sĩ đã tận tụy cúng dường Ngài. Hai bạn trẻ khổ hạnh, khi đi tìm chỗ ở của đức Cồ Đàm đã được chỉ đến vùng này; và khi họ đến Thất La lặng lẽ khất thực trước cửa

nhà đầu tiên, thức ăn liền được dâng cúng. Họ chia nhau thực phẩm, Tất Đạt hỏi người đàn bà cúng dường:

- Thưa bà, chúng tôi rất muốn biết đức Phật, đấng Giác Ngộ hiện đang ở đâu? Chúng tôi là Sa Môn từ rừng núi xuống và muốn đi gặp đấng Đại Giác để nghe những lời dạy từ miệng Ngài thốt ra.

Người đàn bà nói: "Các ngài đã đến đúng chỗ, thưa các vị Sa Môn hạ sơn. Đấng Giác Ngộ hiện đang ở rừng Lộc Uyển. Các ngài có thể ngủ lại ở đấy, hỡi quí vị khất sĩ, vì có đủ chỗ cho rất đông người đến tụ tập để nghe Ngài chỉ giáo".

Thiện Hữu sung sướng nói:

- Thế thì chúng ta đã đến đích và hành trình đã xong. Nhưng hỡi bà mẹ quí, bà có biết đức Phật không? Bà có thấy Ngài tận mắt không?

Người đàn bà đáp:

- Tôi đã thấy đức Giác Ngộ nhiều lần rồi chứ. Nhiều hôm tôi thấy Ngài đi qua những đường phố, lặng lẽ, khoác áo vàng, và im lặng chìa bát khất thực trước cửa các nhà rồi trở về với bát đầy.

Thiện Hữu lắng nghe thích thú và muốn hỏi nhiều, nghe nhiều nữa, nhưng Tất Đạt nhắc chàng phải đi. Họ cảm tạ rồi ra đi. Bấy giờ thì không phải hỏi đường nữa, vì có một số đồ đệ của đức Cồ Đàm đang trên đường đi đến vườn Lộc Uyển. Khi họ đến đấy vào đêm, còn có nhiều người tiếp tục đến. Nhiều lời nói nổi lên nhao nhao từ những kẻ đến xin chỗ trọ. Hai thầy Sa Môn nhờ quen đời sống núi rừng nên lặng lẽ dễ dàng tìm chỗ nghỉ và ở lại cho đến sáng.

Khi mặt trời lên cao họ ngạc nhiên thấy số lượng khổng lồ những tín đồ và kẻ hiếu kỳ đã ngủ đêm qua tại đây. Những thầy tu vận áo vàng đi bách bộ dọc khắp các con đường nhỏ trong khu rừng thâm u. Lác đác đây đó vài vị ngồi dưới bóng cây, mài miệt trầm tư hoặc luận đàm đạo lý. Khu vườn rợp bóng trông như một thành phố đầy ong chen chúc. Phần đông những tu sĩ ra đi với những bát khất thực để xin thức ăn cho buổi trưa, bữa ăn độc nhất trong ngày. Cả đến đức Phật cũng đi khất thực về ban sáng.

Tất Đạt thấy Ngài và nhận ra ngay, như thể một vị thần linh nào đã chỉ cho chàng. Chàng thấy Ngài mang bình bát lặng lẽ rời chỗ ở.

- Kìa! Đấy là đức Phật, Tất Đạt khẽ bảo Thiện Hữu. Thiện Hữu chú mục nhìn vị tu sĩ đắp y vàng, một vị tu sĩ khó mà phân biệt được giữa hàng trăm tu sĩ khác, nhưng Thiện Hữu cũng nhận ra. Phải, đấy chính là đức Phật, và họ đi theo chiêm ngưỡng Ngài.

Đức Phật lặng lẽ đi, dáng đăm chiêu suy nghĩ. Nét mặt bình an của Ngài không sung sướng cũng không buồn khổ. Ngài dường như hiền dịu mỉm cười trong tâm với một nụ cười kín đáo không khác nụ cười của một trẻ thơ khoẻ mạnh. Người bước đi bình an, lặng lẽ. Ngài đắp y và đi bộ giống hệt các vị tỳ kheo khác nhưng nét mặt Ngài cùng bước chân Ngài, cái nhìn xuống trầm lặng và đôi tay buông thả, và mỗi ngón tay Ngài đều nói lên một niềm bình thản đầy đặn, không tìm kiếm gì, không học đòi một cái gì, mỗi ngón tay phản chiếu một sự bình lặng liên tục, một ánh sáng không phai mờ, một niềm bình an bất khả tổn thương.

Cứ thế đức Cồ Đàm đi vào thành thị để khất thực, và hai người Sa Môn nhận ra Ngài chỉ nhờ tư thái tuyệt diệu của Ngài, sắc tướng vắng lặng của Ngài trong đó không có sự kiếm tìm, không có hiện diện của ý chí hay sự gắng công - chỉ thuần ánh sáng và niềm bình thản.

- Hôm nay chúng ta sẽ nghe lời dạy từ chính kim khẩu của Ngài, Thiện Hữu bảo.

Tất Đạt không trả lời. Chàng không thiết tha mấy tới những chỉ giáo. Chàng không nghĩ chúng sẽ dạy chàng điều gì mới lạ. Chàng cũng như Thiện Hữu, đã nghe những tinh hoa của Phật pháp dù chỉ nghe những lời tường thuật qua hai ba lần kể. Nhưng chàng nhìn chăm chú vào đầu đức Phật, vào vai Ngài, vào chân, vào bàn tay buông thong thả và chàng tưởng như mỗi đốt tay của Ngài đều chứa đựng tri thức, chúng nói lên, thở ra, tuôn phát ra chân lý. Người này, đức Phật này, quả thật là một người thánh thiện cho đến đầu ngón tay. Chưa bao giờ Tất Đạt kính trọng một người đến thế, chưa bao giờ chàng thương quí một người đến thế.

Buổi chiều, không khí nóng nực đã giảm và mọi người trong trại đã thức dậy tụ họp, họ nghe Phật thuyết pháp. Họ nghe tiếng Ngài, và tiếng ấy cũng thật tuyệt diệu, lặng lẽ và đầy thanh bình. Ngài nói về Khổ, nguồn gốc của Khổ, cách diệt Khổ. Sự sống là khổ đau, thế giới đầy đau thương, song con đường thoát khổ đã tìm ra. Những người theo đường của đức Phật sẽ tìm được sự cứu rỗi.
Đấng Giác Ngộ với một giọng dịu dàng nhưng đoan quyết, Ngài dạy về Tứ

diệu đế, Bát chánh đạo; và cùng với phương pháp dạy thông thường Ngài kiên nhẫn thêm vào những ví dụ và nhắc lại nhiều lần. Lặng lẽ và rõ ràng, giọng Ngài bay đến những thính giả như một ánh sáng, như một vì sao từ thiên giới.

Khi đức Phật đã chấm dứt -- trời đã về đêm – nhiều khách hành hương tiến lên xin được gia nhập vào giáo hội, đức Phật nhận lời và bảo:

- Các ngươi đã nghe những lời của Như Lai. Hãy đi theo ta và đi với niềm an lạc, chấm dứt mọi khổ đau.

Thiện Hữu, con người rụt rè, cũng bước lên nói:

- Tôi cũng muốn xin theo đấng Giác Ngộ và lời chỉ giáo của Ngài.

Chàng xin được nhập vào tăng chúng và liền được chấp thuận.

Khi đức Phật đã lui về nghỉ ban đêm, Thiện Hữu quay lại Tất Đạt và nói với vẻ nồng nhiệt:

- Tất Đạt, tôi không quen chỉ trích anh. Chúng ta đều nghe đấng Giác Ngộ. Tôi đã lắng nghe lời dạy và đã chấp thuận những lời ấy, nhưng còn bạn, bạn ơi, bạn lại không đặt chân lên đường giải thoát hay sao? Bạn còn trì hoãn gì nữa! Còn đợi gì nữa sao?

Khi nghe lời Thiện Hữu, Tất Đạt bừng tỉnh như vừa ngủ dậy. Chàng nhìn vào mặt Thiện Hữu một lúc lâu. Rồi chàng nhẹ nhàng bảo -- giọng không còn chế giễu:

- Thiện Hữu, bạn ơi, bạn đã bước chân đi và chọn đường, bạn đã luôn luôn là bạn quí của tôi. Thiện Hữu, bạn đã luôn đi sau tôi một bước. Tôi vẫn thường nghĩ: "Thiện Hữu có bao giờ bước một bước mà không cần đến tôi chăng, một bước đi từ sự tin tưởng vững vàng của chàng?". Giờ đây, bạn đã là một người đàn ông và đã chọn con đường riêng của bạn. Ước mong bạn sẽ đi đến cùng. Thiện Hữu, ước mong bạn sẽ tìm được giải thoát.

Thiện Hữu vẫn chưa hiểu rõ, lặp lại câu hỏi một cách nóng nảy:

- Nói đi, bạn! Hãy nói rằng bạn cũng sẽ không làm gì khác hơn là nguyện theo gót đức Phật?

Tất Đạt đặt tay lên vai bạn:

- Bạn đã nghe tôi chúc lành cho bạn, hỡi Thiện Hữu. Tôi lặp lại: mong sao cho bạn đi cuộc hành trình cho đến cùng; cho bạn tìm ra giải thoát!

Lúc ấy, Thiện Hữu mới nhận ra rằng bạn chàng đang bỏ chàng. Chàng bắt đầu khóc.

- Ồ Tất Đạt! Thiện Hữu nấc lên.

Tất Đạt dịu dàng bảo:

- Thiện Hữu ơi, đừng quên rằng bây giờ bạn ở vào hàng đệ tử của Phật. Bạn đã khước từ gia đình, cha mẹ, đã khước từ dòng dõi và tài sản, khước từ ý chí riêng, khước từ tình bạn hữu. Đấy là những gì giáo điều giảng dạy, đấy là ý muốn của đấng Giác Ngộ. Đấy cũng là những gì chính lòng bạn muốn. Ngày mai, Thiện Hữu ơi, tôi sẽ rời bạn.

Một lúc lâu, đôi bạn lang thang qua các khu rừng. Họ nằm xuống đất rất lâu nhưng không ngủ được. Thiện Hữu gạn hỏi bạn nhiều lần tại sao Tất Đạt không muốn theo lời dạy của đức Phật, chàng đã thấy khuyết điểm gì trong lời dạy ấy, nhưng mỗi lần Tất Đạt đều khoát tay:

- Bạn hãy bình tĩnh, Thiện Hữu. Lời dạy của đấng Giác Ngộ thật chí lý. Làm sao tôi có thể tìm ra khuyết điểm trong ấy?

Sáng sớm, một đồ đệ của đức Phật, một trong những vị tỳ kheo già nhất, đi khắp khu rừng và triệu tập tất cả những đồ đệ mới phát nguyện để khoác cho họ chiếc áo vàng và dặn dò những lời chỉ giáo đầu tiên về phận sự của họ. Khi ấy Thiện Hữu chỉ chạy đến hôn người bạn từ thời thơ ấu và khoác chiếc áo tăng lữ đầu tiên.

Tất Đạt đi lang thang trong khu rừng, để tâm trí trong suy tư. Ở đấy chàng gặp Cồ Đàm, đấng Giác Ngộ, và khi chàng kính cẩn chào Ngài và thấy nét mặt Phật đầy thiện đức và bình an, chàng thu hết can đảm xin phép được nói chuyện cùng Ngài, đấng Giác Ngộ lặng lẽ gật đầu.

Tất Đạt nói:

- Bạch đấng Đại Giác, hôm qua tôi đã hân hạnh được nghe những lời chỉ giáo tuyệt vời của Ngài. Tôi từ xa đến với bạn tôi để nghe Ngài và bây giờ

bạn tôi sẽ ở lại với Ngài, bạn đã nguyện theo Ngài. Còn tôi, tôi vẫn lại tiếp tục hành trình.

- Người cứ tự tiện, đấng Giác Ngộ ôn tồn đáp.

Tất Đạt tiếp lời:

- Có lẽ những lời của tôi quá táo bạo nhưng tôi không muốn từ giã đấng Giác Ngộ mà không thành tâm trình bày cùng Ngài những thiển ý của tôi. Ngài có thể nghe tôi hầu chuyện một lúc nữa chăng?

Đức Phật lại lặng lẽ gật đầu.

- Hỡi đấng Giác Ngộ, trước hết tôi rất thán phục những điều Ngài dạy bảo. Mọi sự đều được chứng minh đầy đủ rõ ràng. Ngài trình bày thế giới như một sợi dây xích liên tục không đứt đoạn, một sợi dây bất tuyệt nối liền với nhau bởi nhân và quả. Chưa bao giờ vũ trụ được trình bày rõ ràng như thế, và chứng minh một cách khúc chiết như thế. Chắc hẳn một người Bà La Môn phải giật mình kinh hãi, khi qua những lời giảng dạy của Ngài, họ nhìn thấy một vũ trụ hoàn toàn mật thiết với nhau đến không có một lỗ hổng, trong suốt như pha lê, không phụ thuộc may rủi, không phụ thuộc thần linh. Thế giới tốt hay xấu, sự sống tự nó là đau khổ hay khoái lạc, sự sống bất trắc hay không, điều này không quan trọng nhưng sự nhất thể của thế giới, lẽ tương quan tương liên của mọi sự vật, lớn nhỏ bao gồm nhau, sinh thành bao gồm trong huỷ diệt: những điều Ngài dạy thật xán lạn phân minh. Nhưng theo những lời dạy ấy, sự nhất tính và liên tục hợp lý của mọi sự có một chỗ hở. Qua khe hở nhỏ ấy, một cái gì lạ lùng bỗng tuôn trào vào trong thế giới nhất thể này, một cái gì mới mẻ, một cái gì không có ở đấy trước kia và không thể chứng minh hay chứng nghiệm được: ấy là thuyết của Ngài về sự vươn lên trên thế giới, thuyết cứu độ. Với khe hở nhỏ này, chỗ gián đoạn bé bỏng ấy, dù sao, luật vũ trụ duy nhất không tiền khoáng hậu lại bị sụp đổ. Xin Ngài tha thứ nếu tôi đưa ra sự đối chất này.

Đức Cồ Đàm đã lắng nghe, lặng lẽ bất động. Và Ngài cất một giọng nhã nhặn trong sáng:

- Người đã khá nghe những lời giảng dạy, hỡi người thanh niên Bà La Môn, và thật quý hoá người đã nghĩ sâu xa về những lời ấy. Người đã tìm thấy một khuyết điểm. Hãy nghĩ kỹ lại về điều đó. Ta chỉ khuyên người, một người khao khát hiểu biết, hãy tránh xa rừng quan niệm và sự xung đột giữa các danh từ. Quan niệm không có nghĩa gì, chúng có thể đẹp hay xấu, khôn

hay dại và bất cứ ai cũng có thể chấp nhận hay bác bỏ. Giáo lý mà người đã nghe, tuy vậy, không phải là quan niệm của ta, và mục đích của nó không phải là để giải thích vũ trụ cho những người khát khao hiểu biết. Mục đích của nó hoàn toàn khác biệt. Mục đích ấy là giải thoát khỏi khổ đau. Đấy là những gì Cồ Đàm dạy, không gì khác hơn.

- Xin Ngài đừng giận tôi, hỡi đấng Giác Ngộ, người trẻ tuổi nói. Tôi không nói thế để tranh biện với Ngài về danh từ. Ngài rất hợp lý khi dạy rằng quan niệm không có nghĩa lý gì, nhưng xin Ngài cho tôi được nói thêm một lời. Tôi không nghi ngờ rằng Ngài là đức Phật, rằng Ngài đã đạt đến đích cao cả nhất mà nhiều người Bà La Môn và con trai họ đang nỗ lực để đạt đến. Ngài đã đạt được nhờ sự tìm kiếm của riêng Ngài và bằng đường đi của chính Ngài, bằng suy tư, bằng thiền quán, bằng hiểu biết và trí tuệ. Ngài bảo không học được gì từ những lời giảng dạy, và bởi thế, kính bạch đấng Giác Ngộ, tôi nghĩ rằng không ai tìm được giải thoát qua những lời chỉ giáo. Ngài không thể, hỡi đấng Toàn Giác, truyền cho ai bằng danh từ và giáo lý những gì đã đến với Ngài trong giờ Ngài giác ngộ. Lời chỉ giáo của đấng Giác Ngộ bao hàm rất nhiều, dạy rất nhiều, phải sống thế nào, phải tránh điều ác như thế nào. Nhưng có một điều mà giáo lý sáng sủa và giá trị ấy không chứa đựng, ấy là những gì huyền bí mà đấng Giác Ngộ đã chứng nghiệm – Ngài độc nhất giữa hàng trăm nghìn người khác. Chính vì lẽ thế mà tôi phải đi con đường của tôi, không phải để tìm thêm một lý thuyết tốt đẹp hơn, vì tôi biết không có, nhưng để từ bỏ tất cả lý thuyết và thầy dạy, để tự mình đạt đến đích – hay chết. Nhưng tôi sẽ luôn luôn nhớ lại hôm nay, hỡi đấng Toàn Giác, và giờ này, khi mắt tôi được chiêm ngưỡng một bậc thánh nhân.

Mắt của đức Phật hạ thấp xuống, nét mặt khôn dò của Ngài diễn tả một niềm bình an thuần tịnh.

- Ta mong người không lầm trong lối lập luận ấy – Người chậm rãi nói. Mong sao cho người đến đích! Nhưng hãy nói ta nghe; người đã thấy nhiều bậc thánh thiện tụ họp quanh ta chưa? Những người đệ tử đã quy y theo giáo lý của ta ấy? Hỡi người Sa Môn từ xa đến, người có nghĩ rằng tốt hơn họ nên hồi lại và trở về sự sống thế nhân với dục lạc?

- Tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó? Tất Đạt kêu lên. Ước sao cho họ đi đến đích! Mong sao cho họ đều theo lời chỉ giáo! Không phải việc của tôi để đi phê phán cuộc đời khác. Tôi phải phê phán cho chính tôi. Tôi phải lựa chọn và gạt bỏ. Chúng tôi là những Sa Môn tìm kiếm sự giải thoát khỏi bản ngã. Nếu tôi là một trong những đồ đệ của Ngài, tôi sợ rằng đấy chỉ là bề

mặt, rằng tôi sẽ tự dối mình là tôi đang bình an và đã giải thoát trong khi thực ra cái ngã vẫn còn tiếp tục sống và tăng trưởng, vì nó sẽ được biến vào trong những lời chỉ giáo của Ngài, trong sự quy y của tôi và lòng thương mến của tôi đối với Ngài và đoàn thể tăng chúng.

Hơi mỉm cười, sắc diện vẫn sáng ngời hào quang, đức Phật thân mật nhìn người khách lạ chăm chăm và Tất Đạt đoán rằng Ngài muốn từ giã chàng.

- Hỡi Sa Môn, ông rất là khôn ngoan, Ngài nói. Ông biết ăn nói khôn khéo lắm, ông bạn. Nhưng hãy cẩn thận trước sự khôn ngoan quá mức.

Đức Phật bỏ đi và cái nhìn của Ngài, nụ cười của Ngài khắc sâu trong ký ức của Tất Đạt mãi mãi. Ta chưa hề thấy một người nhìn, mỉm cười, đi, đứng, ngồi như thế. Tất Đạt tự nhủ: Ta cũng muốn nhìn, cười, đi, đứng như thế, tự tại làm sao, khả kính làm sao, vừa dè dặt, vừa trong sáng hồn nhiên, vừa huyền bí. Một người chỉ nhìn và bước đi như thế được khi họ đã nhiếp phục được Tự ngã. Ta, ta cũng sẽ nhiếp phục được Tự ngã.

Ta đã thấy một người, chỉ một người thôi, mà trước người ấy ta phải cúi đầu, – Tất Đạt thầm nghĩ. Ta sẽ không bao giờ cúi đầu trước người nào nữa. Không lời chỉ giáo nào khác sẽ quyến rũ ta được.

Đức Phật đã cướp của ta, Tất Đạt suy nghĩ. Ngài đã cướp của ta tuy nhiên, Ngài đã cho ta một giá trị khác cao hơn. Ngài đã cướp khỏi tay ta người bạn đã tin tưởng nơi ta mà bây giờ tin theo Ngài, người bạn ấy đã là cái bóng của ta nhưng bây giờ là cái bóng của Cồ Đàm. Nhưng Ngài đã đem lại cho ta chính ta.

---o0o---

Thức Tỉnh

Khi Tất Đạt từ giã khu rừng trong đó đức Phật, đấng Toàn Thiện ở lại, và bạn chàng cũng ở lại theo Ngài, chàng có cảm tưởng rằng chàng vừa từ bỏ một tiền kiếp lại sau lưng, trong cụm rừng. Khi chàng từ từ bước trên đường, đầu chàng nghĩ liên miên về những điều ấy.

Chàng nhận ra rằng chàng không còn là một người con trai nữa, bây giờ chàng là một người đàn ông. Chàng trực nhận rằng một cái gì đó đã bỏ chàng, như một con rắn vừa thay vỏ. Một cái gì đó không còn ở trong chàng nữa, một cái gì đã theo chàng từ tấm bé và đã là một phần của người chàng:

lòng ham muốn có bổn sư và được nghe những lời chỉ giáo. Chàng đã từ giã bậc thầy cuối cùng chàng gặp, cả đến vị thầy cao cả nhất, khôn ngoan nhất, thánh thiện nhất: đức Phật. Chàng phải từ giã Ngài, chàng không thể chấp nhận lời chỉ giáo của Ngài.

Con người suy tư ấy tiến bước chậm rãi và tự hỏi: ta muốn học cái gì từ những lời dạy và thầy học, và mặc dù họ dạy ta rất nhiều, cái gì họ không thể dạy cho ta? Và chàng nghĩ: chính là Tự ngã, đặc tính và bản chất của nó mà ta muốn biết. Ta muốn thoát khỏi Tự ngã, nhiếp phục nó nhưng ta không thể, ta chỉ có thể lừa dối nó, trốn thoát nó, lẩn tránh nó. Quả thế, không gì trong vũ trụ xâm chiếm tư tưởng ta nhiều như Tự ngã, bài toán khó giải ấy, vấn đề tôi tồn tại, tôi là một và tách rời khác hẳn bao kẻ khác, rằng tôi là Tất Đạt . . . thật không có gì trong vũ trụ mà tôi biết ít hơn là về chính tôi.

Đang đi chậm rãi trên đường, chàng bỗng đứng dừng lại, ý nghĩ vừa rồi đập mạnh vào trí chàng, và một ý nghĩ khác theo sau. Ấy là: lý do vì sao tôi không biết gì về tôi, lý do vì sao Tất Đạt đã vẫn xa lạ, lạc loài đối với chính mình chỉ do từ một điểm, một điểm độc nhất – là tôi sợ hãi chính tôi, tôi đang trốn chạy tôi. Tôi đang tìm kiếm Đại ngã Tiểu ngã, tôi muốn tự huỷ mình, ra khỏi chính mình, để mà tìm trong khu vực thâm cùng xa lạ cái nhân của mọi pháp, linh hồn, sự sống, sự thiêng liêng, sự tuyệt đối. Nhưng khi làm thế, tôi tự đánh mất chính tôi.

Tất Đạt nhìn lên quanh chàng, nụ cười thoáng nở trên mặt. Một cảm giác tỉnh thức từ giấc trường mộng chạy khắp người chàng. Chàng lại tiếp tục bước, nhanh nhẹn, như một người vừa biết mình phải làm gì.

Chàng thở mạnh và suy nghĩ: phải, ta sẽ thôi trốn chạy bản thân ta, ta sẽ thôi nghĩ về Tiểu ngã và những nỗi buồn nhân thế. Ta sẽ thôi huỷ hoại thân này để đi tìm một màu nhiệm nào đằng sau sự huỷ diệt. Ta sẽ thôi học khổ hạnh hay bất cứ giáo lý nào khác. Ta sẽ học chính ta, là người học trò của chính ta; ta sẽ học ngay trong ta cái màu nhiệm của Tất Đạt.

Chàng nhìn quanh như mới thấy vũ trụ lần đầu. Thiên nhiên đẹp hẳn lên, kỳ lạ nhiệm màu. Đây là màu xanh, đây là màu vàng, đây là màu lục, trời và nước, cây và rừng, tất cả đều đẹp, tất cả đều huyền bí và quyến rũ và giữa tất cả các cái đó, chàng, Tất Đạt, kẻ vừa giác ngộ, đang tự tìm mình. Tất cả sự vật, tất cả sắc xanh hay vàng, dòng sông hay rừng cây lần đầu tiên diễn ra dưới mắt Tất Đạt. Chúng không còn là phép lạ của thần Mara, chúng không còn là bức màn huyễn hoá, không còn là những bề ngoài vô nghĩa mà các

người Bà La Môn khinh bỉ. Dòng sông là dòng sông, và nếu có cái Nhất thể thiêng liêng trong Tất Đạt đang sống tiềm tàng trong màu xanh kia và dòng sông nọ, thì đấy chính là sự hiện hữu của sắc màu, trời và rừng cây, và Tất Đạt. Ý nghĩa và thực tại không ẩn núp đằng sau sự vật, mà trong sự vật, trong mọi sự vật.

Chàng đi nhanh hơn và suy nghĩ, ta thật là ngu và điếc. Khi một người đọc một bài để học thuộc, nó không khinh thường những từ ngữ và dấu chấm câu trong bài, không xem chúng là ảo tưởng, tình cờ, chỉ là những cái vỏ vô vị, mà trái lại, đọc chúng, học và thích từng chữ. Còn ta thích đọc quyển sách vũ trụ và sách bản thân ta, mà lại đi khinh thường những chữ và dấu hiệu. Ta gọi thế giới hiện tượng này là ảo ảnh, ta gọi mắt và lưỡi là sự tình cờ. Bây giờ đã hết: ta đã tỉnh thức. Ta đã giác ngộ và chỉ mới sinh ra ngày hôm nay.

Nhưng khi những tư tưởng đó đi qua đầu Tất Đạt, chàng bỗng đứng lặng yên, như có một con rắn đang nằm chắn đường. Rồi bỗng nhiên điều này khai thị trong chàng: chàng, mà quả thật là một người vừa mới giác ngộ hay vừa sinh ra, phải bắt đầu cuộc đời lại từ khởi thuỷ. Khi chàng rời vườn Lộc Uyển sáng nay, khu vườn của bậc Toàn Giác, chàng có ý định trở về với phụ thân, với quê hương sau những năm dài khổ hạnh. Bây giờ khi đứng im lìm giữa đường, ý nghĩ này đến với chàng: ta không còn là ta thuở trước, một người khổ hạnh, một ông thầy tu, một người Bà La Môn. Ta sẽ làm gì? Ở nhà với phụ thân ư? Học ư? Cúng tế ư? Ngồi thiền ư? Tất cả điều ấy đối với ta đã hết rồi.

Tất Đạt đứng bất động, và trong lúc ấy chàng cảm thấy lạnh cả người. Tim chàng run lên, như một con vật nhỏ, một con chim hay một con thỏ, khi nhận ra rằng chàng quá cô đơn. Chàng đã sống kiếp không nhà từ nhiều năm mà không cảm thấy như vậy. Nhưng giờ đây chàng lại có cảm giác ấy. Trước kia, trong những giờ trầm tư miệt mài nhất, chàng vẫn còn là con của phụ thân, là một người Bà La Môn thượng lưu, một người ngoan đạo. Bây giờ chàng chỉ là Tất Đạt, người thức tỉnh; ngoài ra không còn là gì nữa. Chàng hít vào một hơi dài và rùng mình trong một lúc. Không ai cô đơn như chàng. Chàng không còn là người quý phái, thuộc một dòng họ quyền quí nào. Chàng không là người Bà La Môn, sống cuộc đời Bà La Môn, không là một người thuộc dòng Sa Môn khổ hạnh. Đến cả kẻ ẩn tu trong rừng vắng cũng không cô đơn, vì kẻ ấy thuộc vào một hạng người. Thiện Hữu đã trở thành một tu sĩ và có hàng trăm tu sĩ huynh đệ của chàng cùng mặc một loại

áo, cùng thuộc một tín ngưỡng và nói cùng một ngôn ngữ. Mà chàng, Tất Đạt, chàng thuộc về đâu? Chàng sống theo đời ai? Chàng dùng ngôn ngữ ai?

Trong lúc đó, lúc vũ trụ quanh chàng tan rã, lúc chàng đứng cô đơn như một ngôi sao trên nền trời, lòng chàng tràn ngập một cảm giác thất vọng tái tê, nhưng chàng cũng cương quyết hơn bao giờ. Đó là sự run rẩy cuối cùng trước khi tỉnh thức, những đau đớn cuối cùng của sự thoát hình. Lập tức, chàng tiếp tục đi, và bắt đầu bước nhanh hối hả, không hướng về quê nhà, không trở lại thân phụ, không nhìn lui nữa.

---o0o---

Kiều Lan

Tất Đạt học thêm trên mỗi bước đường một điều mới mẻ, vì vũ trụ đổi thay và chàng đang ở trong vũ trụ. Chàng thấy mặt trời lên trên núi rừng và lặn ở bãi xa. Ban đêm chàng thấy những vì sao trên nền trời và mảnh trăng lưỡi liềm như một con thuyền trôi trong màu xanh thẳm. Chàng thấy cây cối, trăng sao, loài vật, mây, ráng trời, hang đá, cỏ hoa, suối và dòng sông, sương lấp lánh trên bụi bờ buổi sớm, những dãy núi xa cao và xanh nhạt, chim hót, ong bay vù vù, gió thổi nhẹ qua đồng lúa. Tất cả thứ đó muôn màu sắc, muôn dáng hình vẫn luôn luôn tồn tại ở đây. Mặt trời và mặt trăng vẫn luôn luôn chiếu sáng, dòng sông luôn chảy và những con ong bay vù vù, nhưng ngày xưa đối với chàng, chúng không là gì cả ngoài ra một trò huyễn hoá trước mắt chàng, bị nhìn một cách hoài nghi, bị khinh thường và gạt ra khỏi tư tưởng vì chúng không phải là thực tại, vì thực tại nằm bên kia nhãn giới. Bây giờ chàng nhìn chúng, chàng thấy và nhận ra nhãn giới, chàng tìm thấy vị trí của chàng trong vũ trụ này. Chàng không kiếm tìm thực tại; mục đích của chàng không ở một phía nào khác nữa. Vũ trụ tươi đẹp khi ta nhìn nó bằng cái nhìn này, không tìm kiếm, một cái nhìn đơn giản, cái nhìn của trẻ thơ. Trăng sao đẹp, bờ suối, bờ bể, rừng và hang đá, con dê và con nai vàng, hoa và bướm đều đẹp. Vũ trụ sẽ đẹp nếu ta nhìn thấy nó như vậy, hồn nhiên, tỉnh thức, chỉ quan tâm đến hiện tại mà không một thoáng nghi ngờ. Nơi kia mặt trời nắng gắt, nơi kia có bóng rừng im mát, nơi kia có chuối và bí ngô. Ngày và đêm đều ngắn, mỗi giờ qua nhanh như một chiếc buồm của con tàu chở đầy kho báu, chở đầy niềm vui. Tất Đạt trông thấy một đàn khỉ trong rừng sâu, chuyền qua những cành cao, và chàng nghe tiếng kêu man rợ của chúng. Tất Đạt trông thấy một anh cừu đực đi theo ái ân với một chị cừu cái. Trong một chiếc hồ, một con cá lớn đói đang đi săn mồi ăn chiều. Từng đàn cá nhỏ đang bơi lượn sáng loáng, lo lắng tránh xa cá lớn đang tìm ăn chúng.

Sức mạnh và dục vọng phản chiếu trên những con sóng xao động vì cuộc đuổi bắt hăng say. Tất cả những điều ấy đã có từ bao giờ nhưng chàng không hề thấy, chàng chưa bao giờ hiện diện. Bây giờ chàng hiện diện và thuộc vào thế giới ấy. Bằng con mắt, chàng thấy ánh sáng và bóng tối, bằng trí óc, chàng trực nhận có trăng sao.

Trên đường đi, Tất Đạt nhớ lại tất cả những gì chàng đã thực nghiệm trong vườn Lộc Uyển, những giáo lý mà chàng đã nghe từ đức Phật, cuộc đối thoại với bậc Toàn Giác. Chàng hồi tưởng mỗi chữ chàng đã nói với đấng Giác Ngộ, và chàng ngạc nhiên rằng mình đã nói những điều mà chính mình chưa thật biết. Điều chàng nói với đức Phật -- rằng sự giác ngộ của Phật là điều huyền bí không thể giảng dạy được, không thể diễn tả và thông cảm được – mà chàng đã một lần chứng nghiệm trong một giờ sáng suốt, chính là điều mà bây giờ chàng bắt đầu thực nghiệm. Chàng cần phải có kinh nghiệm bản thân. Chàng đã biết từ lâu rằng bản thân chàng là Tiểu ngã, cùng nguồn gốc với Đại ngã, nhưng chàng chưa bao giờ thật tìm thấy Tự ngã, vì chàng đã tóm nó vào cái lưới tư duy. Thân thể dĩ nhiên không là Tự ngã, cảm giác, tư tưởng, sự hiểu biết, sự tinh khôn để rút kết luận và dệt những tư tưởng mới từ những ý đã có sẵn, cũng không phải là Tự ngã. Không, thế giới tư duy cũng vẫn còn ở bên này bờ và nó không đưa đến mục đích nào khi con người phá huỷ giác quan để chỉ nuôi Tự ngã bằng tư duy và kiến thức. Tư tưởng và giác quan đều quý báu, sau chúng là ý nghĩa cuối cùng ẩn nấp. Thật đáng nên lắng nghe cả hai, không khinh thường cũng không xem trọng cái nào hơn, mà phải chú tâm lắng nghe cả hai một cách cẩn thận. Chàng sẽ chỉ lắng nghe lời chỉ bảo của tiếng nói nội tâm, không dừng lại bất cứ chỗ nào, ngoài chỗ mà tiếng nói ấy chỉ định. Tại sao đức Cồ Đàm đã ngồi dưới gốc cây khi Ngài đạt được toàn trí? Ngài đã nghe một tiếng nói, một tiếng nói trong thâm tâm đã ra lệnh cho Ngài yên toạ dưới gốc cây đó, và Ngài đã không hành hạ thể xác, không tế thần linh, tắm nước thiêng hay cầu nguyện, uống hay ăn, ngủ hay mơ; Ngài đã nghe theo tiếng nói, không tuân theo mệnh lệnh nào khác ở ngoài, chỉ theo tiếng nói ấy – đó là điều hay và cần thiết – ngoài ra không có gì cần nữa.

Suốt đêm, khi ngủ trong một căn lều tranh dành cho người bộ hành, chàng đã mơ một giấc mơ. Chàng mơ thấy Thiện Hữu đứng trước mặt, trong chiếc áo vàng của nhà tu khổ hạnh. Thiện Hữu trông buồn bã và hỏi chàng:
- Tại sao anh bỏ tôi?

Chàng liền ôm lấy bạn và khi kéo bạn sát lòng mình và hôn, thì bạn không còn là Thiện Hữu nữa, mà là một người đàn bà và ngoài cái áo của nàng là

một bộ ngực đầy, và chàng nằm xuống uống những dòng sữa vị ngọt và nồng nàn. Có vị của đàn ông và đàn bà, của mặt trời và núi rừng, của loài vật và hoa lá, của mọi thứ quả, của mọi khoái lạc. Thứ sữa ấy làm mê man. Khi Tất Đạt thức dậy, con sông mờ nhạt loang loáng ánh qua liếp cửa của chòi tranh, và trong rừng một tiếng cú kêu vang lên sâu thẳm và trong vắt.

Khi ngày bắt đầu lên, Tất Đạt nhờ người chủ nhà của chàng, một người lái đò, đưa chàng qua sông. Người lái đò đưa chàng trên con thuyền tre. Mặt nước rộng và phẳng lì loang loáng hồng trong ánh nắng ban mai.

- Con sông thật đẹp – chàng nói với người đồng hành.

- Vâng, người chèo đò đáp. Con sông rất đẹp, tôi yêu thích nó hơn tất cả mọi sự. Tôi đã thường lắng nghe nó, nhìn ngắm nó, và luôn học được ở nó một điều gì. Người ta có thể học được rất nhiều từ một dòng sông.

- Cám ơn ông lái đò, Sa Môn bảo khi chàng lên bờ. Tôi sợ e rằng tôi không có gì để tặng ông, cũng không có tiền trả. Tôi không nhà cửa, tôi là con của một người Bà La Môn và là một vị Sa Môn.

- Điều đó tôi cũng thấy rõ, người chèo đò nói – và tôi không chờ đợi ngài trả công hay cho chác gì tôi. Ngài sẽ cho tôi một lần khác.

- Ông nghĩ vậy sao? Tất Đạt vui mừng hỏi.

- Hẳn là thế. Tôi đã học điều này cũng từ con sông nữa. Mọi sự đều trở về. Ngài nữa, vị Sa Môn ơi, ngài cũng sẽ trở lại. Nào, chúng ta từ biệt! Mong ngài nghĩ đến tôi khi ngài tế lễ các vị thần.

Họ mỉm cười chia tay. Tất Đạt sung sướng trước sự thân mật của người chèo đò. Anh ta thật giống Thiện Hữu. Chàng nghĩ, vừa mỉm cười. Mọi người ta gặp đều giống Thiện Hữu. Mọi người đều biết ơn, dù chính họ xứng đáng được tạ ơn. Mọi người đều ưa phục tòng, mọi người đều ước mong là bạn của ta, vâng lời và ít suy nghĩ. Người ta đều là trẻ con cả.

Ban trưa, chàng đi qua một làng mạc. Trẻ con nhảy múa tung tăng trên con đường nhỏ trước mặt những chòi bằng đất sét. Chúng chơi đùa la hét và vật lộn nhau, nhưng bỏ chạy rụt rè khi người Sa Môn lạ lùng xuất hiện. Ở cuối làng, con đường chạy dài theo một dòng suối, và bên bờ suối, một người đàn bà đang quỳ gối giặt giũ. Khi Tất Đạt chào, nàng ngẩng đầu lên nhìn chàng với nụ cười và chàng thấy rõ tròng trắng của mắt nàng chiếu long lanh.

Chàng nói lên một lời chúc tụng theo tục lệ những du khách, và hỏi đường còn bao xa nữa là đến thành phố. Khi ấy nàng đứng lên, tiến đến chàng, đôi mắt ướt sáng lên một cách quyến rũ trên gương mặt trẻ của nàng. Nàng trao đổi vài nhận xét với Tất Đạt, hỏi chàng ăn cơm chưa và có phải rằng những Sa Môn ngủ một mình trong rừng ban đêm không được theo người đàn bà nào cả hay không. Đoạn nàng đặt bàn chân trái lên trên chân phải của Tất Đạt và phác một cử chỉ thường làm khi một người đàn bà mời một người đàn ông hưởng thú khoái lạc ái tình mà thánh kinh gọi là "leo xuống cây". Tất Đạt cảm thấy máu chàng nóng lên và khi chàng nhận ra hình ảnh giấc chiêm bao của chàng vừa qua, chàng hơi cúi mình về phía người đàn bà và hôn lên đầu chóp nâu của ngực nàng. Nhìn lên, chàng thấy mặt nàng tươi cười, đầy dục vọng, với đôi mắt hơi nhắm của nàng khẩn cầu khao khát.

Tất Đạt cũng cảm thấy khát khao và lòng rung động vì dục vọng, nhưng vì chàng chưa hề động đến một người đàn bà, chàng hơi do dự một lúc, mặc dù tay chàng sẵn sàng để ôm lấy nàng. Lúc ấy chàng bỗng nghe tiếng nội tâm của chàng, và tiếng ấy nói "Đừng!". Rồi tất cả ma lực đều biến đi khỏi khuôn mặt tươi cười của người đàn bà, chàng chỉ thấy cái nhìn nồng nàn của một người đàn bà trẻ say đắm. Chàng vỗ nhẹ má nàng, và nhanh chân đi khỏi người đàn bà đang tiu nghỉu và khuất bóng trong rừng tre.

Trước khi chiều xuống, chàng đến một thành phố lớn, và chàng sung sướng, vì chàng khao khát gặp người ta. Chàng đã sống trong rừng núi khá lâu và chòi canh của người chèo đò trong đó chàng ngủ đêm trước, là mái nhà đầu tiên trên đầu chàng sau một thời gian dài.

Ngoài phố thị, cạnh một khu rừng đẹp, người lữ hành lang thang gặp một đoàn gia nhân mang đầy những giỏ. Ở giữa, trong một chiếc kiệu trang hoàng có bốn người gánh, một người đàn bà, bà chủ, ngồi trên chiếc ghế dựa đỏ, dưới chiếc tàn lọng sặc sỡ màu. Tất Đạt đứng lặng ở cửa vào khu rừng nhỏ và ngắm đoàn rước, những người tớ trai tớ gái và giỏ. Chàng nhìn chiếc kiệu và người đàn bà ngồi trong. Dưới mớ tóc đen bới cao, chàng thấy một gương mặt rất sáng, dịu hiền và thông minh, một cái miệng đỏ chót như một trái anh đào mới cắt, đôi mày tuyệt xảo và một vòng cung cao, đôi mắt đen láy tinh khôn và ưa quan sát, chiếc cổ thon trắng muốt nổi trên chiếc áo choàng vàng lục của nàng. Đôi bàn tay mịn màng dẻo dai dài và thon, nơi cườm tay đeo những chiếc vòng vàng chói.

Tất Đạt thấy nàng tuyệt đẹp và lòng chàng vui rộn lên. Chàng cúi thấp khi chiếc kiệu đi qua gần chàng, và lại ngẩng đầu lên ngắm gương mặt xinh đẹp

trong sáng, nhìn vào đôi mắt bồ câu một lúc và thở hít vào mùi hương mà chàng không nhận ra mùi gì. Người đàn bà đẹp gật đầu mỉm cười một lát, rồi biến khuất trong cụm rừng, theo sau là đàn tôi tớ.

Tất Đạt nghĩ: ta đã vào thành phố này dưới một ngôi sao may mắn. Chàng cảm thấy hăm hở muốn đi vào cụm rừng ngay, nhưng chàng nghĩ lại, vì chàng sực nhớ đến cái nhìn của bọn tôi tớ trai và gái nhìn chàng trước cửa đi vào, một tia nhìn khinh mạn và nghi ngờ, một tia nhìn như muốn xua đuổi.

Ta vẫn còn là một Sa Môn, chàng nghĩ, vẫn còn là một nhà khổ hạnh, ăn xin. Ta không thể vẫn là một người như thế. Ta không thể đi vào cụm rừng ấy trong hình thức này. Và chàng cười lớn.

Chàng dò hỏi những người chàng gặp đầu tiên về khu rừng, và về người thiếu phụ; và được biết đó là khu rừng của Kiều Lan, một kỹ nữ danh tiếng, và ngoài khu rừng ra, nàng còn làm chủ một biệt thự trong thành phố. Chàng đi vào thành. Chàng chỉ có một mục đích. Theo đuổi đích ấy, chàng rảo bước qua thành phố, đi lang thang trong những đường hẻm, đứng lặng ở vài chỗ, và đứng nghỉ trên bực đá đưa xuống sông. Về chiều, chàng làm quen với một người thợ phụ hớt tóc, người chàng thấy đang làm việc dưới bóng một vòm cây. Chàng lại gặp ông ta đang cầu nguyện trong một ngôi đền, ở đấy ông ta kể lại cho chàng nghe những câu chuyện về thần Tình ái. Ban đêm chàng ngủ giữa những chiếc thuyền trên sông, và sáng sớm, trước khi những khách hàng đầu tiên đến tiệm, chàng đã nhờ người thợ phụ cạo hết râu cho mình. Chàng cũng bảo chải tóc và xức dầu láng. Rồi Tất Đạt đi tắm trên dòng sông.

Khi về chiều, nàng Kiều Lan xinh đẹp tiến đến khu rừng của nàng trong chiếc kiệu, Tất Đạt đang đứng ở cổng vào. Chàng cúi chào và đón nhận lời chào của nàng. Chàng ra hiệu cho người tôi tớ đi sau cùng, và nhờ anh ta báo tin cho chủ biết có một người Bà La Môn trẻ muốn nói chuyện với nàng. Sau một lúc, người gia nhân trở lại, bảo Tất Đạt theo mình, lặng lẽ dẫn Tất Đạt đi vào trong một gian trại ở đó Kiều Lan đang nằm trên một chiếc thảm, và để chàng lại đấy.

- Có phải anh đứng ngoài cổng hôm qua và chào ta không? Kiều Lan hỏi.

- Vâng, chính thế. Hôm qua tôi thấy nàng và chào nàng.

- Nhưng hôm qua hình như anh có bộ râu và tóc dài đầy bụi, phải không?

- Nàng đã quan sát rất giỏi, đã thấy mọi sự. Nàng đã thấy Tất Đạt, con một vị Bà La Môn, người đã từ bỏ gia đình để trở thành một thầy Sa Môn, và đã tu trong ba năm. Nhưng giờ đây tôi đã từ bỏ con đường ấy và đến thành phố này, và người đầu tiên tôi gặp chính là nàng. Tôi đến đây để nói với nàng, hỡi nàng Kiều Lan, rằng nàng là người đàn bà đầu tiên mà Tất Đạt muốn nói chuyện cùng mà không hạ đôi mắt. Tôi sẽ không bao giờ hạ đôi mắt khi gặp một người đàn bà đẹp nữa.

Kiều Lan mỉm cười và mân mê chiếc quạt lông công, đoạn hỏi:

- Tất Đạt đến để nói với ta có chừng ấy sao?

- Tôi đến để nói cùng nàng điều đó, và để cám ơn nàng vì nàng quá xinh đẹp. Và nếu nàng không phật ý, hỡi nàng Kiều Lan, tôi xin yêu cầu nàng hãy là bạn và thầy của tôi, vì tôi không biết tí gì về nghệ thuật mà nàng đang nắm vững.

Lúc ấy Kiều Lan bật cười:

- Tôi chưa bao giờ nghe chuyện một người Sa Môn trên núi xuống muốn gặp tôi và học với tôi. Chưa bao giờ một người Sa Môn tóc dài, áo quần rách rưới đến với tôi. Nhiều thanh niên đến gặp tôi, kể cả con trai những người Bà La Môn, nhưng họ đều ăn mặc đẹp đẽ, giày bóng, đầu họ thơm tho và túi đầy tiền. Đấy những thanh niên đến với tôi như thế đấy, hỡi thầy Sa Môn.

Tất Đạt bảo:

- Tôi bắt đầu học được ở nàng hôm nay. Hôm qua tôi cũng đã học được một điều. Tôi đã cạo râu, chải đầu và bôi dầu láng. Hỡi người diễm tuyệt, tôi không còn thiếu bao nhiêu nữa: áo quần đẹp, giày đẹp và tiền trong túi. Tất Đạt đã làm những việc khó khăn hơn những chuyện tầm thường ấy, và đã thành công. Tại sao tôi lại không đạt được điều mà hôm qua tôi quyết định khởi sự - làm bạn với nàng và học nơi nàng những lạc thú của ái tình? Nàng sẽ thấy tôi là một người học trò có khả năng. Hỡi Kiều Lan, tôi đã học nhiều điều khó khăn hơn những gì nàng phải dạy tôi. Thế ra Tất Đạt không tươm tất vừa ý nàng, với đầu tóc láng bóng, nhưng không có quần áo tốt, giày và tiền?

Kiều Lan cười lớn, đáp:

- Không, Tất Đạt không đủ tươm tất. Anh phải có quần áo thật đẹp và giày thật tốt, và tiền đầy túi, và tặng phẩm cho Kiều Lan. Anh đã biết chưa, hỡi thầy Sa Môn từ rừng núi xuống? Anh hiểu không?

- Tôi hiểu lắm. Tất Đạt kêu lên. Làm sao tôi không hiểu được, khi những lời ấy thốt ra từ một chiếc mồm xinh đẹp thế kia? Môi nàng giống như một trái anh đào mới cắt, hỡi Kiều Lan. Môi tôi cũng đỏ thắm và tươi mát, và sẽ hợp với môi nàng lắm, để nàng xem. Nhưng này, hỡi nàng Kiều Lan xinh đẹp, nàng không sợ hay sao, sợ vị Sa Môn từ rừng núi xuống để học về yêu đương?

- Tại sao tôi phải sợ một vị Sa Môn, một thầy Sa Môn ngốc nghếch từ rừng núi xuống, và không biết gì về đàn bà?

- Ồ, người Sa Môn rất hùng mạnh và không sợ gì cả. Người có thể cưỡng bức nàng, hỡi cô gái đẹp, người có thể cướp của nàng và làm nàng đau đớn.

- Không, hỡi Sa Môn. Tôi không sợ. Có bao giờ một thầy Sa Môn hay một Bà La Môn sợ rằng có kẻ sẽ đến đánh người ấy và cướp của người ấy kiến thức, lòng sùng bái, năng lực suy tư? Không, bởi vì những cái ấy thuộc về của chính ông ta, và ông ta chỉ có thể cho những gì ông ta muốn, và nếu ông ta muốn. Cũng hệt như thế với Kiều Lan và những lạc thú của tình yêu. Đôi môi của Kiều Lan đẹp lắm, nhưng ai muốn cưỡng bức Kiều Lan để hôn chúng, người ấy sẽ không hưởng một chút gì ngọt ngào từ nơi môi ấy, mặc dù chúng biết rõ làm sao để ban bố sự ngọt ngào. Anh là một người học trò giỏi, hỡi Tất Đạt, bởi thế anh nên học thêm điều này: người ta có thể cầu xin, mua, được tặng hay gặp tình yêu trên các nẻo đường, nhưng tình yêu không bao giờ trộm cướp được. Anh đã hiểu lầm. Vâng, thật đáng tiếc, nếu một người thanh niên đẹp đẽ như anh mà hiểu lầm điều đó.

Tất Đạt cúi đầu mỉm cười:

- Nàng nói phải, Kiều Lan, thật đáng tiếc. Thật sẽ vô cùng đáng tiếc. Không, không một giọt ngọt ngào nào sẽ bị rơi mất từ môi nàng hay môi tôi. Vậy Tất Đạt sẽ trở lại khi có đầy đủ những gì đang thiếu – áo quần, giầy, tiền bạc. Nhưng hỡi nàng Kiều Lan xinh đẹp, nàng không thể cho tôi vài lời khuyên nhủ sao?

- Lời khuyên? Sao lại không? Ai mà lại không sẵn sàng chỉ cho một thầy Sa Môn, nghèo khó ngu ngốc từ núi xuống, sống giữa những con lừa?

- Hỡi nàng Kiều Lan, tôi có thể đi đâu để kiếm được nhanh chóng ba thứ trên?

- Ông bạn ơi, nhiều người muốn biết điều đó lắm. Ông phải làm những gì ông đã học để kiếm tiền, quần áo và giày. Một người nghèo khó không thể kiếm tiền bằng cách nào khác hơn?

- Tôi biết suy tư, tôi biết chờ đợi, tôi biết nhịn đói.

- Không biết gì khác sao?

- Không. Ồ có, tôi biết làm thơ. Nàng có thể cho tôi một cái hôn để đổi lấy một bài thơ không?

- Tôi sẽ đổi nếu bài thơ của anh vừa ý. Bài thơ ấy gọi là gì?

Suy nghĩ một lúc, Tất Đạt đọc lên những vần thơ:

Nhác trông người kiều nữ

Dạo gót sen về rừng

Ngõ vào, Sa Môn đứng

Nghiêng mình trước bông hoa

Nàng mỉm cười diễm lệ

Chàng Sa Môn thầm nghĩ:

"Nên dâng nàng lễ vật

Hơn cúng tế thần linh"

Kiều Lan vỗ tay thật lớn, đến nỗi những đôi vòng vàng của nàng kêu reng rẻng.

- Bài thơ của anh rất hay, hỡi thầy Sa Môn áo nâu. Và thật cũng không mất gì nếu tôi cho anh một chiếc hôn vì nó.

Nàng đảo mắt ra hiệu cho chàng lại gần. Chàng để mặt sát mặt nàng, kề môi sát môi nàng, đôi môi tựa trái anh đào mới cắt. Kiều Lan hôn chàng đắm

đuối, và người Sa Môn ngạc nhiên vô cùng thấy nàng đã dạy chàng nhiều quá, nàng khôn khéo quá, cách nàng chế ngự chàng, xua đuổi chàng, và sau chiếc hôn dài đầu tiên, bao nhiêu cái hôn khác chờ đợi chàng, chàng đứng yên, thở rất dài. Lúc ấy chàng giống hệt một trẻ nhỏ ngạc nhiên trước sự hiểu biết và kiến thức tràn đầy trải qua trước mắt.

- Bài thơ của anh rất hay, Kiều Lan bảo, nếu tôi giàu có, tôi sẽ trả tiền cho anh về bài thơ ấy. Nhưng sẽ rất khó khăn cho anh nếu anh muốn kiếm được nhiều tiền như anh muốn với thi ca. Vì anh sẽ cần rất nhiều tiền, nếu anh muốn là bạn của Kiều Lan.

- Nàng biết hôn thật tuyệt – Tất Đạt ấp úng.

- Quả thế, chính vì vậy mà tôi không thiếu áo quần, giày và mọi thứ xinh đẹp. Nhưng anh sẽ làm gì, anh không biết gì khác ngoài suy nghĩ, nhịn đói và làm thơ sao?

- Tôi còn biết hát những bài tế thần – Tất Đạt nói. Nhưng tôi sẽ không hát nữa. Tôi cũng biết những bài phù chú, nhưng tôi sẽ không đọc nữa. Tôi đã đọc những thánh kinh.

- Xem! Kiều Lan ngắt lời, - anh không biết viết và đọc sao?

- Dĩ nhiên là biết. Nhiều người có thể làm được việc ấy.

- Không có nhiều. Chẳng hạn như tôi, tôi không biết. Thật tốt, thật rất tốt, nếu anh biết đọc, biết viết. Có thể anh cần đến cả những bài phù chú.

Lúc ấy một người tớ bước vào thì thầm bên tai bà chủ. Kiều Lan vội bảo Tất Đạt:

- Tôi có một người khách. Nhanh lên, cút đi, Tất Đạt. Không ai được thấy anh ở đây. Chúng ta sẽ gặp nhau lại ngày mai.

Tuy nhiên, nàng sai gia nhân đem tặng thầy Sa Môn thánh thiện một chiếc áo choàng trắng. Không biết rõ những gì đang xảy ra, Tất Đạt được gia nhân nàng dẫn đi ra, qua một con đường ngoằn ngoèo, đến một ngôi nhà có vườn. Chàng được tặng một chiếc áo, dẫn vào bụi rậm và người ta bảo chàng lập tức rời khỏi cụm rừng chớ để cho ai thấy chàng.

Vui mừng, chàng làm những gì người ta bảo. Đã quen với rừng núi, chàng lặng lẽ tiến ra khỏi khu rừng nhỏ và qua bên kia bờ rào. Vui mừng, chàng trở lại thành phố, mang theo chiếc áo cuộn tròn dưới cánh tay. Chàng đứng trước cửa một tửu quán ở đấy du khách tụ tập, lặng lẽ xin ăn và lặng lẽ nhận một mảnh bánh cốm. Có lẽ ngày mai, chàng nghĩ, ta sẽ không cần ăn xin nữa.

Bỗng chốc chàng cảm thấy tràn ngập một niềm kiêu hãnh. Chàng không còn là một Sa Môn: thật cũng không nên ăn xin nữa. Chàng quăng cho chó mảnh bánh cốm và nhịn ăn.

Đời sống ở đây thật là đơn giản, Tất Đạt nghĩ. Không có gì là khó khăn cả. Mọi sự đều là khó khăn, vô vọng khi ta là một Sa Môn. Bây giờ thì tất cả đều dễ dàng, dễ dàng như cái hôn mà Kiều Lan dạy. Ta chỉ còn cần quần áo và tiền bạc. Đó là những mục đích dễ dàng không làm ai mất ngủ.

Hôm sau chàng trở lại nơi Kiều Lan ở để thăm nàng. Nàng bảo:

- Mọi sự đều tốt đẹp. Vạn Mỹ mời anh đến thăm ông ta. Ông ta là thương gia giàu có nhất trong thành phố. Nếu anh vừa ý ông ấy, ông sẽ nhận anh giúp việc. Hãy khôn ngoan lên, vị Sa Môn áo nâu ơi! Và hãy thân mật với ông ấy: ông ta rất quyền thế, nhưng anh đừng nên quá nhún mình. Tôi không muốn anh là người tôi tớ của hắn ta, mà là người ngang hàng, nếu trái lại tôi sẽ bất bình về anh. Vạn Mỹ bắt đầu già và lười biếng. Nếu anh làm cho ông vừa lòng, ông sẽ rất tin cậy anh.

Tất Đạt cám ơn nàng và cười, và khi biết chàng đã đói từ hai hôm nay, nàng ra lệnh lấy bánh và trái cây cho chàng. Nàng bảo chàng khi sắp từ giã:

- Anh may mắn đó. Hết cánh cửa này lại đến cánh cửa khác mở ra cho anh. Sao mà may mắn thế! Anh có bùa chú gì chăng?

Tất Đạt trả lời:

- Hôm qua tôi đã nói với nàng rằng tôi biết suy tư, chờ đợi và nhịn đói, nhưng nàng không cho đó là hữu ích. Rồi nàng sẽ thấy chúng rất hữu ích, Kiều Lan ạ. Nàng sẽ thấy những Sa Môn khờ dại ở trong rừng biết được rất nhiều điều hữu ích. Hôm kia tôi hãy còn là một khất sĩ lôi thôi, hôm qua tôi đã được hôn nàng, và bây giờ tôi sắp sửa là một thương gia có tiền, có tất cả những gì mà nàng yêu chuộng.

- Phải đó, -- nàng biểu đồng tình, -- nhưng anh sẽ làm gì nếu không có tôi? Anh sẽ ra sao nếu Kiều Lan không giúp anh?

- Kiều Lan thân mến ơi, khi tôi đến khu rừng của nàng, tôi đã đi bước đầu. Ý hướng của tôi là học về tình yêu từ nơi người đàn bà đẹp nhất. Ngay khi tôi đưa ra quyết định ấy, tôi biết chắc tôi sẽ thực hiện nó. Tôi biết nàng sẽ giúp tôi, biết từ cái nhìn đầu tiên của nàng khi tôi mới đến.

- Và nếu tôi không muốn?

- Nhưng nàng đã muốn, Kiều Lan hãy nghe này, khi nàng ném một viên đá trong nước, nó tìm con đường nhanh nhất để rơi xuống đáy. Cũng thế, khi Tất Đạt có một mục đích. Nó không làm gì cả: nó chờ đợi, suy tư và nhịn đói; và khi làm những công việc thế tục nó cũng giống như hòn đá rơi trong nước, nó không làm gì, không khuấy động gì, mà tự để mình rơi. Tất Đạt bị lôi cuốn bởi mục đích của chính mình, vì nó không cho phép một điều gì chống lại mục đích đó len vào trong trí óc. Đó là điều mà Tất Đạt đã học từ các vị Sa Môn. Đó là điều mà những kẻ phàm phu cho là phép lạ và do quỉ thần sai khiến. Không có gì do quỉ thần cả, và cũng không có quỉ thần. Mọi người đều có thể thực hiện phép màu, mọi người đều có thể đạt đến mục đích nếu họ biết suy tư, chờ đợi và nhịn đói.

Kiều Lan lắng nghe chàng nói. Nàng yêu giọng nói ấy, yêu cái nhìn ấy. Nàng dịu dàng bảo:

- Có lẽ như anh nói, nhưng cũng có lẽ chính vì Tất Đạt là một chàng trai khôi ngô, vì cái nhìn của chàng thu phục được đàn bà, nên chàng mới may mắn như thế.

Tất Đạt hôn nàng từ giã.

- Tôi cầu mong được như vậy, hỡi người đã dạy cho tôi. Cầu mong cái nhìn của tôi mãi mãi làm đẹp lòng nàng, cầu mong sự may mắn sẽ mãi mãi đến với tôi từ nơi nàng!

---o0o---

Giữa Xã Hội

Tất Đạt tìm đến Vạn Mỹ, người thương gia, và được chỉ vào một biệt thự giàu có. Gia nhân đưa chàng qua những tấm thảm rộng, vào một phòng, ở đấy chàng ngồi đợi người chủ nhà.

Vạn Mỹ đi vào, ông ta là người hoạt bát, dẻo dai, tóc hoa râm, đôi mắt thông minh khôn khéo và cái miệng đầy nhục cảm. Chủ, khách thân mật chào nhau. Người thương gia bắt đầu:

- Tôi được nghe nói ngài là một người Bà La Môn học thức, nhưng muốn đi tìm việc với một thương gia. Vậy thì ngài túng thiếu lắm sao, nên đi kiếm việc làm?

Tất Đạt trả lời:

- Không, tôi không thiếu, và chẳng bao giờ thiếu gì. Tôi đến từ những vị Sa Môn mà tôi đã chung sống từ lâu.

- Nếu ngài ở trong đoàn Sa Môn, làm sao ngài lại không thiếu thốn? Các vị Sa Môn há không hoàn toàn vô sản?

- Tôi không có gì cả, -- Tất Đạt nói -- hiểu theo ý ông. Dĩ nhiên là tôi vô sản, nhưng do tôi tự nguyện, vì thế tôi không thiếu thốn.

- Nhưng làm sao ngài sống nếu không có tài sản?

- Tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều ấy, thưa ông. Tôi không có gì cả đã gần ba năm nay, nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ về việc phải sống bằng cách nào.

- Nghĩa là ngài sống trên tài sản của kẻ khác?

- Bề ngoài thì như thế. Người thương gia cũng sống trên tư hữu của kẻ khác.

- Cũng đúng, nhưng người thương gia không lấy không. Họ cho lại hàng hoá của họ để trao đổi.

- Điều đó thành như định luật. Mọi người đều có cho, có nhận. Cuộc đời là như vậy.

- Ồ, nhưng nếu ngài không có gì, thì làm sao mà cho?

- Mỗi người cho cái mà mình có. Người lính cho sức mạnh, người thương gia cho hàng hoá, người thầy cho kiến thức, người làm ruộng cho lúa, người chài lưới cho cá.

- Phải lắm, nhưng ngài có thể cho gì? Ngài đã học được gì để cho?

- Tôi có thể suy tư, chờ đợi và nhịn đói.

- Chỉ có thế?

- Tôi nghĩ chỉ có thế.

- Nhưng những thứ ấy dùng để làm gì? Ví dụ như nhịn ăn, để làm gì?

- Nó có giá trị lớn lắm, thưa ông. Khi một người không có gì để ăn, nhịn đói là điều khôn ngoan nhất. Chẳng hạn nếu tôi không học cách nhịn, thì tôi phải tìm việc làm hôm nay, hoặc với ông, hoặc nơi khác, vì cơn đói hướng dẫn tôi. Nhưng bây giờ, tôi có thể chờ đợi một cách bình thản. Tôi không vội vàng, không thiếu thốn, tôi có thể nhịn rất lâu và xem thường sự đói. Vì thế mà nhịn đói là hữu ích, thưa ông.

- Thưa Sa Môn, ngài dạy rất phải. Xin ngài đợi cho một lát.

Vạn Mỹ đi ra, và trở vào với một cuộn giấy trao cho khách, đoạn hỏi:

- Ngài có thể đọc cái này không?

Tất Đạt nhìn vào cuộn giấy và bắt đầu đọc bản giao kèo về thương mãi. Vạn Mỹ bảo:

- Tốt lắm. Bây giờ xin ngài viết cho tôi một câu gì trên tờ giấy này.

Ông ta trao cho chàng giấy bút. Tất Đạt viết rồi trao trả tờ giấy. Vạn Mỹ đọc: “Viết lách rất tốt, nhưng suy nghĩ còn tốt hơn. Sự khôn khéo rất hay, nhưng kiên tâm còn hay hơn”. Người thương gia ngợi khen:

- Ngài viết hay lắm. Chúng ta sẽ còn bàn luận nhiều, nhưng hôm nay tôi mời ngài làm vị khách và ở trong nhà tôi.

Tất Đạt cám ơn ông ta và nhận lời. Người ta đem đến cho chàng áo quần, giày dép, và một gia nhân sửa soạn đồ tắm cho chàng mỗi ngày. Họ dọn cho chàng những mâm cơm ngon lành mỗi ngày hai dạo, nhưng chàng chỉ ăn có

một buổi, và không dùng rượu thịt. Vạn Mỹ nói cho chàng nghe về việc mua bán, chỉ cho chàng xem hàng hoá, kho chứa hàng và sổ kế toán. Chàng học nhiều điều mới lạ, nghe nhiều và ít nói. Và nhớ đến lời Kiều Lan dặn, chàng không bao giờ hạ mình trước người thương gia mà buộc ông ta đối với chàng như một người ngang hàng hoặc cao hơn. Vạn Mỹ điều khiển công việc cẩn thận say mê, nhưng Tất Đạt xem chúng như một trò chơi mà luật lệ thì chàng học thuộc nên chúng không làm chàng bận tâm.

Ở nhà Vạn Mỹ chưa được bao lâu, chàng đã dự phần trong công việc kinh doanh của ông ta. Tuy thế, hàng ngày chàng vẫn đến thăm Kiều Lan vào giờ nàng mời, ăn vận tề chỉnh, đi giày bóng và mang quà đến tặng nàng. Chàng học hỏi được nhiều nơi đôi môi đỏ khôn khéo của nàng. Bàn tay mềm dịu của nàng dạy chàng rất nhiều. Vốn còn là một đứa con trai khờ dại trong tình yêu, chàng thường đắm mình trong ái ân một cách mù quáng không biết chán chê, không bao giờ thoả mãn. Nhưng nàng dạy cho chàng rằng không ai có thể hưởng thụ khoái lạc mà không đồng thời ban bố nó, và mỗi cử chỉ, mỗi sự mơn trớn, mỗi cái nhìn, mỗi phần trong cơ thể đều có bí quyết riêng của nó để đem khoái cảm cho người biết thưởng thức. Nàng dạy cho chàng rằng những người yêu đương không nên rời nhau sau khi âu yếm mà không cảm phục nhau, không chinh phục người yêu và bị chinh phục, để cho không có cảm giác ngấy chán hay cô đơn nào phát sinh, và nhất là không có cái cảm giác khủng khiếp là mình đã lạm dụng hay bị lạm dụng. Chàng trải qua những giờ thần diệu bên người kỹ nữ khôn khéo xinh đẹp, và trở thành học trò của nàng, người yêu của nàng, bạn quí của nàng. Giá trị và ý nghĩa của cuộc đời chàng hiện tại ngưng đọng nơi cuộc gần gũi Kiều Lan, chứ không phải trong công việc kinh doanh với Vạn Mỹ. Người thương gia giao cho chàng viết những bức thư và ngân phiếu quan trọng và dần dần có lệ hỏi ý chàng về những việc hệ trọng. Chẳng bao lâu ông ta đã nhận thấy rằng Tất Đạt ít hiểu biết về lúa gạo, len, về việc chuyên chở hàng hoá và mậu dịch, nhưng chàng lại có một năng khiếu tự nhiên và vượt hẳn ông ta về sự trầm tĩnh và thản nhiên, trong nghệ thuật nghe và làm cho người lạ có cảm tưởng tốt đẹp về chàng. Ông ta nói với một người bạn:

"Người Bà La Môn này không phải là một thương gia thực thụ và sẽ không bao giờ thành một thương gia cả, hắn không bao giờ say sưa với công việc ấy. Nhưng hắn có cái bí quyết của những người mà sự thành công tự đến với họ một cách dễ dàng, không biết vì hắn ra đời dưới một ngôi sao tốt, hay vì phép lạ, hay vì hắn đã học điều ấy nơi các Sa Môn. Hắn luôn luôn có vẻ thư thái trong công ăn việc làm, công việc chẳng bao giờ làm hắn bận tâm nhiều, hay chi phối hắn. Hắn chẳng bao giờ sợ thất bại và chẳng bao giờ lo mất

mát”. Người bạn khuyên thương gia: “Hãy chia cho hắn một phần ba lợi tức của công việc hắn điều khiển, nhưng bắt hắn chịu cùng một tỷ lệ ấy nếu thua lỗ. Như vậy hắn sẽ hăng hái hơn”.

Người thương gia theo lời khuyên ấy, nhưng Tất Đạt không mấy lưu tâm. Nếu làm có lời chàng nhận nó một cách bình tĩnh; nếu lỗ, chàng cười lớn và nói: “Ồ! Thì ra chuyến buôn này tệ thật!”.

Quả thế, chàng hầu như thờ ơ với việc thương mãi. Một hôm, chàng đi đến một làng nọ để mua một mùa lúa lớn. Khi chàng đến đấy, lúa đã bán cho một thương gia khác. Tuy vậy, chàng vẫn ở lại trong làng rất lâu, giao du với những người chủ trại, cho trẻ con tiền bạc, dự một đám cưới và trở về một cách thoả mãn. Vạn Mỹ trách chàng đã không về ngay, để phí thời giờ và tiền bạc. Tất Đạt trả lời:

- Bạn ơi, đừng có trách móc. Không việc gì thành tựu bằng lời khiển trách cả. Nếu có sự tổn thất nào, tôi sẽ chịu. Tôi rất bằng lòng chuyến du lịch này. Tôi đã được quen rất nhiều người, thân với người Bà La Môn, trẻ con đã ngồi trên gối tôi, những người chủ trại đã chỉ cho tôi xem những cánh đồng của họ. Không ai xem tôi là một thương gia cả.

- Tất cả điều đó rất hay, Vạn Mỹ chấp nhận một cách miễn cưỡng – nhưng trên thực tế ngài là một thương gia. Hay là ngài chỉ đi vì sự ham vui của ngài thôi?

Tất Đạt cười:

- Dĩ nhiên tôi đi vì ham vui. (Chàng cười lớn). Sao lại không? Tôi đã quen với nhiều người và nhiều vùng mới. Tôi đã được tình bạn và lòng tin cậy. Nếu tôi là Vạn Mỹ, tôi đã bực bội bỏ ra về ngay khi thấy mình không mua chác được, mà lại tốn thì giờ, tiền bạc. Đằng này tôi đã trải qua những giờ tươi đẹp, học thêm nhiều điều, hưởng nhiều thú vui và không làm hại chính tôi cũng như kẻ khác vì sự bực dọc hay vội vàng. Nếu có dịp nào đến lại chỗ ấy, những người thân sẽ đón tiếp tôi, và tôi sẽ sung sướng vì lần trước tôi không tỏ ra vội vã và bất bình. Dù sao, hãy gác câu chuyện ấy lại, ông bạn ạ, và đừng tự dày vò mình với những lời trách móc. Nếu có ngày ông nghĩ rằng Tất Đạt này hại ông, hãy chỉ nói một lời và Tất Đạt sẽ đi khỏi nơi đây. Cho đến ngày đó, giờ chúng ta hãy là những người bạn tốt của nhau.

Người thương gia cố làm cho chàng nhận chân được rằng chàng đang ăn cơm của ông ta, nhưng vô hiệu. Tất Đạt ăn cơm của riêng chàng. Hơn nữa,

họ đều ăn cơm của người khác, cơm của mọi người. Tất Đạt không bao giờ bận tâm về những lo lắng của Vạn Mỹ, và Vạn Mỹ thì rất nhiều lo lắng. Khi một công việc có vẻ sắp thất bại, khi một chuyến hàng bị mất, khi một con nợ không chịu trả, Vạn Mỹ không bao giờ có thể làm cho người đồng nghiệp của mình tin rằng điều đó có thể làm điên tiết lên, làm cho trán nhăn lại và giấc ngủ trằn trọc. Một hôm, khi Vạn Mỹ nhắc rằng chàng đã học được mọi sự từ nơi ông ta, Tất Đạt trả lời:

- Đừng nói đùa chứ. Tôi đã học được của ông giá tiền rổ cá bao nhiêu, và cho vay tiền có lời bao nhiêu. Đó là kiến thức của ông. Nhưng tôi không học của ông cách suy tư, ông Vạn Mỹ thân mến, ông nên học ở tôi điều đó.

Quả thế, tâm hồn chàng không ở trong công việc thương mãi. Nó hữu ích cho chàng vì nó đem lại tiền để chàng biếu Kiều Lan, và chàng được nhiều tiền hơn là chàng cần. Hơn nữa, cảm tình và trí tò mò của chàng chỉ hướng về những con người, mà những công việc, lo âu, lạc thú và sự điên rồ của họ thật xa vời và lạ lùng đối với chàng hơn cả mặt trăng. Mặc dù chàng cảm thấy rất dễ dàng nói chuyện với mọi người, sống với mọi người, học hỏi mọi người, chàng ý thức sâu xa một điều rằng có một cái gì đó ngăn cách chàng với họ, và điều này do ở thực trạng chàng đã là một Sa Môn. Chàng thấy mọi người sống một cách trẻ con và như thú vật, điều làm cho chàng vừa cảm thương vừa khinh bỉ. Chàng thấy họ lao nhọc đau khổ và bạc đầu về những chuyện mà đối với chàng thật không đáng một đồng xu, -- tiền bạc, lạc thú nhỏ nhoi và những danh vọng hão huyền. Chàng thấy họ đánh mắng, chửi nhau, than vãn về những nổi khổ cực mà sẽ làm cho một vị Sa Môn bật cười, và họ khổ đau vì những thiếu thốn mà một vị Sa Môn không cảm thấy.

Chàng nhận lấy tất cả những gì người ta mang lại cho chàng. Người thương gia đem đến hàng vải để bán cũng được đón tiếp, con nợ đến vay cũng được đón tiếp y hệt, kẻ ăn xin cũng được tiếp đón, có khi ở lại hàng giờ để kể lể nỗi nghèo nàn với chàng mặc dù hắn không nghèo khó bằng bất cứ một Sa Môn nào. Chàng tiếp đãi không chút phân biệt, từ người thương gia giàu xa lạ đến người tôi tớ cạo râu cho chàng, và những anh hàng rong mà chàng mua chuối và đã đánh cắp những đồng xu lẻ của chàng. Khi Vạn Mỹ đến kể cho chàng nghe những nỗi lo lắng và trách cứ về một vụ thua lỗ, chàng lắng nghe một cách tò mò chăm chú, và há hốc mồm, cố gắng để hiểu ông ta, nhượng bộ ông ta một tí khi cần, và tảng lờ ông ta để đến với người cần chàng hơn. Và rất nhiều người đến với chàng, người thì đến vì công việc mua bán, người thì để lừa gạt chàng, người để nghe chàng nói, người để nghe chàng cảm thông, người cần chàng chỉ bảo. Chàng giúp họ ý kiến, cảm

thông với họ, cho chác họ, để cho họ lừa gạt chàng một ít, và để tư tưởng chàng bận rộn vì trò chơi này cũng như trước đấy chàng đã bận rộn vì thần linh và Đại ngã.

Thỉnh thoảng chàng nghe trong tâm tư một tiếng nói yếu ớt, nhẹ nhàng, nhắc nhở chàng một cách âm thầm, phàn nàn một cách lặng lẽ đến nỗi chàng khó có thể nghe thấy. Rồi đột nhiên chàng thấy rõ rằng chàng đang sống một nếp sống quái gở, rằng chàng đang làm việc chỉ đáng giá như một ván bài, rằng chàng cũng vui vẻ đấy và đôi khi hưởng khoái lạc nữa, nhưng sự sống chân thật đang trôi qua mà không động chạm đến chàng. Như một cầu thủ chơi với quả cầu, chàng chơi với công việc kinh doanh, với những người chung quanh, ngắm nhìn họ, thích thú vì họ, nhưng tâm hồn chàng, bản tính chân thật của chàng thì không có ở đấy. Bản ngã thực của chàng đang đi phiêu lưu một nơi nào khác rất xa, âm thầm đi qua và không dính líu gì đến sự sống hiện tại của chàng. Đôi khi chàng sợ hãi những ý nghĩ ấy và ước sao được chia xẻ công việc hàng ngày trẻ con của họ một cách hăng hái, tham dự vào đời sống thực sự, thụ hưởng và sống đời sống của họ thực sự, thay vì chỉ ở đấy như một khách bàng quan.

Chàng đến thăm Kiều Lan thường xuyên, học nghệ thuật yêu đương trong đó cho và nhận trở thành một. Chàng nói chuyện với nàng, học ở nàng, chỉ bảo nàng và nhận những lời chỉ bảo. Nàng hiểu chàng hơn Thiện Hữu ngày xưa hiểu chàng, nàng giống chàng hơn là Thiện Hữu đã giống chàng.

Một hôm chàng bảo nàng:

- Em thật giống tôi, em khác hẳn mọi người. Em là Kiều Lan và không giống ai khác, và ở trong em có sự bình lặng, một nơi thiêng liêng ở đấy, em cũng như tôi, có thể lui về bất cứ lúc nào và trở thành chính em. Ít người có khả năng ấy, trong khi mọi người đều có thể có.

- Không phải mọi người đều khôn ngoan cả, Kiều Lan bảo.

- Điều ấy không can hệ gì, Kiều Lan. Vạn Mỹ cũng khôn như tôi, nhưng ông ta không có nơi thiêng liêng ấy. Nhiều người khác có nhưng lại chỉ là những trẻ con về kiến thức. Hầu hết đều giống như những chiếc lá rơi phiêu bạt, quay cuồng trong không rồi rơi xuống đất. Nhưng một số ít người khác thì giống như những vì sao, đi một con đường đã định: không một cơn gió nào có thể chi phối họ, họ có sẵn trong mình kim chỉ nam và lối đi. Trong tất cả những người khôn ngoan – tôi biết nhiều người – có một người hoàn toàn về phương diện này. Tôi không bao giờ quên được người ấy. Ngài là Cồ Đàm,

đấng Giác Ngộ. Mỗi ngày có hàng ngàn thanh niên nghe giáo lý của Ngài và theo lời Ngài mỗi giờ phút, nhưng họ đều là những chiếc lá rơi; họ không có trong họ sự khôn ngoan và hướng đạo.

Kiều Lan mỉm cười nhìn chàng:

- Anh lại nói về ông ấy rồi. Anh lại có những tư tưởng Sa Môn.

Tất Đạt im lặng, và họ chơi trò yêu đương. Thân nàng mềm mại như chiếc cung của một nhà thiện xạ, kẻ nào học tình yêu nơi nàng sẽ học được nhiều lạc thú, nhiều bí quyết. Nàng đùa giỡn với Tất Đạt một lúc, xua đuổi chàng làm chàng đê mê, chiếm đoạt chàng, và thích thú vì sự chế ngự của mình cho đến khi chàng chịu thua, kiệt sức nằm bên cạnh nàng.

Người kỹ nữ cúi xuống nhìn rất lâu vào mặt chàng, vào đôi mắt chàng đã mệt mỏi.

- Anh là người tình tài giỏi nhất mà em gặp, nàng nói một cách trầm ngâm. Anh khoẻ mạnh hơn những người khác, dẻo dai hơn, hăng hái hơn. Anh đã học hỏi rất giỏi nghệ thuật của em, Tất Đạt. Một ngày kia, khi em lớn tuổi hơn, em muốn có một đứa con với anh. Nhưng anh ôi, anh vẫn còn là một Sa Môn. Anh không thực sự yêu em – Anh không yêu ai cả. Có phải thế không?

- Có lẽ, Tất Đạt mệt mỏi đáp. Tôi cũng như em, em cũng không thể yêu. Nếu không, làm sao em có thể luyện tập về yêu đương như một nghệ thuật? Có lẽ những người như chúng ta không thể yêu đương. Những người thường tình kia, mới có thể yêu đương được -- đấy là bí quyết của họ.

---o0o---

Khổ Đau

Trong một thời gian khá lâu, Tất Đạt sống nếp sống của thế tục mà không dự phần vào thế tục. Những giác quan mà chàng đã kiềm chế suốt những năm dài say mê sống đời khổ hạnh, bây giờ lại được vùng dậy. Chàng đã nếm mùi của cải, đam mê và thế lực, nhưng chàng vẫn còn là Sa Môn một thời gian rất lâu trong tâm khảm. Nàng Kiều Lan khôn khéo đã nhận thấy điều này. Đời chàng luôn luôn được hướng dẫn bởi nghệ thuật suy tư, đợi chờ và nhịn đói. Những con người của thế tục, những thường nhân, vẫn còn xa lạ đối với chàng cũng như chàng cách xa họ.

Năm tháng trôi qua. Tất Đạt không buồn để ý đến thời gian, vì được vây quanh bởi những hoàn cảnh thuận tiện dễ dãi, chàng đã trở nên giàu có. Từ lâu chàng đã làm chủ biệt thự có tôi tớ, có một khu vườn ở ngoại ô cạnh dòng sông. Mọi người đều yêu thích chàng khi cần tiền bạc hay lời chỉ bảo. Tuy thế, trừ Kiều Lan ra, chàng không có bạn thân.

Sự thức tỉnh huy hoàng mà chàng đã hơn một lần chứng nghiệm lúc thiếu thời, vào những ngày sau khi nghe đức Cồ Đàm thuyết pháp, sau khi từ giã Thiện Hữu, sự thức tỉnh bén nhạy kia, lòng kiêu hãnh được đứng độc lập không cần thầy hay thuyết lý, lòng hăm hở nghe tiếng diệu âm nội tại . . . tất cả đã dần trôi qua và trở thành ký ức.

Dòng suối linh thiêng đã một lần gần gũi chàng và hát ca trong lòng chàng, bây giờ thì thầm rất nhẹ xa xa. Tuy nhiên, nhiều điều chàng học ở các vị Sa Môn, ở đức Phật, ở cha chàng, ở các vị Bà La Môn, chàng vẫn còn nhớ rất lâu: một cuộc sống điều độ, lạc thú của tư duy, những giờ thiền định, tri thức huyền nhiệm về Tự ngã, về cái Ta vĩnh cửu không phải thân thể cũng không phải ý thức. Nhiều điều chàng còn giữ lại, nhiều điều đã chìm xuống dưới làn bụi bao phủ. Như một cái bánh xe đã tắt máy còn quay một lúc lâu, quay rất chậm rồi ngừng, bánh xe khổ hạnh cũng vậy, bánh xe tư duy, bánh xe phân biệt còn quay rất lâu trong tâm hồn Tất Đạt, nó còn chuyển động nhưng chậm chạp, và ngập ngừng, sắp đứng lại. Chầm chậm, như chất mục nát len dần vào thân cây đang chết, len dần và làm cho thối rữa dần, thế tục với sự trơ lì vô cảm giác cũng len lỏi dần vào tâm hồn Tất Đạt, dần dần lấp đầy tâm hồn chàng, làm cho nó trầm trệ, mệt mỏi, ru ngủ nó. Nhưng mặt khác, những giác quan chàng lại được tỉnh thức hơn, chúng học được rất nhiều, kinh nghiệm được rất nhiều.

Tất Đạt học được cách điều hành những việc kinh doanh, thi hành quyền lực của mình đối với người, chơi với đàn bà, chàng đã biết mặc đồ sang trọng, sai bảo tôi tớ, tắm mình trong nước thơm. Chàng đã biết ăn những thức ăn thịnh soạn, cá thịt, bồ câu hầm và những thứ gia vị tinh xảo, những của ngon vật lạ. Chàng đã biết uống rượu, làm cho chàng lười biếng và chóng quên. Chàng đã biết chơi tài xỉu, đánh cờ, ngắm vũ nữ, ngồi kiệu, ngủ trên chiếc giường êm dịu. Nhưng chàng luôn luôn cảm thấy mình khác và cao hơn mọi người; chàng luôn luôn nhìn họ với một cái nhìn khinh khỉnh, chế giễu ngạo nghễ, sự ngạo nghễ của một Sa Môn đối với người thế tục. Khi Vạn Mỹ nổi cuồng lên, khi ông ta tự thấy mình đã bị lăng nhục hoặc khi ông bị rối rắm vì việc kinh doanh, Tất Đạt luôn luôn nhìn ông ta đầy chế giễu. Nhưng dần dà, và một cách thầm lặng, sự chế giễu và mặc cảm hơn người của chàng vơi đi

cùng thời gian. Dần dà, cùng với những của cải tăng thêm, Tất Đạt cũng cho thu thập thêm ít đặc tính của những con người thường tình, thêm một ít lo âu của họ, một ít tính trẻ con của họ. Tuy nhiên chàng vẫn thèm thuồng số phận họ, càng giống họ bao nhiêu chàng càng ganh tị họ bấy nhiêu. Chàng ganh họ ở một điều độc nhất mà chàng thiếu, ấy là tầm quan trọng họ sống cuộc đời họ, bề sâu của khoái lạc cũng như đau khổ của họ, hạnh phúc xao xuyến nhưng êm đềm, ở mãnh lực liên tục của họ trong tình yêu. Những con người ấy luôn luôn mê say chính họ, con cái họ, danh vọng, tiền tài, kế hoạch và niềm hy vọng. Nhưng những điều này chàng không học được của họ, những khoái lạc trẻ con và những sự điên rồ; chàng chỉ học được ở họ những điều khó chịu, những điều mà chàng khinh bỉ. Sau một buổi chiều miệt mài trong cuộc truy hoan, thường thường là sáng hôm sau chàng cảm thấy vô cùng chán chường mệt mỏi. Chàng trở nên bực bội nóng nảy khi Vạn Mỹ quấy rầy chàng với những lo âu của ông ta. Chàng thường cười quá lớn khi thua bạc. Nét mặt chàng vẫn còn thông minh trí thức hơn những kẻ khác, nhưng chàng ít khi cười, và dần dần nét mặt chàng nhiễm lấy những vẻ thường thấy nơi những người giàu -- vẻ bất bình, mệt mỏi, chán nản, nhàn hạ và vắng bóng yêu thương. Dần dần căn bệnh nội tâm của những người trưởng giả nhiễm vào trong chàng.

Như một tấm màn, một dải mù sương mong manh, sự mệt mỏi chán chường trùm lên Tất Đạt mỗi ngày một dày nặng, mỗi tháng một đậm màu, mỗi năm một trầm trọng. Như một chiếc áo dần cũ theo thời gian, mất dần vẻ chói sáng, bạc màu và nhăn nheo, viền áo nứt rạn, đường chỉ bị sờn, đời sống mới mà Tất Đạt bắt đầu sau khi từ giã Thiện Hữu cũng trở nên cũ dần. Nó cũng mất dần sắc màu theo năm tháng: lằn xếp và vết bẩn dồn dập thêm, ảo tưởng cùng sự ngấy chán buồn nôn đã chực sẵn, nấp kín hoặc ló dạng ở vài nơi. Tất Đạt không chú ý đến. Chàng chỉ để ý rằng tiếng nội tâm trong sáng đã từng thức tỉnh chàng và luôn luôn dìu dắt chàng trong những giờ phút tốt đẹp nhất, bây giờ tiếng ấy bỗng im bặt.

Nếp sống thế tục đã tóm lấy chàng; lạc thú, tham lam, lười biếng và cuối cùng cả đến tính dồn của, thói tục mà chàng vẫn xem thường, khinh bỉ vì nó điên rồ nhất. Tài sản, vật sở hữu và của cải, cuối cùng đã bẫy chàng. Chúng không còn là một trò chơi, một cuộc đen đỏ; chúng đã trở thành một dây xích, một gánh nặng. Qua ván đỏ đen, Tất Đạt đã đi hoang theo con đường quái gở cong quẹo, xuống cái dốc cuối cùng thấp nhất. Từ lúc chàng thôi còn là một Sa Môn trong tâm hồn, chàng bắt đầu chơi bạc vì tiền và vàng, càng ngày càng hăng hái, một cuộc đỏ đen mà như mọi người thường khác: đầu tiên chàng cũng ngồi vào một cách tươi cười và dễ dãi. Chàng là một tay

cờ cừ khôi, ít ai dám chơi với chàng vì chàng đặt tiền quá cao và liều lĩnh. Chàng cảm thấy một say mê, một khoái cảm trong sự phung phí tiền vào cờ bạc, một thứ tiền khốn nạn. Chàng không thể bằng cách nào khác, bày tỏ một cách rõ rệt và ngạo nghễ hơn lòng khinh bỉ của chàng đối với của cải, thần tượng sai lạc của những thương gia. Bởi thế chàng đặt tiền rất cao, không dè sẻn, tự ghét mình, tự chế nhạo mình. Chàng được hàng nghìn và ném ra hàng nghìn, thua tiền, thua đồ nữ trang, thua một ngôi nhà ở thôn quê, lại được, rồi thua lại. Chàng say mê nỗi phập phồng ấy, nỗi phập phồng ghê gớm nặng nề mà chàng trải qua trong những ván bài, trong sự hồi hộp nín thở, với những món tiền cọc rất cao. Chàng yêu thích cảm giác này và liên tiếp tìm kiếm nó lại, tăng nó thêm lên, kích thích nó, vì chỉ trong cảm giác này chàng mới cảm thấy được một thứ hạnh phúc, một thứ phấn khởi, một đà sống nồng nàn hơn trong cuộc đời tẻ nhạt, vô vị, chán chường của chàng. Và sau mỗi trận thua bạc lớn, chàng lại tận tuỵ kiếm thêm của, hăm hở theo đuổi việc kinh doanh và hối thúc con nợ, vì chàng cần chơi lại, cần phung phí lại, cần phơi bày nỗi khinh miệt của chàng đối với tiền trở lại. Tất Đạt trở nên nóng nảy khi thua bạc, chàng mất bình tĩnh trước những con nợ dây dưa, chàng không còn tử tế với những kẻ ăn xin nữa, chàng không còn muốn cho người nghèo mượn tiền hoặc bố thí nữa. Chàng, người đặt cọc hàng mười nghìn vào ván bài rồi cười lớn, bây giờ trở nên khắt khe và bủn xỉn hơn trong việc kinh doanh, và đôi khi về đêm lại nằm mộng thấy tiền. Và mỗi khi tỉnh dậy từ cái bùa chú khả ố này, khi chàng nhìn thấy bóng mình trong gương treo ở tường phòng ngủ, nét mặt già hơn và xấu hơn, mỗi khi hổ thẹn và sự buồn nôn xâm chiếm chàng, chàng lại chạy trốn, trốn vào trong một ván đen đỏ khác, bối rối trốn vào dục lạc, vào men rượu và từ đó, trở lại với lòng hăm hở dồn chứa thêm tài sản. Chàng để mình hao mòn trong vòng luân chuyển vô tri ấy, và già đi, rồi bệnh hoạn.

Rồi bỗng một hôm, một giấc mơ làm chàng nhớ lại. Chàng ở lại với Kiều Lan trong buổi chiều, trong khu vườn chơi xinh đẹp của nàng. Họ ngồi nói chuyện dưới một gốc cây. Kiều Lan đang nói một cách nghiêm trọng, sự buồn rầu và mệt mỏi ẩn sau lời nói của nàng. Nàng bảo chàng nói cho nghe về đức Phật, và nghe bao nhiêu cũng không đủ đối với nàng, nào là mắt Ngài sáng trong làm sao, nào là chiếc miệng xinh đẹp và bình an, nụ cười huyền bí, tư thái Ngài đầy vẻ thanh tịnh làm sao. Rất lâu chàng phải thuật cho nàng nghe về đấng Giác Ngộ, và Kiều Lan đã thở dài và bảo:

- Một ngày kia, có lẽ không lâu, em cũng sẽ đi theo đức Phật ấy. Em sẽ dâng Ngài khu vườn chơi của em và qui y theo giáo lý của Ngài.

Nhưng đoạn nàng quyến rũ chàng, và hết sức nồng say, nàng vồ lấy chàng trong một cuộc ân ái vừa cuồng nhiệt vừa đầy nước mắt, tuồng như nàng muốn ép lấy giọt ngọt ngào cuối cùng của thứ khoái lạc phù du kia. Chưa bao giờ Tất Đạt thấy rõ một cách lạ lùng rằng dục lạc đắm say gần giống cảnh chết chóc như thế. Chàng nằm bên cạnh nàng, mặt nàng kề sát mặt chàng, và chàng đọc thấy trong đôi mắt nàng, ở khoé miệng nàng lần đầu tiên những dấu hiệu nhắc nhở mùa thu của cuộc đời, những đường nhăn của tuổi tác. Chính chàng, chỉ đang độ tứ tuần, cũng đã thấy xuất hiện những sợi hoa râm trong mớ tóc đen của mình. Sự mỏi mệt đã in dấu trên gương mặt xinh đẹp của Kiều Lan, do bởi tiếp tục một con đường dài không mục đích tươi vui. Sự mệt mỏi và tuổi già đang lộ liễu, cùng với một nỗi sợ hãi đang tiềm ẩn chưa được nói ra, có lẽ chưa được ý thức, nỗi lo sợ mùa thu của cuộc đời: sợ hãi, già, chết. Thở dài, chàng từ giã nàng, lòng nặng khổ đau và nỗi lo sợ âm thầm.

Tất Đạt đã ở lại nhà nàng đêm đó với men rượu và vũ nữ, tự cho mình cao hơn đồng bọn, mặc dù kỳ thực chàng không còn hơn gì họ. Chàng uống nhiều rượu và rất khuya mới vào giường, mệt mỏi nhưng trằn trọc, gần muốn khóc và tuyệt vọng. Chàng cố ngủ nhưng vô hiệu. Tim chàng quá đau khổ, tưởng chừng không thể nào chịu đựng được nữa. Chàng cảm thấy một cơn buồn nôn xâm chiếm lấy chàng như một thứ rượu vô vị, một thứ nhạc quá ẻo lả và vô duyên, nụ cười quá nhạt nhẽo của những vũ nữ hay mùi hương quá nồng của mái tóc họ, của ngực họ. Nhưng trên tất cả, chàng buồn nôn vì chính chàng, vì mái tóc tẩm hương của chính chàng, vì mùi từ miệng chàng, vì làn da bệu bạo của chính chàng. Như một người đã ăn uống quá nhiều và nôn ra một cách khó nhọc nhưng rồi cảm thấy dễ chịu, con người bứt rứt của chàng muốn một cách quyết liệt, vứt bỏ hết những lạc thú, những thói quen, vứt bỏ cuộc sống hoàn toàn vô nghĩa này.

Chỉ khi trời sáng và khi mọi hoạt động ngoài thành phố bắt đầu, chàng mới sực thiếp đi, hơi khuây khoả, và ngủ yên trong chốc lát. Chính trong lúc ấy chàng đã mơ một giấc chiêm bao.

Kiều Lan nuôi một con chim lạ nhỏ trong chiếc lồng con bằng vàng. Chàng nằm mơ về con chim ấy. Con chim, thường hót về ban sáng, bỗng nhiên câm hẳn; và chàng ngạc nhiên đi đến chiếc lồng con nhìn vào. Nó đã chết và nằm cong queo trên sàn. Chàng đem nó ra, cầm trên tay một lúc rồi ném ra đường. Chính lúc ấy chàng bỗng sợ hãi và đau đớn như chàng đã vứt đi cùng với con chim ấy tất cả những gì tốt đẹp và giá trị trong đời chàng.

Khi tỉnh dậy, chàng cảm thấy lòng tràn ngập một nỗi buồn sầu ghê gớm. Chàng mường tượng mình đã hoang phí một cách vô vị vô nghĩa; chàng đã không giữ lại được một điều gì của sự sống, một điều gì quí báu và xứng đáng. Chàng đứng cô độc như một kẻ đắm tàu đứng trên bờ.

Buồn bã, Tất Đạt đi vào khu vườn chơi của chàng, chàng đóng cổng, ngồi dưới một cây xoài, và cảm thấy đầy chết chóc rùng rợn trong tâm khảm. Chàng ngồi và cảm thấy mình đang chết dần, đang héo mòn, đang chấm dứt. Dần dần, chàng tập trung lại tư tưởng và ôn lại cả cuộc đời, từ những ngày trẻ thơ nhất mà chàng còn nhớ. Khi nào thì chàng đã thực sự hạnh phúc? Khi nào chàng đã thực nếm trải niềm vui? Ừ, chàng đã trải qua điều này nhiều lần. Chàng đã vui trong những ngày niên thiếu, khi chàng được những người Bà La Môn khen ngợi, khi chàng vượt xa những người đồng thời, khi chàng đọc những thánh thư, trong những cuộc tranh biện với những bậc trí thức, khi dự những cuộc tế thần. Lúc đó chàng đã nghĩ: “Một con đường đang trải trước mắt. Những vị thần linh đang chờ đợi ngươi”. Và khi còn là một thiếu niên, khi lý tưởng mãi bay lượn thúc giục chàng đi theo rồi từ giã những người cùng đi tìm kiếm như chàng, khi chàng cố hết sức để mình hiểu những lời dạy của người Bà La Môn, khi mỗi kiến thức mới thu được chỉ lôi kéo theo một niềm khao khát mới, và trong niềm khát khao của chàng, trong những cố gắng của chàng, chàng đã tự nhủ: “Tiến lên đi, tiến lên! Đây là con đường của ngươi”. Chàng đã nghe tiếng nói ấy khi chàng rời nhà và chọn đời sống Sa Môn, và khi chàng rời những vị Sa Môn để đến đức Phật, và khi chàng rời đức Phật để tiếp tục con đường vô định. Đã bao lâu rồi từ khi chàng nghe tiếng ấy, từ khi chàng bay bổng trên bất cứ chiều cao nào? Thật vô vị và buồn thảm làm sao, con đường chàng đã đi qua! Qua bao nhiêu năm dài rồi, chàng không có một mục đích nào cả, không một niềm khát khao, không một niềm hân hoan, mà chỉ bằng lòng với những lạc thú nhỏ hẹp, là vẫn không thực thoả mãn! Không biết rõ điều đó, chàng đã cố gắng và khao khát mấy năm rồi, để được giống như mọi người khác, như những con người trẻ thơ kia, mà đời chàng vẫn khốn đốn và nghèo nàn hơn họ, bởi mục đích của họ không phải là mục đích của chàng, nỗi sầu muộn của họ cũng không phải là nỗi sầu muộn của chàng. Cả thế giới những người như Vạn Mỹ này chỉ là một ván bài trước mặt chàng, một cuộc khiêu vũ, một hài kịch để nhìn ngắm. Chỉ có Kiều Lan là yêu quí đối với chàng, là có giá trị đối với chàng. Nhưng nàng có còn yêu quí, giá trị hay không? Chàng có thực cần thiết đến nàng chăng? Họ lại không đang chơi một ván bài không dứt đó sao? Có cần thiết sống vì ván bài ấy hay không? Không. Ván bài này gọi là Sanh Tử, một trò chơi trẻ con, một trò chơi mà có lẽ chơi một, hai, mười lần cũng thú vị đấy, nhưng có đáng để chơi liên tục mãi mãi không?

Tất Đạt biết ngay rằng trò chơi đã chấm dứt, rằng chàng không thể chơi thêm được nữa. Một cơn rùng mình thoáng qua thân thể chàng, chàng cảm thấy một cái gì đó đã chết.

Chàng ngồi suốt ngày hôm đó dưới gốc xoài, nghĩ đến cha chàng, đến Thiện Hữu, đến đức Phật. Có phải chàng đã từ bỏ tất cả những người này để trở nên một Vạn Mỹ không? Chàng ngồi đấy cho đến khi đêm xuống. Khi chàng ngẩng lên thì thấy những vì sao, chàng nghĩ: ta vẫn còn ngồi đây dưới gốc xoài trong vườn chơi của ta. Chàng hơi mỉm cười. Có cần thiết không, có đúng không, có phải điên rồ không, nếu chàng lại làm chủ một cây xoài và một khu vườn?

Chàng đã quá chán ngán với những điều ấy. Chúng cũng đã chết ở trong lòng chàng. Chàng đứng dậy, chào từ biệt cây xoài và khu vườn chơi. Chàng chưa ăn gì cả ngày hôm đó, và chàng thấy đói cồn cào, nghĩ đến ngôi biệt thự của chàng trong thành phố, phòng và giường của chàng, chiếc bàn đầy thức ăn. Chàng mệt mỏi mỉm cười, lắc đầu và chào giã biệt tất cả những thứ ấy.

Cũng đêm đó, Tất Đạt rời thành phố và không bao giờ trở lại. Vạn Mỹ cố đi tìm chàng một thời gian khá lâu, tin rằng chàng đã rơi vào tay bọn cướp. Kiều Lan thì không cố tìm chàng. Nàng không ngạc nhiên khi nghe tin Tất Đạt đã biến mất. Nàng đã vẫn chờ đợi điều đó lâu nay. Chàng không phải là một Sa Môn không nhà, một người lữ hành đó sao? Nàng cảm thấy điều ấy rõ rệt hơn bao giờ hết trong buổi gặp gỡ cuối cùng với chàng, và trong sự buồn khổ vì mất mát, nàng vui sướng vì đã được ôm siết chàng trong dịp cuối cùng ấy, và đã cảm thấy hoàn toàn được chàng chinh phục.

Khi nàng nghe những tin đầu tiên về việc Tất Đạt biến mất, nàng đi đến cửa sổ ở đấy nàng nuôi con chim hiếm trong chiếc lồng vàng. Nàng mở cửa lồng, lấy chim ra thả cho nó bay đi. Nàng đứng nhìn theo chim khuất dạng một lúc lâu. Từ hôm đó, nàng không tiếp khách nữa và đóng kín cửa nhà. Sau một thời gian, nàng nhận ra mình đã có thai sau lần gặp gỡ cuối cùng với Tất Đạt.

---o0o---

Bên Bờ Sông

Tất Đạt đi lang thang vào rừng, đã xa thành thị và chàng chỉ biết một điều rằng chàng không thể trở về, rằng cuộc đời chàng đã sống nhiều năm

qua bây giờ đã hết, chàng đã nếm trải đến một độ buồn nôn. Con chim hoàng oanh đã chết cái chết của nó, mà chàng đã chiêm bao, chính là cái chết của con chim trong lòng chàng. Chàng đã vướng sâu vào đau khổ, đã rước vào mình sự buồn nôn và chết chóc từ tứ phía, như một cái tô đã thấm nước cho đến khi đầy. Chàng đầy cả chán chường, khổ đau, chết chóc, không còn một cái gì ở thế tục có thể lôi cuốn chàng, có thể đem lại cho chàng khoái lạc và niềm an ủi.

Chàng say sưa ao ước được quên, được nghỉ ngơi, được chết. Sao cho một cơn sét đánh chàng đi! Sao cho một con hổ cứ đến ăn thịt chàng phứt đi! Ước sao có một thứ rượu nào, một độc dược nào, đem lại cho chàng quên lãng, quên hết, làm cho chàng ngủ thiếp đi không bao giờ dậy nữa! Có một thứ gì thối tha mà chàng chưa bôi vào mình, có một tội lỗi và sự điên rồ nào trong tâm hồn mà chàng chưa phạm đến, có một vết nhơ nào trong tâm hồn mà chỉ có chàng là không chịu trách nhiệm hay không? Cái vòng luân chuyển đó không kiệt quệ đi và chấm dứt đi cho chàng hay sao?

Tất Đạt đã đến con sông dài trong rừng, con sông mà một người chèo đò đã từng đưa chàng qua khi chàng hãy còn trẻ và sau khi từ giã đức Phật. Chàng dừng lại và đứng tần ngần ở bờ sông. Cơn mệt và đói làm chàng yếu lả. Tại sao chàng lại phải đi xa thêm, đi đâu, và để làm gì? Không còn mục đích gì nữa, không còn gì hơn là một khát vọng đau đớn sâu xa được rũ hết cơn mộng mị cuồng loạn này, mửa hết chất rượu vô vị này, chấm dứt cuộc sống ê chề đau đớn này.

Có một cây dừa trên bờ sông; Tất Đạt ngồi dựa vào cây ấy, choàng tay qua thân cây và nhìn xuống dòng nước lục chảy bên dưới. Chàng nhìn xuống và bỗng dưng tràn ngập một ước muốn buông tay ra, để trầm mình trong đáy nước. Cái trống rỗng lạnh giá của nước phản chiếu sự trống rỗng ghê rợn trong tâm hồn chàng. Phải, chàng đã đến bước đường cùng. Không còn gì hơn đối với chàng trừ ra tự xoá bỏ mình, huỷ hoại cái kiến trúc thất bại của đời chàng, vứt nó đi, để cho những thần linh chế giễu. Đấy là việc mà chàng ao ước làm -- huỷ hoại cái hình tướng mà chàng ghét bỏ! Sao cho những con cá xé xác chàng ra. Chàng, con vật xấu xí, người điên, thân xác mục nát, thối tha ấy, tâm hồn chán chường vô dụng ấy! Sao cho cá sấu ngấu nghiến chàng đi, sao cho những con quỉ xé thây chàng ra từng mảnh!

Với một nét mặt quái dị, chàng nhìn chòng chọc vào dòng nước. Chàng thấy mặt chàng phản chiếu và khạc nhổ lên đấy; chàng buông tay khỏi thân cây

và xoay mình một tí, để có thể rơi ngược đầu và chìm xuống nước. Chàng cúi rạp người, đôi mắt nhắm nghiền như hướng về cõi chết.

Rồi từ một cõi xa xăm trong tâm hồn chàng, từ quá khứ của cuộc đời mệt mỏi, chàng bỗng nghe một tiếng vọng. Chỉ có một tiếng, một âm thanh mà không suy nghĩ, chàng lẩm bẩm nói lên, âm thanh ngày xưa bắt đầu và kết thúc mọi bài kinh Bà La Môn, tiếng "Om" thiêng liêng, có nghĩa là "Giác Ngộ" hay "Toàn Thiện". Lúc đó, khi tiếng "Om" đến tai chàng, tâm hồn thẫn thờ của Tất Đạt bỗng nhiên thức tỉnh và chàng nhận ra sự điên rồ của hành vi mình.

Tất Đạt vô cùng sợ hãi. Thì ra chàng đã ra thế đấy, chàng đã quá lạc lõng, quá bối rối, quá mất lương tri đến nỗi muốn tìm cái chết. Lòng mong mỏi ấy, lòng mong mỏi trẻ con ấy đã trở nên quá mãnh liệt trong lòng chàng: tìm sự bình an bằng cách huỷ hoại thể xác. Tất cả những dày vò của thời vừa qua, tất cả ảo tưởng, tuyệt vọng đã không ảnh hưởng đến chàng nhiều bằng khi tiếng "Om" len vào ý thức chàng, làm chàng nhận rõ sự khốn nạn và tội lỗi của mình.

"Om", chàng nhẩm đọc trong lòng, và chàng ý thức về Đại ngã, về sự bất khả huỷ diệt của cuộc sống; chàng nhớ lại mọi sự mà chàng đã quên, mọi sự thiêng liêng cao khiết.

Nhưng chỉ một thoáng, thời gian một lần chớp, rồi Tất Đạt lại quị xuống gốc cây dừa, sự mỏi mệt xâm chiếm lấy chàng. Thì thầm tiếng "Om", chàng gối đầu trên rễ cây và ngủ một giấc dài. Giấc ngủ chàng rất say mà không mộng mị; chàng chưa bao giờ ngủ ngon như thế trong một thời gian khá lâu. Khi chàng tỉnh dậy sau giấc ngủ, chàng có cảm tưởng như mười năm đã trôi qua. Chàng nghe tiếng nước chảy róc rách; chàng không biết mình đang ở đâu, cũng không rõ tại sao chàng đến đây. Chàng nhìn lên và ngạc nhiên thấy cây cối và trời ở trên đầu. Chàng sực nhớ lại chàng đang ở nơi nào và làm sao chàng đã đến đây. Chàng cảm thấy ước muốn ở lại đây một lúc lâu. Quá khứ bây giờ dường như phủ một lớp màn, vô cùng xa xăm, và không mảy may quan hệ. Chàng chỉ biết rằng đời sống trước đây của chàng đã hết, nó đầy cả buồn nôn và khốn nạn khiến chàng đã muốn huỷ hoại nó, nhưng chàng đã tỉnh ngộ bên cạnh một dòng sông, dưới một gốc dừa, với tiếng "Om" thần diệu trên môi. Rồi chàng đã ngủ, và khi thức dậy chàng nhìn vũ trụ như một con người mới. Chàng nhẹ nhàng nói thầm tiếng "Om" với chính mình, chàng đã ngủ với tiếng ấy và chàng tưởng như suốt giấc ngủ chàng đã đọc

tiếng ấy sâu dài, nghĩ về "Om", thể nhập trong "Om", trong cái vô danh, trong cái linh diệu …

Thật là cả một giấc ngủ tuyệt vời! Chưa bao giờ một giấc ngủ lại làm chàng tỉnh táo, đổi mới chàng, làm chàng trẻ lại đến thế. Có lẽ chàng đã chết thực, có lẽ chàng đã chết đuối và tái sinh dưới một hình hài khác. Nhưng không, chàng nhận ra chính mình, nhận ra tay chân chàng, nơi chàng nằm và bản ngã ở trong lồng ngực chàng, một Tất Đạt cá biệt. Nhưng Tất Đạt này có một cái gì thay đổi, mới mẻ. Chàng đã ngủ một giấc tuyệt vời. Bây giờ chàng tỉnh táo một cách kỳ lạ, sung sướng và ngạc nhiên trước mọi sự.

Tất Đạt ngẩng lên và thấy một thầy tu áo vàng, đầu cạo, ngồi đối diện với chàng trong dáng điệu của một người suy tư. Chàng nhìn vào ông ta, và chẳng mấy chốc chàng đã nhận ra đấy là Thiện Hữu, người bạn của chàng thời thơ ấu. Thiện Hữu, người đã nấp dưới bóng đức Giác Ngộ . . . Thiện Hữu, cũng đã luống tuổi, nhưng chàng còn biểu lộ những nét đặc biệt cũ trên gương mặt – lòng hăng hái, chính trực, óc tò mò, nỗi hoang mang. Nhưng khi Thiện Hữu cảm thấy cái nhìn của Tất Đạt, ngẩng lên và nhìn chàng, Tất Đạt thấy rằng Thiện Hữu không nhận ra chàng. Thiện Hữu vui mừng khi thấy chàng tỉnh giấc. Chàng có vẻ đã ngồi đấy từ lâu chờ Tất Đạt thức dậy, mặc dầu Thiện Hữu không biết chàng.

- Tôi đang ngủ -- Tất Đạt lên tiếng. Ông đến đây bằng cách nào?

- Ông đang ngủ -- Thiện Hữu đáp, và thật không nên ngủ ở những nơi như vầy, vì thường có rắn và dã thú trong rừng ra. Tôi là một trong những đồ đệ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và tôi đang đi hành hương cùng với một số tăng lữ như tôi. Tôi thấy ông nằm ngủ một nơi nguy hiểm, nên đã cố thức ông dậy, nhưng ông ngủ say quá, nên tôi ở lại và ngồi đây. Rồi dường như tôi, người muốn canh chừng cho ông, chính tôi lại cũng ngủ. Sự mệt mỏi đã chiếm lấy tôi và tôi đã canh chừng rất sơ sót. Nhưng bây giờ ông đã tỉnh, tôi phải đi cho kịp với các môn đệ.

- Cám ơn thầy Sa Môn đã canh cho tôi ngủ. Những đồ đệ của đấng Giác Ngộ thật rất tốt, nhưng bây giờ ông có thể đi đường của ông đi.

- Tôi đi đây. Chúc ông ở lại mạnh giỏi.

- Cám ơn thầy Sa Môn.

Thiện Hữu cúi đầu nói:

- Xin từ biệt.

- Xin từ biệt, Thiện Hữu, Tất Đạt buột miệng.

Vị tu sĩ đứng dừng lại:

- Xin lỗi ông, làm sao ông biết được tên tôi?

Tất Đạt cười lớn:

- Thiện Hữu, tôi biết anh từ ngôi nhà của thân sinh anh và từ ngôi trường của những người Bà La Môn, và từ những cuộc tế thần, từ ngày chúng ta đi theo những Sa Môn, và cũng từ giờ phút trong rừng Lộc Uyển khi anh xin qui y đấng Giác Ngộ.

- Anh là Tất Đạt! Thiện Hữu kêu lên – Bây giờ tôi đã nhận ra anh và không hiểu tại sao tôi lại không nhận ra anh ngay. Chào Tất Đạt, tôi mừng lắm được gặp lại anh …

- Tôi cũng rất mừng. Bạn đã canh chừng giấc ngủ của tôi. Cám ơn bạn một lần nữa, mặc dù tôi không cần người canh. Bây giờ bạn đi đâu?

- Tôi không đi đâu cả. Chúng tôi, những tu sĩ, thì luôn luôn đi trên đường, trừ trong mùa mưa. Chúng tôi luôn luôn đi từ nơi này đến nơi kia, sống theo qui luật, giảng dạy giáo lý, khất thực và lại đi. Luôn luôn như thế. Nhưng anh đi đâu, Tất Đạt?

Tất Đạt nói:

- Tôi cũng y hệt như anh, bạn ơi. Tôi không đi đâu cả. Tôi chỉ đi trên đường. Tôi đang đi hành hương.

Thiện Hữu nói:

- Anh bảo anh đi hành hương, tôi tin anh. Nhưng này anh Tất Đạt, xin lỗi anh, tôi trông anh không giống một khất sĩ chút nào. Anh đang mặc áo quần của một người giàu có, anh đang mang giày theo thời trang, và mái tóc đầy hương của anh không phải là tóc của một khất sĩ, không phải là tóc của một Sa Môn.

- Bạn đã quan sát kỹ lắm, đôi mắt tinh vi của bạn đã thấy hết mọi sự. Nhưng tôi không bảo bạn rằng tôi là một Sa Môn. Tôi nói rằng tôi đi hành hương, và điều ấy có thật.

- Anh đang đi hành hương. Thiện Hữu nói – Nhưng ít ai đi hành hương trong bộ áo quần như thế, giày như thế, tóc như thế. Tôi đã lang thang nhiều năm nay mà chưa bao giờ thấy một khất sĩ như thế cả.

- Tôi tin bạn nói thật, Thiện Hữu. Nhưng hôm nay đây, bạn đã gặp một khất sĩ như thế, trong giày và áo như thế. Hãy nhớ, Thiện Hữu thân mến của tôi ơi, rằng thế giới hiện tượng luôn luôn giả tạm, kiểu áo và tóc vô cùng tạm bợ. Ngay cả tóc và thân thể của chúng ta cũng giả tạm nữa. Bạn đã quan sát rất đúng. Tôi đang mặc y phục của một người giàu, và tôi có đầu tóc như người thế tục, theo thời trang chỉ vì tôi đã là một người trong số đó.

- Và bây giờ thì anh là gì, Tất Đạt?

- Tôi không biết, tôi cũng không biết như bạn. Tôi chỉ đang đi trên đường. Tôi đã là một người giàu nhưng bây giờ thì không còn nữa, và những gì sẽ xảy ra ngày mai, tôi không biết được.

- Anh đã mất hết của cải?

- Tôi mất chúng, hay chúng đã mất tôi – tôi không chắc. Bánh xe hiện tượng quay nhanh lắm, hỡi Thiện Hữu. Đâu là Tất Đạt con người Sa Môn, đâu là Tất Đạt người giàu có? Cái gì giả tạm sẽ thay đổi ngay, Thiện Hữu, bạn cũng biết thế.

Thiện Hữu hoài nghi nhìn người bạn ấu thời một lúc khá lâu. Đoạn chàng cúi chào Tất Đạt như người ta chào một người quí tộc, và đi tiếp con đường mình.

Mỉm cười, Tất Đạt nhìn chàng bước đi. Tất Đạt vẫn còn thương yêu chàng, người bạn trung thành hay thắc mắc ấy. Và trong lúc này, trong giờ phút sáng rạng sau giấc ngủ nhiệm màu thấm nhuần tiếng "Om" này, chàng không thể không cảm thấy thương yêu một người nào hay bất cứ một vật gì. Đó chính là điều kỳ diệu đã đến với chàng trong giấc ngủ với tiếng "Om". Chàng yêu mến mọi sự, một tình yêu hoan hỉ đối với mọi vật chàng nhìn thấy. Và chàng cảm thấy dường như trước kia chàng đau khổ vì chính chàng đã không biết yêu thương.

Tất Đạt nhìn Sa Môn ra đi với nụ cười. Giấc ngủ đã làm chàng sảng khoái, nhưng chàng cảm thấy bụng đói cồn cào vì đã không ăn gì trong hai hôm nay, và cái thời chàng chế ngự được cơn đói nay đã qua rồi. Chàng nhớ lại thuở ấy một cách xao xuyến, nhưng đồng thời cũng với một nụ cười. Chàng nhớ hồi ấy chàng đã tự hào ba điều với Kiều Lan, ba nghệ thuật cao quí siêu quần: nhịn đói, chờ đợi và suy tư. Những điều ấy đã là sở hữu của chàng, quyền năng của chàng, sức mạnh của chàng. Chàng chỉ học có ba nghệ thuật ấy và không biết điều gì khác, suốt trong những năm chuyên cần và kiên tâm của thời niên thiếu. Bây giờ chàng đã mất chúng, chàng không còn nắm vững chúng được nữa, nhịn đói, chờ đợi hay suy tư. Chàng đã đổi chúng để lấy những vật khốn nạn nhất, những vật tạm bợ, những lạc thú cảm quan, nếp sống thượng lưu và của cải.

Chàng đã đi theo một con đường quái gở. Và bây giờ dường như chàng đã nghiễm nhiên trở thành một phàm nhân.

Tất Đạt suy nghĩ về tình trạng của chàng. Chàng nhận thấy rất khó suy nghĩ, và thực tình không muốn suy nghĩ, nhưng chàng tự bắt buộc mình.

Bây giờ, chàng nghĩ, mọi vật phù du kia đã lại lọt qua kẽ tay ta, một lần nữa ta lại đứng dưới trời như một đứa trẻ. Không có cái gì của ta, ta không biết gì, không học tập được gì. Lạ lùng biết bao!

Bây giờ, khi ta không còn trẻ nữa, khi tóc ta trở màu, khi sức ta bắt đầu giảm, ta bắt đầu sống lại như một trẻ thơ. Chàng lại mỉm cười. Vâng, định mệnh chàng kỳ lạ thật! Chàng đang đi ngược trở lại, và bây giờ chàng vẫn tay không, vẫn trần truồng và dốt nát trong vũ trụ. Nhưng chàng không buồn vì điều đó, trái lại chàng còn cảm thấy muốn cười lớn lên, cười mình, cười cuộc đời đảo điên quái gở. Chàng tự bảo và cười lớn: "Mọi vật đang đi lui với mình", và khi chàng nói như thế, cái nhìn của chàng chiếu sáng trên dòng sông, và chàng thấy dòng sông cũng chảy lùi đều đều, reo lên vui vẻ. Điều đó làm chàng rất thích thú, chàng mỉm cười vui vẻ với dòng sông. Đó chẳng phải là con sông mà một lần chàng đã ao ước trầm mình -- hằng trăm năm về trước – hay chàng đã mơ thấy nó?

Đời sống của chàng thật lạ lùng, chàng nghĩ. Chàng đã lang thang qua nhiều con đường lạ. Khi còn là một cậu bé, tôi ham mê thần linh và các cuộc tế lễ, lúc trở thành thanh niên đam mê thiền quán và khổ hạnh. Tôi đã đi tìm Đại ngã và kính phục cái trường cửu nơi linh hồn. Là thanh niên tôi đã tu khổ hạnh. Tôi đã sống trong rừng, chịu nóng lạnh, tôi học nhịn đói, học chế ngự

bản thân. Rồi tôi khám phá những giáo lý của đức Phật. Tôi cảm thấy tri thức và sự nhất thể của thế giới lưu thông trong tôi như chính máu của tôi, nhưng tôi cũng cảm thấy cần rời xa đức Phật và sự hiểu biết. Tôi đi và học những lạc thú của ái tình nơi Kiều Lan và việc kinh doanh nơi Vạn Mỹ. Tôi tích luỹ tiền của và tiêu hoang nó, ăn những thức ăn ngon, và học kích thích giác quan. Tôi phải tiêu phí nhiều năm như thế để đánh mất sự thông minh, khả năng suy tư của tôi, để quên cái nhất tính của sự vật. Chẳng phải tôi đã dần dần đổi thay từ một người đàn ông thành một đứa trẻ, từ một người tư duy đến một người thông thường, qua nhiều khúc quanh hay sao? Và con đường này có lợi và con chim trong lòng tôi đã không chết. Nhưng chao ôi là con đường! Tôi đã phải trải qua quá nhiều ngu dại, quá nhiều tính xấu, quá nhiều lầm lạc, nôn mửa, vỡ mộng và buồn rầu, mà chỉ để lại trở thành một đứa trẻ. Nhưng đúng là phải như vậy. Đôi mắt và trái tim tôi đòi hỏi điều đó. Tôi phải chứng nghiệm sự tuyệt vọng, tôi phải đi vào chiều sâu thăm thẳm nhất của tâm hồn, vào những ý tưởng tự sát, để chứng nghiệm thánh ân, để nghe tiếng "Om" trở lại, để ngủ say sưa lại và thức dậy cải lão hoàn đồng. Tôi lại phải trở thành một người ngu để tìm Tự ngã trong tôi. Tôi phải phạm tội để sống lại. Con đường tôi sẽ còn dẫn tôi đi đâu? Con đường này ngu ngốc, nó đi xoắn ốc, có lẽ xoay vòng tròn, nhưng dù nó đi đâu tôi cũng theo nó. Chàng cảm thấy một hạnh phúc lớn lao đang dâng lên trong tâm hồn. Chàng tự hỏi: hạnh phúc ấy từ đâu lại, đâu là lý do của cảm giác hạnh phúc ấy? Nó có đến từ giấc ngủ dài của tôi, giấc ngủ đã làm cho tôi rất khoan khoái không? Hay từ thế giới "Om" mà tôi gọi tên? Hay chính vì tôi đã cao bay xa chạy, vì cuối cùng tôi đã trở lại tự do, và trở lại như một đứa trẻ dưới vòm trời? Ồ! Chuyến bay mới đẹp, cuộc giải thoát mới đẹp làm sao! Nơi tôi vừa trốn chạy luôn luôn có một không khí của dầu xức đầu, đồ gia vị, sự quá độ và sự trơ lì. Tôi ghét cái thế giới tiền của, rượu chè, cờ bạc ấy quá! Tôi ghét cả chính tôi đã sống quá lâu trong thế giới kinh tởm ấy. Tôi ghét cả chính tôi đã tự bóp méo, tự đầu độc và hành hạ mình, làm cho mình già và xấu xí. Tôi sẽ không bao giờ còn xem Tất Đạt này là thông minh nữa, như có lần tôi đã tưởng. Nhưng một điều tôi đã làm khiến tôi hài lòng và tự ngợi khen là bây giờ tôi đã vượt qua sự tự ghét ấy rồi, cái đời sống điên rồ trống rỗng ấy rồi. Tất Đạt, ta khen ngợi ngươi là sau ba năm điên cuồng, ngươi đã có lại một ý nghĩ đẹp, rằng ngươi đã hoàn thành một cái gì, rằng ngươi đã nghe lại con chim hót tự trong lòng ngươi và theo nó.

Chàng tự khen mình như thế, tự bằng lòng với mình và lắng nghe một cách tò mò bao tử của mình đang gào lên vì đói. Chàng cảm thấy mình đã trút ra một phần nỗi buồn, một phần khổ đau của thời quá khứ, mà chàng đã uống cạn đến độ tuyệt vọng gần chết. Nhưng mọi sự đều tốt đẹp. Chàng có thể

sống lâu hơn với Vạn Mỹ, làm tiền và phung phí, nuôi dưỡng thể xác và bỏ rơi tâm hồn, chàng đã có thể sống lâu hơn nữa trong cái địa ngục êm đềm khéo sơn phết đó, nếu không có cái phút hoàn toàn vô vọng và căng thẳng khi chàng nghiêng mình trên dòng nước chảy, sẵn sàng tự tử. Thì cơn tuyệt vọng đó, sự buồn nôn tột độ mà chàng trải qua đã không thắng được chàng. Con chim, dòng suối trong trẻo, tiếng nói trong lòng chàng vẫn còn sống. Đó là lý do làm chàng vui tươi, làm chàng cười lớn, làm mặt chàng sáng lên dưới mái tóc đã hoa râm.

Tự mình chứng nghiệm mọi sự là một điều hay, chàng nghĩ. Khi còn là một đứa trẻ, tôi đã học rằng những lạc thú và của cải thế tục không hay ho gì. Tôi đã biết điều ấy từ rất lâu, nhưng tôi chỉ mới chứng nghiệm nó vừa rồi. Bây giờ tôi biết điều ấy không phải chỉ bằng tri thức, mà bằng mắt tôi, bằng tim tôi và bằng bao tử tôi.

Chàng suy nghĩ rất lâu về sự đổi thay trong lòng chàng, lắng nghe con chim đang hót mừng. Nếu con chim trong chàng đã chết, chàng có chết không? Không, một cái gì khác trong chàng đã chết, một cái gì từ lâu chàng thèm khát đã chết. Đó chẳng phải là cái mà chàng từng mong phá huỷ suốt những năm khổ hạnh của chàng đó sao? Đó phải chăng là Tự ngã của chàng, cái ngã nhỏ bé, sợ hãi, kiêu căng, mà chàng đã chiến đấu với nó bằng bao nhiêu năm, nhưng luôn luôn nó thắng, luôn luôn nó xuất hiện lại, để cướp hạnh phúc của chàng, gieo cho chàng sợ hãi? Chẳng phải nó cuối cùng đã chết hôm nay, trong rừng, bên cạnh dòng sông kỳ diệu này sao? Chẳng phải vì cái chết của nó mà bây giờ chàng giống như một đứa trẻ, đầy hạnh phúc và niềm tin, không hoảng sợ?

Bây giờ Tất Đạt cũng đã nhận ra được vì sao chàng đã chiến đấu vô vọng với Tự ngã của chàng khi còn là một Bà La Môn và một nhà khổ hạnh. Quá nhiều kiến thức đã ngăn ngại chàng, quá nhiều thánh thi, quá nhiều lễ tế, quá nhiều ép xác, quá nhiều cố gắng và làm lụng. Chàng đã đầy kiêu căng, chàng đã luôn luôn là người khôn ngoan nhất, hăng hái nhất, luôn luôn hơn người một bước, luôn luôn là người trí thức, luôn luôn là người giảng đạo hay nhà hiền triết. Tự ngã chàng đã len lỏi vào trong chức vị giảng đạo ấy, vào lòng kiêu hãnh ấy, vào trí thức ấy. Nó an vị đấy một cách vững vàng, và tăng trưởng thêm, trong khi chàng tưởng chàng đang huỷ hoại nó bằng nhịn đói và sám hối. Bây giờ chàng hiểu nó và nhận ra rằng tiếng nói nội tâm rất đúng, không có một bậc thầy nào có thể đưa chàng đến giải thoát. Đó là nguyên do vì sao chàng đã đi vào cuộc đời, tự đánh mất mình trong thế lực, trong đàn bà và tiền bạc; vì sao chàng trở thành một thương gia, một người

cờ bạc, rượu chè và một người giàu có, cho đến khi con người thuyết giáo và vị Sa Môn trong chàng chết đi. Đó là nguyên do vì sao chàng đã phải sống qua những năm kinh khủng chịu đựng sự buồn nôn, học các bài học về sự điên rồ của một đời sống vô vị, trống rỗng cho đến chết, cho nên khi chàng đạt đến nỗi tuyệt vọng đắng cay để cho Tất Đạt con người buôn lạc thú và Tất Đạt con người của giàu sang cũng chết nốt. Chàng đã chết và một Tất Đạt mới đã thức dậy sau giấc ngủ của chàng. Chàng cũng sẽ già và chết. Tất Đạt là giả tạm, mọi hình thể đều giả tạm, nhưng hôm nay chàng còn trẻ, chàng là một đứa trẻ -- chàng Tất Đạt mới – và chàng rất hân hoan.

Những tư tưởng đó thoáng qua trong trí chàng. Mỉm cười, chàng lắng nghe tiếng bao tử mình, lắng nghe đầy cảm ơn tiếng con ong đang rì rầm. Sung sướng chàng nhìn dòng sông đang chảy. Chưa bao giờ một dòng sông thu hút chàng đến thế. Chưa bao giờ chàng tìm thấy tiếng nước và hình ảnh dòng sông đang chảy lại đẹp như thế. Dường như con sông có cái gì đặc biệt để kể với chàng, một cái gì mà chàng không biết, một cái gì còn chờ đợi chàng. Tất Đạt đã có lần toan trầm mình trong dòng nước đó, thì hôm nay chàng Tất Đạt già cỗi, mỏi mệt, tuyệt vọng đã chết trong ấy. Chàng cảm thấy một tình yêu sâu đậm đối với dòng sông đang chảy và quyết định sẽ không rời nó vội.

---o0o---

Người Lái Đò

Ta sẽ ở lại bên con sông này, Tất Đạt nghĩ. Cũng cùng con sông này ta đã đi qua trên con đường về kinh thành. Một người lái đò thân thiện đã đưa ta sang sông. Ta sẽ đến ông ấy. Con đường ta đi đã một lần đưa ta từ mái chòi của người đến một đời sống mới mà bây giờ đã cũ và chết. Con đường hiện tại của ta, cuộc đời mới của ta sẽ bắt đầu từ đây!

Chàng thương mến nhìn dòng nước chảy, nhìn màu xanh trong suốt, những đường pha lê vẽ nên bức tranh thần tình trong lòng nước. Chàng trông thấy những viên ngọc ngời sáng nổi lên từ đáy sâu, những bọt nước bơi lội trên tấm gương, bầu trời xanh phản chiếu trong bọt nước. Con sông nhìn chàng bằng trăm ngàn đôi mắt – màu xanh lục, trắng, màu pha lê, màu xanh da trời. Chàng yêu dòng sông này biết bao, nó thật quyến rũ và chàng đầy cảm ơn đối với nó. Chàng nghe trong tim tiếng nói của thức tỉnh nói với chàng: “Hãy yêu dòng sông này, ở bên nó và học với nó”. Phải, chàng muốn học nơi nó, chàng muốn lắng nghe nó. Chàng thấy dường như bất cứ ai hiểu

được dòng sông và những huyền bí của nó sẽ hiểu được nhiều điều hơn nữa, nhiều điều huyền bí, tất cả mọi huyền bí.

Nhưng hôm nay chàng chỉ mới thấy một điều bí mật của con sông, điều bí mật đã đập mạnh vào tâm trí chàng. Chàng thấy do`ng sông vẫn tiếp tục chảy như nó vẫn luôn luôn ở đấy, luôn luôn là dòng sông ấy trước mắt chàng, tuy nhiên mỗi lúc nó mỗi mới. Ai có thể hiểu được, quan niệm được điều này? Chàng không hiểu được, chàng chỉ trực nhận một mối hoài nghi, một ký ức lờ mờ, và những tiếng nói thiêng liêng.

Tất Đạt đứng dậy, cơn đói cồn cào đang trở thành không thể chịu được. Chàng khó nhọc đi lang thang dọc theo bờ sông lắng nghe tiếng nước vỗ, lắng nghe cái đói đang vò xé thân thể chàng.

Khi chàng đến bến, chiếc đò đã đợi sẵn và người lái đò đã một lần đưa chàng Tất Đạt trai trẻ qua sông, đang đứng trên đò. Tất Đạt nhận ra ông ta ngay. Ông ta cũng già đi rất nhiều.

- Nhờ ông đưa tôi sang sông. Chàng nói.

Người lái đò ngạc nhiên thấy người đàn ông sang trọng như thế đi bộ một mình, mời chàng lên thuyền và rời bến, Tất Đạt bảo:

- Ông đã chọn một cuộc sống thần tiên. Sống bên dòng sông này và chèo thuyền trên sông hằng ngày hẳn là thích thú lắm.

Người lái đò đẩy nhẹ mái chèo mỉm cười:

- Rất thú vị, đúng như ngài nói, nhưng không phải cuộc sống nào, công việc nào cũng thú vị cả hay sao?

- Có lẽ, nhưng tôi thèm khát công việc của ông.

- Ồ, ông sẽ mất hứng thú vì nó. Nó không phải là công việc của những người ăn mặc đẹp.

Tất Đạt cười:

- Hôm nay tôi đã bị phê bình qua phục sức và nhìn với sự nghi ngờ. Ông có thể nhận những quần áo mà tôi thấy rất phiền phức này không? Vì tôi phải nói với ông rằng tôi không có tiền để trả công ông đã đưa tôi sang sông.

Người lái đò cười lớn:

- Ông nói đùa chứ.

- Tôi không đùa, ông bạn ạ. Trước kia đã có lần ông đưa tôi sang sông này không lấy tiền, vì thế hôm nay tôi cũng xin ông làm như thế và lấy quần áo của tôi vậy.

- Và rồi ông tiếp tục đi trần truồng sao?

- Tôi không muốn đi thêm nữa. Tôi muốn xin ông cho tôi một ít đồ cũ và để tôi ở đây như người phụ tá của ông, hay hơn nữa người học nghề của ông, vì tôi phải học cách lái đò.

Người lái đò đăm đăm nhìn người khách lạ rất lâu:

- Tôi nhận ra ngài rồi. Có lần ngài đã ngủ trong chòi của tôi. Lâu lắm rồi, dường như hơn hai mươi năm về trước. Tôi đưa ngài sang sông và khi chia tay, chúng ta trở thành đôi bạn tốt. Tôi không thể nhớ tên ngài, có phải ngài đã là Sa Môn không?

- Phải, lúc ấy tôi là một Sa Môn và tên là Tất Đạt.

- Hân hạnh chào ngài Tất Đạt. Tên tôi là Vệ Sử. Tôi mong ngài sẽ là người khách của tôi hôm nay và ngủ trong lều tôi, và kể tôi nghe ngài từ đâu đến và tại sao ngài chán y phục sang trọng của ngài.

Họ đã ra đến giữa sông và Vệ Sử chèo mạnh hơn vì ngược nước. Ông chèo một cách bình thản, với hai cánh tay mạnh, vừa nhìn về phía mũi thuyền. Tất Đạt ngồi nhìn ông và nhớ ra một lần vào thuở còn là Sa Môn, chàng đã rất có thiện cảm với người này. Khi họ đến bến, Tất Đạt giúp ông cột thuyền. Vệ Sử dẫn chàng vào lều, cho chàng bánh, nước và một quả xoài. Tất Đạt ăn tất cả một cách hoan hỉ.

Một lát sau, khi mặt trời bắt đầu lặn, họ ngồi trên một thân cây cạnh dòng sông và Tất Đạt kể cho ông ta nghe về lai lịch của chàng và cuộc sống của chàng cho đến khi chàng gặp ông ta hôm nay, sau giờ phút tuyệt vọng. Câu chuyện kéo dài cho đến khuya.

Vệ Sử lắng nghe một cách chăm chú; ông nghe tất cả những gì về lai lịch và tuổi thơ của chàng, về sự học của chàng, về sự tìm kiếm của chàng, về khoái

lạc và những nhu cầu của chàng. Một trong những đức tính của người lái đò, mà rất ít người có, là ông biết lắng nghe, không nói với chàng một lời. Người kể chuyện có cảm giác Vệ Sử nghe kỹ từng tiếng, một cách im lặng, đợi chờ, không bỏ sót lời nào. Ông không thúc giục, không khen, không chê – ông chỉ lắng nghe. Tất Đạt cảm thấy thật là tuyệt diệu khi có một người nghe như thể bị thu hút vào cuộc sống của riêng chàng, những cố gắng, những nỗi buồn riêng tư của chàng.

Tuy nhiên, khoảng cuối câu chuyện, khi Tất Đạt kể về cây cổ thụ bên sông và sự tuyệt vọng của chàng, về tiếng "Om" linh diệu, và sau giấc ngủ, chàng yêu mến dòng sông ra sao, người lái đò nghe chăm chú gấp đôi và hoàn toàn bị thu hút, đôi mắt nhắm nghiền lại.

Khi Tất Đạt kể hết và sau một lúc lâu im lặng, Vệ Sử nói:

- Theo tôi nghĩ, chính dòng sông đã nói với ngài. Nó cũng thân thiện với ngài nữa, nó đang nói với ngài. Lành thay điều đó. Ở lại đây cùng tôi, hỡi ông bạn. Ngày xưa tôi có vợ, giường nàng sát kề giường tôi, nhưng giờ nàng đã chết. Tôi sống một mình từ lâu rồi. Hãy đến ở với tôi, có chỗ ở và thức ăn cho cả hai chúng ta.

- Tôi cảm ơn anh, Tất Đạt nói. Tôi cảm ơn và nhận lời anh. Tôi cũng cảm ơn anh, Vệ Sử, vì anh đã lắng nghe chuyện tôi như thế. Rất ít người biết lắng nghe và tôi chưa gặp ai có thể nghe như anh đã nghe. Tôi cũng sẽ học nơi anh về điều này.

- Anh sẽ học, nhưng không phải nơi tôi. Chính dòng sông đã dạy tôi cách nghe, anh cũng sẽ học nơi đó. Dòng sông biết mọi chuyện, người ta có thể học mọi chuyện từ nơi dòng sông. Anh đã học với con sông rằng nên cố gắng lặn xuống tìm kiếm những chiều sâu thẳm nhất. Ông Tất Đạt sang trọng giàu có, ông Tất Đạt người Bà La Môn trí thức sẽ trở thành ông lái đò. Anh đã học điều này từ dòng sông. Anh cũng sẽ học nhiều điều khác nữa …

Sau một hồi lâu im lặng, Tất Đạt bảo:

- Điều nào khác nữa đâu, ông bạn?

Vệ Sử đứng lên và nói:

- Khuya rồi, ta đi nghỉ thôi. Tôi không thể nói cho anh nghe điều khác ấy như thế nào, bạn ạ. Anh sẽ tìm ra, và cũng có thể anh đã biết rồi. Tôi không

phải là người có học; tôi không biết nói chuyện và suy tư. Tôi chỉ biết nghe và trung thành, ngoài ra tôi không biết gì cả. Nếu tôi có thể nói chuyện và dạy dỗ, có lẽ tôi đã trở thành một thầy giáo; nhưng thực tế tôi chỉ là một người lái đò và việc của tôi là đưa người sang sông. Tôi đã đưa hàng ngàn người sang và với mọi người, con sông của tôi không là gì cả, nó chỉ là một chướng ngại trên đường đi của họ. Họ đã đi cuộc hành trình vì tiền, và vì công việc kinh doanh, đám cưới hay đi hành hương; dòng sông đã cản đường họ và người lái đò chỉ ở đó đưa họ vượt nhanh qua trở ngại. Tuy nhiên, giữa hàng ngàn người có một số rất ít, bốn hay năm người không cho con sông là chướng ngại vật. Họ đã nghe tiếng nói của dòng sông và chú ý, và dòng sông trở nên linh thiêng đối với họ cũng như đối với tôi. Bây giờ ta hãy đi nghỉ, Tất Đạt ạ.

Tất Đạt ở lại với người lái đò và học cách trông coi chiếc thuyền, và khi không có việc dưới thuyền, chàng giúp Vệ Sử trong đồng lúa, nhặt củi, và hái chuối. Chàng học cách chế những chiếc chèo, sửa thuyền và đan giỏ. Chàng vui thích với mọi công việc và học hỏi. Ngày tháng qua nhanh. Chàng học ở con sông nhiều hơn những gì Vệ Sử có thể dạy chàng. Chàng không ngừng học hỏi ở nó. Trước hết chàng học cách lắng nghe, nghe với một tâm hồn vắng lặng, với một sự đợi chờ, mở hồn ra, không dục vọng, không say mê, không phê phán, không quan niệm.

Chàng sống hạnh phúc với Vệ Sử và thỉnh thoảng họ trao đổi những lời đầy suy tư. Vệ Sử không thích nhiều lời. Tất Đạt ít khi có thể làm cho ông ta nói chuyện.

Một hôm, Tất Đạt hỏi ông:

- Có phải ông cũng học điều nhiệm màu này từ dòng sông không, rằng không có cái gì gọi là thời gian?

Một nụ cười sáng lên trên khuôn mặt Vệ Sử:

- Phải đấy, Tất Đạt! Có phải là bạn muốn nói điều này không: con sông nó ở khắp nơi cùng một lúc, ở nguồn cũng như ở cửa sông, ở thác, ở dòng sông, ở đại dương và ở núi, khắp nơi, và với nó chỉ có hiện tại, không có bóng dáng quá khứ cũng như vị lai.

- Chính thế, Tất Đạt nói, và khi tôi học được điều đó, tôi ôn lại cuộc đời mình và thấy nó cũng là một dòng sông. Tất Đạt người con trai, Tất Đạt người trưởng thành và Tất Đạt ông già, chỉ tách rời nhau bằng những cái

bóng, không phải thực tại. Những tiền kiếp của Tất Đạt không ở trong quá khứ, cái chết và sự trở về Đại ngã của Tất Đạt cũng không phải ở trong vị lai. Không có cái gì đã là, không có cái gì sẽ là, mọi sự đều thực tại và hiện tiền.

Tất Đạt nói đầy vẻ thích thú. Sự khám phá này làm chàng hân hoan. Không phải mọi buồn rầu đều ở trong thời gian đó sao? Và mọi nỗi dày vò sợ hãi? Và thế thì phải chăng mọi khó khăn, mọi điều xấu của thế gian sẽ được khắc phục ngay khi ta khắc phục được thời gian, khi ta bất chấp nó? Chàng đã thích thú nói; nhưng Vệ Sử chỉ cười tươi tắn và gật đầu đồng ý. Ông vỗ vai chàng và trở lại công việc.

Một bận khác khi con sông dâng lên mùa mưa, và gầm lên ầm ĩ, Tất Đạt nói:

- Ông bạn ơi, có phải con sông có rất nhiều tiếng nói ấy không? Có giọng của một vì vua, một ông tướng, một bọt nước, một cánh chim đêm, một người đàn bà đau đớn và một người đàn ông thở dài, và muôn ngàn giọng khác?

- Thật thế, Vệ Sử gật, trong tiếng của dòng sông, có tiếng của mọi loài đang sống.

- Và ông bạn có biết, Tất Đạt nói tiếp, con sông nói lên tiếng gì khi người ta có thể nghe được cả muôn ngàn tiếng nói của nó cùng một lúc?

Vệ Sử cười lớn vui vẻ; ông cúi mình về phía Tất Đạt và thì thầm vào tai chàng tiếng "Om" thiêng liêng. Và chính đấy là tiếng mà Tất Đạt đã nghe.

Dần dà, nụ cười chàng bắt đầu giống nụ cười ông lái đò, cũng trong sáng, đầy hạnh phúc, cũng ngời lên qua nhiều nếp nhăn, cũng hồn nhiên và bình thản. Nhiều lữ khách thấy họ tưởng là hai anh em. Họ thường ngồi với nhau trên thân cây bên bờ sông. Họ cùng lắng nghe tiếng nước, mà đối với họ là tiếng của cuộc đời, tiếng của thực tại, của sự sinh thành vĩnh viễn. Và đôi khi, lúc lắng nghe dòng sông, họ cùng có những tư tưởng giống nhau về một cuộc đối thoại hôm trước, hay về một trong những lữ khách mà số phận và hoàn cảnh đã làm họ suy nghĩ, hay về sự chết hay về thời trẻ thơ. Khi dòng sông cùng lúc nói với họ một điều hay, họ nhìn nhau, cùng chung một ý tưởng, cùng sung sướng vì cùng có giải đáp giống nhau về một vấn đề.

Nhiều người qua sông cảm thấy có cái gì toả ra từ dòng sông và từ hai người lái đò ấy. Một đôi khi một hành khách nhìn một trong hai người và bắt đầu

kể về cuộc đời mình, những âu lo, tội lỗi và hỏi ý kiến hoặc tìm lời an ủi. Có người xin phép được ở lại một buổi chiều với họ, để lắng nghe dòng sông. Cũng có người tò mò tìm đến, vì nghe đồn có hai triết nhân, phù thuỷ hay người thánh thiện sống ở bến đò ngang. Họ hỏi hai người nhiều câu nhưng không được trả lời, và họ không tìm thấy phù thuỷ hay thánh hiền nào cả. Họ chỉ thấy hai ông già thân thiện, có vẻ câm, hay đúng hơn kỳ dị và ngớ ngẩn. Rồi họ cười lớn, bảo rằng người ta thật là nhẹ dạ, và điên rồ làm sao khi đồn đại những tin huyễn hoặc như kia.

Năm tháng trôi qua và không ai đếm xỉa đến đôi bạn. Nhưng bỗng một ngày, vài vị tu sĩ, những đồ đệ của đức Cồ Đàm, đến nhờ họ chèo qua sông. Hai người lái đò được biết những vị sư muốn về gặp sư phụ của họ gấp, vì có tin đấng Giác Ngộ ốm nặng và sắp nhập Niết Bàn. Chẳng bao lâu một toán tu sĩ khác đến, rồi một toán khác, và những tu sĩ cũng như phần đông hành khách, đều chỉ nói đến đức Phật và sự Ngài sắp mất. Và cũng như khi đi xem một cuộc viễn chinh hay một cuộc tấn phong hoàng đế, người ta từ tứ phía tụ lại như những đàn ong, như bị thu hút bởi nam châm, kéo đến chỗ đức Phật đang nằm trên tử sàng, nơi mà biến cố lớn đang tiếp diễn và vị cứu tinh của một thời đang đi vào cõi Vô cùng.

Tất Đạt nghĩ rất nhiều về vị thánh sắp chết, người mà tiếng nói đã kích động hàng nghìn người, tiếng nói chàng cũng đã một lần nghe, người mà gương mặt thánh thiện chàng đã một lần chiêm ngưỡng với đầy uy phục. Chàng yêu mến nghĩ về Ngài, nhớ đến con đường giải thoát của Ngài, và mỉm cười nhớ lại những lời chàng đã có lần thốt ra với đấng Giác Ngộ khi chàng còn là một thanh niên. Hình như những lời nói ấy rất ngạo mạn và hơi sờm sủa đối với Ngài lúc ấy. Trong một thời gian khá lâu, chàng biết rằng chàng không xa đức Cồ Đàm, mặc dù chàng không thể chấp nhận giáo lý của Ngài: không, một kẻ thực sự đi tìm kiếm, không thể chấp nhận bất cứ lý thuyết nào, nếu kẻ ấy thành tâm muốn tìm ra một cái gì. Nhưng người tìm ra có thể đồng ý với mọi con đường, mọi mục đích, không gì phân rẽ người ấy với hàng nghìn người khác sống trong vô tận thời gian cùng thở luồng Thần khí.

Một ngày kia, khi rất nhiều người đến viếng đức Phật sắp chết, Kiều Lan, người kỹ nữ một thời nhan sắc cũng đang trên đường đi viếng. Nàng từ lâu đã giã từ nếp sống cũ, cúng dường các tỳ kheo của Phật mảnh vườn của nàng và an trú trong giáo lý đức Phật. Nàng đã trở thành một trong những tín nữ chuyên hành thiện bố thí. Khi nghe Phật sắp mất, nàng đã ăn vận đơn sơ, ra đi với con nàng. Họ đến bờ sông, nhưng đứa con trai đã mệt mỏi, nó muốn trở về, ăn và nghỉ. Nó không ngừng khóc, mặt mày tiều tụy. Kiều Lan

phải thường dừng lại nghỉ với nó. Nó vẫn thường cản trở thiện chí của nàng. Nàng phải cho nó ăn, an ủi nó, rầy la nó. Nó không hiểu được vì sao mẹ phải đi cuộc hành hương mệt nhọc khốn khổ để đến một nơi xa lạ, thăm một người thánh thiện lạ lùng sắp chết. Thì cứ để cho ông ấy chết đi, có can hệ gì đến nó đâu?

Những người hành hương cách con đò của Tất Đạt không xa, khi cậu bé ngỏ ý với mẹ muốn nghỉ chân. Kiều Lan, chính nàng cũng mệt và trong khi cậu con trai ăn một trái chuối, nàng ngồi phịch xuống đất để nghỉ, mắt lim dim. Bỗng nàng thốt ra một tiếng đau đớn. Cậu con trai giật mình nhìn mẹ và thấy mặt nàng trắng bệch vì kinh hãi. Từ dưới quần áo nàng, một con rắn nhỏ đã cắn Kiều Lan và đang bò đi.

Cả hai mẹ con chạy nhanh để gặp người. Khi họ đến gần bến đò ngang, Kiều Lan quị xuống, không thể đi xa hơn nữa. Cậu con la cầu cứu và hôn mẹ. Nàng cũng la lên cùng với con, cho đến khi những tiếng kêu của họ đến tai Vệ Sử đang đứng cạnh con đò. Ông hối hả chạy lại, ẵm người đàn bà mang về thuyền. Cậu con chạy theo và chẳng mấy chốc họ đã đến túp lều trong đó Tất Đạt đang đứng nhóm lửa. Chàng nhìn lên và lần đầu tiên thấy mặt đứa bé, gương mặt mãnh liệt nhắc chàng nhớ đến một điều gì. Quay lại, chàng thấy Kiều Lan và nhận ra ngay, mặc dù nàng nằm bất tỉnh trên tay người lái đò. Rồi chàng biết đấy chính là con chàng mà nét mặt đã gợi cho chàng nhớ đến một điều gì ấy. Tim chàng đập mạnh.

Vết thương của Kiều Lan được rửa sạch nhưng nó tím bầm và toàn thân nàng sưng lên. Nàng uống một liều thuốc hồi dương và tỉnh lại. Nàng nằm giường của Tất Đạt, và chàng, người nàng đã từng yêu dấu, đang cúi nhìn nàng. Nàng ngỡ mình nằm mơ, và mỉm cười nhìn vào mặt người yêu. Dần dà nàng nhớ lại tình trạng mình, và lo lắng gọi con.

- Đừng lo, Tất Đạt bảo – nó ở đây.

Kiều Lan nhìn vào mắt chàng. Nàng khó nhọc nói năng vì nọc độc trong thân thể.

- Anh đã già rồi, Tất Đạt yêu quí. Tóc anh đã hoa râm, nhưng anh giống người Sa Môn trẻ đã đến vườn tôi trước kia, áo quần rách rưới và chân đầy bụi. Anh giống vị Sa Môn đó hơn khi bỏ Vạn Mỹ và tôi. Mắt anh giống người Sa Môn ấy, Tất Đạt. Ôi, tôi cũng đã già, già rồi – anh có nhận ra tôi không?

Tất Đạt mỉm cười:

- Tôi nhận ra nàng ngay, Kiều Lan yêu quí.

Kiều Lan chỉ con nàng và bảo:

- Anh có nhận ra nó nữa không? Nó là con anh.

Mắt nàng lạc loài rồi khép lại. Cậu con trai bắt đầu khóc. Tất Đạt đặt nó lên đầu gối, để cho nó khóc và vuốt tóc nó. Nhìn mặt đứa trẻ, chàng nhớ lại một bài kinh Bà La Môn mà chàng đã từng học khi còn là một đứa trẻ. Chàng bắt đầu chậm rãi tụng bài kinh ấy giọng ngân nga, những lời kinh trở lại với chàng từ dĩ vãng và thời trẻ thơ. Đứa trẻ lặng im khi nghe chàng tụng, nấc lên một vài tiếng nữa rồi ngủ thiếp. Tất Đạt đặt nó lên giường Vệ Sử. Vệ Sử đứng nấu cơm bên bếp. Tất Đạt nhìn ông ta, ông ta mỉm cười với chàng.

- Nàng sắp chết, Tất Đạt nói nhỏ.

Vệ Sử gật. Ánh lửa trong lò phản chiếu trên gương mặt từ hoà của ông ta.

Kiều Lan lại tỉnh. Nét mặt nàng lộ vẻ đau đớn, Tất Đạt đọc thấy nỗi đau đớn ấy trên miệng nàng, trong gương mặt xanh xao của nàng. Chàng đọc nó lặng lẽ, chăm chú, chờ đợi chia xẻ nỗi đau đớn của nàng. Kiều Lan cũng biết thế, đưa mắt nhìn mắt chàng. Nàng nói:

- Bây giờ tôi thấy mắt anh cũng thay đổi. Chúng khác hẳn. Làm sao tôi còn nhận ra được anh là Tất Đạt? Anh là Tất Đạt: nhưng anh lại không giống Tất Đạt.

Tất Đạt không nói, lặng yên nhìn vào mắt nàng.

- Anh đã đạt đến đấy rồi sao? Nàng hỏi – Anh đã tìm thấy bình an?

Chàng mỉm cười và đặt bàn tay trên tay nàng.

- Phải, nàng nói, -- tôi thấy. Tôi cũng sẽ tìm thấy bình an.

- Em đã tìm thấy nó, - Tất Đạt thì thầm.

Kiều Lan chăm chăm nhìn chàng. Nàng đã có ý định đến viếng đức Cồ Đàm để thấy mặt đấng Giác Ngộ, để có được ít nhiều niềm bình an của Ngài, và thay vì thế nàng chỉ gặp chàng, và thật là hay, cũng tốt như thể nàng đã nhìn

thấy đức Phật. Nàng muốn bảo chàng thế, nhưng lưỡi nàng không theo ý muốn của nàng nữa. Lặng lẽ nàng nhìn chàng và chàng thấy sự sống đang mất dần nơi mắt nàng. Khi cơn đau cuối cùng dâng lên qua đôi mắt ấy, khi cái rùng mình cuối cùng thoáng qua thân thể nàng, chàng đưa ngón tay nhẹ khép làn mi nàng.

Chàng ngồi nhìn rất lâu gương mặt nàng đã chết. Rất lâu chàng nhìn miệng nàng, chiếc miệng mệt mỏi, già nua và đôi môi khô héo, và nhớ lại ngày xưa thời xuân sắc của đời nàng, chàng đã sánh đôi môi nàng với một trái anh đào mới cắt. Rất lâu chàng nhìn chú mục gương mặt xanh xao của nàng, những đường nhăn mệt mỏi và thấy mặt chàng cũng như thế, cũng trắng, cũng chết, và cùng lúc ấy chàng thấy mặt chàng và nàng, trẻ trung, môi hồng, đôi mắt tinh anh, và chàng tràn ngập một cảm giác của hiện tại và sự sống hiện tiền. Trong giờ phút này chàng cảm thấy sâu xa hơn sự bất khả huỷ diệt của mọi cuộc sống, cái thiên thu của mỗi giây phút.

Khi chàng đứng lên, Vệ Sử đã sửa soạn cho chàng một ít cơm, nhưng Tất Đạt không ăn. Trong chuồng dê, hai người sửa lại một ít rơm và Vệ Sử nằm xuống. Nhưng Tất Đạt đi ra ngoài và ngồi trước chòi suốt đêm, lắng nghe dòng sông, lắng vào quá khứ, để lòng chìm đắm trong mọi giai đoạn vui buồn của đời chàng. Thỉnh thoảng chàng đứng dậy, đi đến cửa túp lều và lắng nghe xem đứa trẻ có ngủ không.

Sáng sớm hôm sau, trước khi mặt trời ló dạng, Vệ Sử ra khỏi chuồng và tiến đến bạn.

- Anh không ngủ, -- ông nói.

- Không, Vệ Sử, tôi ngồi đây lắng nghe dòng sông. Nó đã nói với tôi rất nhiều, nó đã cho tôi đầy những tư tưởng lớn lao, những tư tưởng về sự Nhất thể.

- Anh đã khổ đau, Tất Đạt, nhưng tôi thấy rằng nỗi buồn không len được vào tim anh.

- Không, bạn yêu quí. Tại sao tôi lại phải buồn? Tôi đã giàu có, hạnh phúc, và đã trở nên giàu hơn, sung sướng hơn, tôi đã được một món quà là đứa con tôi.

- Tôi cũng sung sướng đón tiếp con anh. Nhưng này, Tất Đạt, chúng ta hãy đi làm, có rất nhiều việc. Kiều Lan chết trên cùng chiếc giường mà vợ tôi đã

chết. Chúng ta cũng sẽ dựng giàn hoả thiêu của Kiều Lan trên cùng một ngọn đồi mà tôi đã hoả táng vợ tôi.

Khi đứa con trai còn ngủ, họ dựng dàn hoả.

---o0o---

Đứa Con

Sợ hãi, mếu máo, đứa con đã dự lễ an táng của mẹ; sợ hãi, buồn rầu, nó đã lắng nghe Tất Đạt chào nó là con chàng và đón mời nó trong túp lều của Vệ Sử. Suốt trong nhiều ngày, nó ngồi với một gương mặt xanh xao trên ngọn đồi nghĩa địa, nhìn ra xa, khép lòng lại, chiến đấu với định mệnh.

Tất Đạt biệt đãi nó và để nó yên, vì chàng tôn trọng nỗi buồn khổ của nó. Tất Đạt hiểu rằng con chàng không biết chàng. Nó không thể yêu chàng như một người cha. Dần dà chàng cũng thấy và nhận ra rằng đứa trẻ con mười một tuổi kia là một đứa con cưng và đã lớn lên trong tập tục của những nhà giàu, rằng nó quen với cao lương mỹ vị, giường êm nệm ấm, quen sai bảo tôi tớ. Tất Đạt hiểu rằng đứa con cưng đang buồn sầu ấy không thể bỗng chốc hài lòng với một nơi xa lạ nghèo khó. Chàng không ép nó; chàng giúp nó rất nhiều và luôn luôn dành cho nó những món ăn ngon nhất. Chàng mong thu phục được nó từ từ bằng tính kiên nhẫn, thân mật của chàng.

Chàng đã tưởng mình giàu có, hạnh phúc khi đứa con đến với chàng, nhưng thời gian qua, và nó vẫn buồn rầu, xa lạ và khi nó tỏ ra ngạo nghễ, khiêu khích chàng, khi nó không chịu làm việc, khi nó không tỏ ra kính người già cả và lại trộm trái cây của Vệ Sử, Tất Đạt bắt đầu nhận thấy rằng đứa con của chàng không đem lại hạnh phúc an vui gì, mà chỉ đem cho chàng lo buồn. Nhưng chàng yêu nó và chọn lựa lo buồn với tình yêu nó, hơn là hạnh phúc an vui mà không có nó.

Từ khi con Tất Đạt ở lại trong lều, đôi bạn bắt đầu phân công. Vệ Sử làm tất cả những công việc trên đò ngang và Tất Đạt, để được gần con, làm việc trong chòi và ngoài đồng.

Trong nhiều tháng Tất Đạt kiên tâm chờ đợi, hi vọng con chàng sẽ hiểu chàng, sẽ nhận tình yêu của chàng và đáp lại tình yêu ấy. Trong nhiều tháng Vệ Sử quan sát điều đó, chờ đợi và im lặng. Một ngày kia khi cậu bé Tất Đạt làm khổ cha nó với sự khiêu khích và tính khí khó chịu của nó đã đánh vỡ cả hai chén ăn cơm, Vệ Sử gọi riêng bạn vào buổi chiều để nói chuyện.

- Xin lỗi anh, ông nói – tôi nói với anh với tư cách một người bạn thân. Tôi có thể thấy rằng anh đang lo lắng bất hạnh. Con của anh, bạn ơi, đang quấy rầy anh và quấy rầy cả tôi nữa. Con chim non kia quen với một đời sống khác, một chiếc tổ khác. Nó không chạy trốn của cải và phố thị với một cảm giác buồn ngấy như anh đã trốn; nó đã phải từ giã những thứ đó một cách miễn cưỡng. Tôi đã hỏi dòng sông, bạn ơi, tôi hỏi dòng sông nhiều lần, nhưng dòng sông cười, nó cười tôi và cười anh, nó cười lên rũ rượi trước sự điên rồ của chúng ta. Nước sẽ tìm đến nước, tuổi trẻ sẽ tìm đến tuổi trẻ. Con anh sẽ không sung sướng ở nơi này. Anh hãy hỏi dòng sông và lắng nghe nó nói đi.

Lo lắng, Tất Đạt nhìn vào khuôn mặt tử tế trên đấy in nhiều nếp nhăn khả ái của Vệ Sử.

- Làm sao tôi xa nó được? Chàng khẽ nói. Bạn ơi, cho tôi ít lâu đã. Tôi đang chiến đấu để được nó. Tôi có đạt đến lòng nó. Tôi sẽ thắng bằng tình yêu và kiên nhẫn. Dòng sông sẽ nói với thằng bé một ngày kia. Nó cũng sẽ được kêu gọi.

Nụ cười Vệ Sử trở nên thân mật hơn:

- Ồ, dĩ nhiên, ông nói – nó cũng được kêu gọi, nó cũng thuộc vào dòng sông bất tuyệt. Nhưng anh và tôi có biết nó sẽ được kêu gọi theo cái gì không? Theo con đường nào, công việc gì, nỗi buồn gì không? Nỗi buồn của nó sẽ bao la. Lòng nó kiêu căng và sắt đá. Có lẽ nó sẽ đau khổ nhiều, lầm lỗi nhiều, tội lỗi nhiều và làm nhiều bất công. Bạn ơi, nói cho tôi nghe, có phải bạn đang giáo dục con bạn đấy hay không? Nó có vâng lời bạn hay không? Bạn có đánh, phạt nó không?

- Không, Vệ Sử, tôi không làm gì trong những chuyện ấy cả.

- Tôi biết. Bạn không cứng rắn với nó, bạn không phạt, không ra lệnh cho nó - bởi vì bạn biết rằng sự mềm dẻo mạnh hơn là nghiêm khắc, nước mạnh hơn đá, tình yêu mạnh hơn bạo lực. Tốt lắm, tôi khen bạn. Nhưng không phải là một lỗi của bạn hay sao, vì đã không cứng rắn với nó, không phạt nó? Bạn lại không trói buộc thằng bé với tình thương của bạn đó sao? Bạn lại không làm cho thằng bé hổ thẹn trước lòng tử tế và kiên nhẫn của bạn, và làm cho nó càng thêm khó xử đó sao? Bạn lại không bắt buộc đứa con nuông ngạo nghễ ấy sống trong một chòi tranh với hai ông già ăn chuối chát, xem gạo cũng đã là cao lương, những người mà tư tưởng không đồng với nó, mà

trái tim đã vắng lạnh già cỗi, đập khác nhịp với nó? Thử hỏi có phải thằng bé đã bị trói buộc và hành phạt bởi mọi thứ ấy không?

Tất Đạt bối rối nhìn xuống đất, chàng hỏi nhỏ nhẹ:

- Anh nghĩ tôi phải làm gì bây giờ?

Vệ Sử đáp:

- Trả nó trở về thành phố, về nhà của mẹ nó. Ở đó còn có gia nhân, giao nó cho họ, và nếu họ không còn ở đấy, giao thằng bé cho một ông thầy, không phải chỉ để giáo dục nó, mà để nó có thể gặp gỡ các đứa trẻ khác trong thế giới của nó. Có bao giờ anh nghĩ đến việc ấy chưa?

Tất Đạt trả lời buồn bã:

- Anh có thể thấy rõ lòng tôi, tôi thường nghĩ đến điều đó. Nhưng với trái tim sắt đá của nó, nó sẽ sống ra sao trong cuộc đời? Nó lại chẳng xem nó cao hơn, chẳng đắm đuối trong lạc thú và thế lực, mắc lại những lỗi lầm của cha nó đã mắc hay sao? Và cứ thế chìm đắm trong đau khổ?

Người lái đó mỉm cười. Ông nhẹ nắm tay Tất Đạt và nói:

- Hãy hỏi dòng sông về điều đó đi bạn ạ, lắng nghe dòng sông lên tiếng. Bạn có thật nghĩ rằng bạn đã phạm những điên rồ để tránh cho con bạn hay không? Bạn có thể bảo vệ cho con bạn khỏi khổ đau không? Và bằng cách nào? Bằng giáo dục, bằng cầu nguyện, bằng khuyến khích? Bạn ơi, bạn đã quên câu chuyện bổ ích về chàng Tất Đạt, đứa con trai của người Bà La Môn, và một lần bạn đã kể cho tôi nghe rồi sao? Ai đã bảo vệ Tất Đạt người Sa Môn, khỏi đau khổ, khỏi tội lỗi, khỏi sự trác táng và điên rồ? Lòng ngoan đạo của cha chàng, sự cổ võ của thầy chàng ư? Có người cha nào, thầy nào ngăn nó khỏi hư hỏng vì đời, ngăn nó sống cuộc đời của nó, ngăn nó khỏi tội lỗi, ngăn nó khỏi tự uống chén độc dược, ngăn nó tìm lấy con đường riêng. Bạn nghĩ có người sẽ tránh khỏi giẫm qua con đường ấy sao? Và người ấy có lẽ là đứa con của bạn, vì bạn muốn thấy nó tránh được buồn đau và ảo tưởng? Nhưng dầu bạn có chết mười lần vì nó, bạn cũng không thể thay đổi định mệnh nó mảy may.

Chưa bao giờ Vệ Sử nói nhiều như vậy. Chàng cám ơn Vệ Sử một cách thân mật, và xao xuyến đi về chòi, nhưng không thể nào ngủ được. Không có gì Vệ Sử nói mà chàng đã không nghĩ đến và tự biết. Nhưng mạnh hơn sự hiểu

biết đó là tình yêu của chàng đối với đứa con, lòng tận tuỵ của chàng, nỗi lo sợ phải mất nó. Đã bao giờ chàng yêu ai một cách mù quáng như thế, khổ sở như thế, tuyệt vọng như thế và hạnh phúc như thế chưa?

Tất Đạt không thể làm theo ý kiến của bạn, chàng không thể chịu bỏ đứa con. Chàng cho phép nó điều khiển mình, thiếu lễ độ với mình. Chàng im lặng và chờ đợi. Hằng ngày, chàng nỗ lực trong tình bạn và lòng kiên nhẫn đối với đứa bé. Vệ Sử cũng im lặng và chờ đợi, một cách bằng hữu, thông cảm, nhẫn nại. Họ đều là những người vô địch về sự kiên tâm. Một hôm khi khuôn mặt đứa con nhắc nhở chàng nhớ đến Kiều Lan, Tất Đạt bỗng nhớ lại điều mà một lần nàng đã bảo chàng: "Chàng không thể yêu đương" nàng bảo thế và chàng đồng ý. Chàng đã tự ví mình như một vì sao, và tha nhân như những chiếc lá rụng, tuy nhiên chàng cảm thấy trong lời nàng nói có ít nhiều trách móc. Quả thật chàng chưa bao giờ hoàn toàn say đắm kẻ khác đến độ quên mình, chưa bao giờ chàng yêu ai đến điên dại. Chưa bao giờ chàng đủ khả năng làm việc đó, và đối với chàng dường như đấy là cái khác biệt lớn lao nhất giữa chàng và những người thường tình. Nhưng bây giờ từ khi có đứa con trai, Tất Đạt đã trở nên giống hệt mọi người, quá buồn khổ vì quá yêu thương. Chàng cuồng dại trong tình yêu. Bây giờ, một cách muộn màng, chàng thực nghiệm lần đầu tiên trong đời cái đam mê mạnh nhất và lạ lùng nhất. Chàng đau khổ mãnh liệt vì đam mê ấy, nhưng đồng thời nó cũng làm tâm hồn chàng mới mẻ dồi dào hơn. Chàng cảm thấy tình yêu mù quáng đó quả thật là một đam mê rất người, đó là Sinh Tử, một suối nước sâu đầy sóng gió. Cùng lúc chàng cảm thấy nó không phải là vô giá trị, trái lại, nó cũng cần thiết, và nó ở ngay trong bản chất chàng. Sự xúc cảm đó, sự đau đớn đó, những sự điên rồ đó cũng phải được chàng chứng nghiệm.

Trong lúc đó đứa con trai để mặc cho chàng điên dại, mặc cho chàng cố gắng, mặc cho chàng nhẫn nhục trước tính khí oái oăm của nó. Đối với nó, người cha này không có gì quyến rũ, và cũng không có gì làm cho nó sợ. Người cha này là một người tốt, một người quân tử, có lẽ là một người ngoan đạo, một người thánh thiện – nhưng tất cả đó không phải là những đức tính có thể chinh phục đứa bé. Cái người cha này – người luôn luôn giam nó trong túp lều tồi tàn – gai con mắt nó, và khi ông ấy trả lời sự thô lỗ của nó bằng một nụ cười, đáp lại sự nhục mạ của nó bằng sự thân thiện, sự xấu nết của nó bằng lòng tử tế . . . thì đấy là cái mưu mẹo khả ố nhất của con cáo già. Nó muốn thà ông ấy cứ doạ nạt nó đi, xử tệ với nó đi.

Một hôm cậu bé nói ra những điều nó nghĩ và công khai chống lại cha nó. Tất Đạt bảo nó đi nhặt một ít củi. Nhưng thằng bé không rời khỏi túp lều.

Nó đứng dậy, đầy thách thức và giận dữ, giậm chân bặm tay và mạnh mẽ tạt vào mặt cha nó tất cả lòng căm hờn khinh thị ôm ấp bấy lâu. Nó hét lên, mồm sủi bọt mép:

- Ông tự kiếm lấy! Tôi không phải là đầy tớ ông. Tôi biết ông không đánh tôi: ông không dám! Nhưng tôi biết ông sẽ tiếp tục phạt tôi và làm cho tôi cảm thấy bé bỏng trước sự thánh thiện và độ lượng của ông. Ông muốn cho tôi trở thành như ông, ngoan đạo, tử tế, khôn ngoan như ông. Nhưng chỉ để mà khinh bỉ ông, tôi thà trở thành một kẻ trộm, một kẻ giết người và xuống địa ngục còn hơn là giống ông. Tôi muốn giết ông. Ông không phải là cha tôi, mặc dù ông có là người yêu của mẹ tôi đến mấy chục lần đi nữa!

Đầy tức giận và đau khổ, cậu bé tìm lối thoát trong một tràng chửi rủa man dại hắt vào mặt cha cậu. Rồi nó bỏ chạy và đến sẩm tối mới trở về.

Sáng hôm sau cậu biến mất. Một cái rổ đựng tiền hành khách trả cũng biến mất. Tất Đạt thấy chiếc thuyền không ở bên kia bờ. Cậu bé đã cao bay xa chạy.

Vô cùng buồn thảm từ khi nghe những lời đay nghiến hôm qua của đứa con, Tất Đạt nói:

- Tôi phải đi theo nó. Một đứa trẻ con không thể đi qua rừng một mình; nó sẽ gặp nguy hiểm. Chúng ta phải làm một chiếc bè, Vệ Sử ạ, để sang sông.

Vệ Sử nói:

- Chúng ta sẽ làm một chiếc bè để đi lấy lại thuyền mà cậu bé vừa lấy. Nhưng hãy để cho nó đi, bạn ạ. Nó không còn là một đứa nhỏ nữa đâu, nó biết cách tự giữ mình. Nó đang tìm đường về thành phố, và nó có lý. Đừng quên điều đó. Nó đang làm điều mà bạn sơ ý không làm. Nó đang tự giữ mình, đang đi con đường riêng của nó. Ồ Tất Đạt, tôi có thể thấy bạn đang đau khổ, nỗi đau khổ mà người khác sẽ cười, và chính bạn cũng sẽ cười.

Tất Đạt không trả lời. Chàng đã sẵn sàng cái mác trong tay và bắt đầu làm một chiếc bè tre, và Vệ Sử giúp chàng buộc những cây lại với nhau bằng dây cỏ. Đoạn họ chống qua bên kia bờ. Tất Đạt hỏi:

- Sao anh lại mang theo cái mác làm gì?

Vệ Sử đáp:

- Có thể cái chèo của chiếc thuyền đã mất.

Nhưng Tất Đạt biết bạn đang nghĩ gì – có lẽ đứa bé đã liệng cái chèo đi, hay bẻ gãy, để trả thù và đề phòng hai người đuổi theo nó. Và quả thật, không còn cái chèo trong thuyền nữa. Vệ Sử chỉ xuống đáy thuyền và mỉm cười với bạn như để nói: Anh không thấy đứa con của anh muốn gì sao? Anh không thấy rằng nó không muốn bị đuổi theo sao? Nhưng ông ta không nói thành lời, và bắt đầu làm một cái chèo mới. Tất Đạt rời bạn để đi tìm con. Vệ Sử không ngăn cản.

Tất Đạt ở trong rừng rất lâu mới thấy rằng cuộc tìm kiếm thật vô ích. Chàng nghĩ, hoặc là nó đã bỏ xa khu rừng và đã đến thành phố, hoặc nếu nó còn trên đường nó sẽ lẩn trốn người theo dõi. Và khi chàng suy nghĩ xa hơn chàng thấy không còn bận tâm về đứa con trai nữa, và thâm tâm chàng biết nó không gặp điều gì nguy hại. Mặc dù vậy, chàng vẫn tiếp tục đi, không nao núng, không phải để cứu thằng bé mà vì mong mỏi thấy lại nó. Chàng đi về phía đô thị.

Khi chàng đến con đường rộng gần đô thành, chàng đứng yên lặng trên lối vào khu vườn xinh đẹp của Kiều Lan ngày xưa, nơi chàng đã trông thấy nàng lần đầu tiên ngồi trên chiếc kiệu. Quá khứ dâng lên trước mắt chàng. Chàng thấy lại chính chàng đứng đấy, một người Sa Môn trẻ, râu ria, áo quần tơi tả, tóc đầy bụi. Tất Đạt đứng rất lâu nhìn qua cổng mở vào khu vườn. Chàng trông thấy những nhà sư đi dạo dưới những vòm cây đẹp. Chàng đứng đấy rất lâu suy nghĩ, trông thấy những bức tranh vẽ lại chuyện đời chàng. Chàng đứng đấy rất lâu nhìn những nhà sư, và chỉ thấy con chàng và Kiều Lan đi dạo dưới những hàng cây cao. Chàng thấy rõ ràng Kiều Lan đi cùng chàng và chàng nhận cái hôn đầu tiên của nàng. Chàng thấy chàng đã ngạo mạn và khinh bỉ ra sao khi ngoái nhìn những ngày Sa Môn của chàng, hăm hở và kiêu hãnh ra sao khi bắt đầu cuộc sống thế tục. Chàng thấy Vạn Mỹ, những gia nhân, những buổi tiệc, những tay cờ bạc, những nhạc công. Chàng thấy con chim của Kiều Lan trong chiếc lồng, chàng sống lại tất cả những đoạn đời, hô hấp khổ đế, trở lại già, mệt mỏi, buồn nôn và mơ ước được chết đi, rồi lại nghe tiếng “Om” màu nhiệm. Sau khi đứng rất lâu ở cổng vườn, Tất Đạt mới nhận ra rằng ước muốn thúc đẩy chàng vào nơi đây thật là điên rồ, rằng chàng không thể giúp đỡ con chàng, rằng chàng không nên ép uổng nó. Chàng cảm thấy một tình yêu sâu đậm đối với đứa con lưu vong, tình thương như một ung nhọt, và cùng lúc cảm thấy ung nhọt đó không làm mủ trong chàng, mà sẽ lành.

Vì ung nhọt chưa lành ngay lúc đó, nên chàng còn buồn bã. Thay vì mục đích đã thúc đẩy chàng đến đây tìm kiếm đứa con, chỉ còn sự trống rỗng trong lòng chàng. Buồn rầu, chàng ngồi xuống. Chàng cảm thấy một cái gì chết trong tim. Chàng không còn thấy hạnh phúc, mục đích nào nữa. Chàng ngồi đấy thê lương, chờ đợi. Chàng đã học điều này từ dòng sông: chờ đợi, kiên nhẫn, lắng nghe. Chàng ngồi lắng nghe trong con đường đầy bụi, lắng nghe tim chàng đập mệt nhọc buồn rầu và đợi chờ một tiếng nói. Chàng phủ phục ở đấy và nghe ngóng hàng giờ, không còn thấy hình ảnh gì nữa, rơi vào sự rỗng không và thả mình vào đấy mà không tìm thấy lối ra. Và khi chàng cảm thấy vết thương nhức nhối, chàng thì thầm tiếng "Om", lắng mình trong tiếng ấy. Những tăng sĩ trong vườn thấy chàng và khi chàng đã ở đấy nhiều giờ, bụi bám dày mái tóc hoa râm, một người đi đến bên chàng và đặt hai quả chuối trước mặt chàng. Chàng không trông thấy ông ta.

Một bàn tay đặt lên vai kéo chàng về thực tại. Chàng nhận ra cái vỗ vai thân mến rụt rè ấy, và tỉnh dậy. Chàng đứng lên và chào Vệ Sử, người đã đi theo chàng. Khi nhìn thấy gương mặt tử tế của Vệ Sử, nhìn những đường nhăn trên mặt khi ông ta mỉm cười, nhìn vào đôi mắt sáng của ông, chàng cũng mỉm cười. Chàng trông thấy hai trái chuối bên cạnh. Chàng nhặt lên, cho bạn một quả và ăn một. Rồi chàng lặng lẽ đi theo Vệ Sử qua khu rừng, trở về bến đò. Không ai nói đến những gì đã xảy ra, cũng không ai nhắc đến tên thằng bé hay sự đào tẩu của nó và vết thương nó đã gây ra. Tất Đạt đi nằm trong chiếc lều, và khi Vệ Sử đến thăm đem cho chàng cốc nước dừa, ông thấy chàng đã ngủ.

Om

Vết thương làm đau nhói tâm can chàng khá lâu, Tất Đạt đón nhiều hành khách sang sông, có con cái đi theo, và chàng không thể nhìn ai mà không sinh lòng ganh tị với họ, không nghĩ rằng: biết bao nhiêu người có được cái hạnh phúc lớn lao đó -- tại sao ta lại không? Cả đến những người ác tâm, trộm cướp, cũng có con cái, thương yêu chúng và được chúng thương yêu, chỉ trừ ta. Chàng lý luận một cách vô lý và trẻ con như thế, giống như những người thường tình như thế.

Bây giờ chàng nhìn đời một cách khác trước: không quá khôn ngoan, không quá kiêu hãnh và vì thế tò mò, thân mật hơn. Khi chàng đưa qua sông những nhân vật thường ngày, thương gia, lính tráng và các bà, họ không còn có vẻ xa lạ đối với chàng như trước. Chàng hiểu họ, và tuy chàng không cùng chia xẻ những ý nghĩ và quan niệm của họ, chàng cũng cảm thấy như họ những

ước muốn và rạo rực của sự sống. Mặc dù chàng đã đạt đến một mức độ cao về tự giác, và chịu đựng nổi ung nhọt cuối cùng của mình, bây giờ chàng nhận thấy những người thường tình ấy đều là huynh đệ của chàng. Những điều phù phiếm, những ước muốn của họ, những sự tầm thường nơi họ không còn phi lý đối với chàng, chúng đã trở nên dễ hiểu, đáng thương và còn đáng phục là khác. Có tình yêu mù quáng của người mẹ đối với con, lòng kiêu hãnh điên rồ mù quáng của người cha đối với đứa con một, những nỗ lực mù quáng của một người đàn bà trẻ trong sự ăn diện để được ngợi ca nhan sắc, tất cả những dục vọng và thèm muốn đơn sơ, điên rồ nhưng mãnh liệt, say mê, đầy sức sống ấy không còn vụn vặt, nhỏ nhen đối với chàng nữa. Vì chúng, Tất Đạt thấy người ta sống và làm việc lớn, du ngoạn, chiến tranh, đau khổ và chịu đựng một cách bao la, và chính vì thế chàng yêu họ. Chàng thấy cuộc đời, sức sống, Đại ngã bất khả huỷ diệt ở trong mọi dục vọng và nhu cầu đó. Những người đó xứng đáng được yêu thương kính phục trong sự trung thành mù quáng của họ, trong sức mạnh và lòng kiên tâm mù quáng. Trừ một điều nhỏ ra, một điều rất nhỏ, thì họ không thiếu cái gì mà bậc hiền triết hay tư tưởng gia có, và điều ấy là sự ý thức về sự Nhất thể của mọi cuộc đời. Nhiều lúc Tất Đạt đâm ra nghi ngờ cả kiến thức đó, ý tưởng đó, chẳng hiểu nó có quan trọng đến thế hay không, hay có lẽ nó lại cũng chỉ là điều tự phụ trẻ con của những nhà tư tưởng, mà có lẽ chỉ là những đứa trẻ suy tư. Những người trần tục ngang với những người tư tưởng trong mọi phương diện và thường lại còn hơn họ, hệt như những loài vật trong lúc cần thiết, có thể vượt hơn loài người nhờ những động tác của chúng kiên trì không xoay hướng.

Trong tâm hồn Tất Đạt dần dần mọc lên và chín mùi sự hiểu biết về khôn ngoan thực sự ra sao, và mục đích sự tìm tòi dài lâu của chàng. Đó không phải là gì khác hơn một sự chuẩn bị của linh hồn, một khả năng, một bí thuật suy tư cảm nhận và hô hấp những ý nghĩ về nhất tính trong mọi lúc của cuộc sống. Ý nghĩ này từ từ trưởng thành trong tâm chàng, và nó được phản chiếu trên nét mặt hồn nhiên già cỗi của Vệ Sử, ý tưởng về sự hoà điệu, tính cách hoàn bị của thế giới ở mọi lúc, và sự Nhất thể của vạn vật.

Nhưng vết thương vẫn đau nhói. Tất Đạt nhớ đến đứa con trai, đầy cuồng vọng và chua chát, nuôi dưỡng lòng yêu thương và cảm giác âu yếm đối với nó, để mặc cho niềm đau ray rứt, chàng quằn quại trong tất cả cuồng nhiệt của tình yêu. Ngọn lửa trong lòng chàng vẫn chưa chịu tắt.

Một ngày, khi vết thương đang đau nhói nơi chàng, Tất Đạt chèo đò qua sông, tâm can tê tái vì nỗi nhớ. Chàng lên bờ với mục đích xuống phố tìm

con. Sông vẫn chảy nhẹ nhàng, thoải mái. Đấy là mùa khô ráo nhưng tiếng nước reo lên một cách kỳ dị. Con sông đang cười lớn, rõ ràng đang cười lớn! Con sông đang reo vui trong trẻo để cười người lái đò lẩm cẩm. Tất Đạt đứng lặng; chàng nghiêng mình trên làn nước để nghe rõ hơn. Chàng thấy mặt mình phản chiếu trong làn nước lặng lờ trôi, và có cái gì trong hình ảnh nhắc chàng nhớ đến một cái gì đã quên và khi chàng soi mình, chàng nhớ lại. Nét mặt chàng giống nét mặt người khác, người mà chàng đã từng biết, yêu thương và sợ hãi nữa. Nét mặt giống hệt cha chàng, người Bà La Môn. Chàng nhớ khi chàng còn là một thanh niên, nào một lần chàng đã khiến cha buộc lòng phải để cho chàng đi theo những người khổ hạnh, nào chàng đã bỏ đi và không bao giờ trở lại. Cha chàng há đã không chịu đựng cùng một nỗi đau đớn mà giờ đây chàng đang gánh chịu vì đứa con chàng hay sao? Cha chàng há lại không chết từ lâu trong cô quạnh mà không thấy lại con mình? Chàng há không chờ đợi số phận tương tự hay sao? Đó phải chăng là một hài kịch, một điều quái gở, ngu si -- sự tái diễn ấy, sự tiến hành của mọi việc trong một vòng tròn định mệnh?

Con sông cười lớn. Phải, như thế đấy. Mọi sự nếu không được chịu đựng cho đến cùng để cuối cùng kết thúc, sẽ trở lại, và những buồn khổ tương tự lại phải tái diễn. Tất Đạt xuống thuyền và chèo lui về chòi, nghĩ đến cha chàng, trong khi dòng sông vẫn cười chàng, và chàng thì tranh chấp với chính mình, đứng trên bờ tuyệt vọng mà không khỏi muốn cười lớn để chế nhạo mình và cả loài người. Vết thương vẫn đau nhói; chàng vẫn kháng cự lại định mệnh, vẫn chưa đạt đến bình an và chiến thắng khổ đau. Tuy thế chàng đầy hy vọng và khi trở về chòi, lòng chàng tràn ngập một ước muốn thú thật với Vệ Sử, tiết lộ mọi sự, kể hết mọi sự cho con người biết nghệ thuật nghe ấy.

Vệ Sử ngồi trong chòi đan giỏ. Ông không làm việc trên thuyền nữa, mắt ông yếu dần cũng như cánh tay và bàn tay, nhưng vẻ hồn nhiên trong sáng vẫn không đổi, vẫn chói ngời trên mặt ông ta.

Tất Đạt ngồi xuống cạnh ông già và bắt đầu kể dần dần. Chàng kể cho ông nghe hết những gì trước kia chàng chưa hề nói đến, nào chàng đã đi xuống phố, nào vết thương lòng đau nhức, nào nỗi thèm khát của chàng khi thấy những người cha hạnh phúc, nào chàng vẫn ý thức về sự điên rồ của những cảm giác như thế, của sự tranh chấp vô vọng với chính mình. Chàng nói mọi sự, chàng có thể kể hết mọi sự cho Vệ Sử, cả đến những điều đau xót nhất, chàng có thể thổ lộ tất cả. Chàng trình bày vết thương, kể cho Vệ Sử nghe về sự lẻn đi của chàng hôm đó, khi chàng chèo qua sông với mục đích lang

thang trong thành phố thế nào, và thế nào con sông đã cười nhạo chàng. Khi chàng tiếp tục kể và Vệ Sử lắng nghe với một nét mặt trầm tĩnh, Tất Đạt nhận rõ hơn bao giờ hết, vẻ chú ý của Vệ Sử. Chàng cảm thấy nỗi lo âu hoảng hốt và những hy vọng thầm kín của chàng tuôn tràn qua Vệ Sử và trở về. Bày tỏ vết thương của chàng cho người nghe này chẳng khác nào tắm vết thương ấy trong dòng sông, đến khi nó trở nên mát rượi và nhập với dòng sông làm một. Khi chàng tiếp tục kể, Tất Đạt càng lúc càng cảm nhận thêm rằng đấy không còn là Vệ Sử, không còn là một người đang lắng nghe chàng nói. Chàng cảm thấy người nghe bất động này đang uống lấy những lời tự thú của chàng như một thân cây ngấm nước mưa, chàng cảm thấy con người bất động kia chính là dòng sông, là Thượng đế, là chính sự Vĩnh cữu. Khi Tất Đạt thôi nghĩ đến chính mình và vết thương, sự nhận biết về đổi thay trong Vệ Sử xâm chiếm lấy chàng, và càng nhận rõ điều này, chàng càng thấy nó ít xa lạ, càng nhận chân được rằng mọi sự đều an bài một cách tất nhiên. Vệ Sử đã từ lâu vẫn như vậy, chỉ có chàng không nhận ra đấy thôi; và kỳ thực chính chàng cũng không khác gì ông ta cả. Chàng cảm thấy chàng đang nhìn Vệ Sử như người ta nhìn Thượng đế và điều này không bền lâu. Trong thâm tâm, chàng bắt đầu từ giã Vệ Sử, trong lúc đó chàng vẫn tiếp tục nói. Khi chàng chấm dứt, Vệ Sử hướng cái nhìn yếu ớt của ông ta về phía chàng. Ông không nói, nhưng gương mặt ông lặng lẽ chiếu ra tình thương và bình an, hiểu biết và trí tuệ. Ông cầm tay Tất Đạt, dẫn chàng đến chỗ ngồi bên bờ sông, ngồi xuống cạnh chàng và mỉm cười nhìn dòng sông.

- Bạn đã nghe nó cười, ông nói. Nhưng bạn đã không nghe cho hết mọi sự. Bây giờ ta hãy lắng nghe, bạn sẽ nghe thêm nữa.

Và họ lắng nghe. Tiếng hát nhiều giọng của con sông nhẹ nhàng âm hưởng. Tất Đạt nhìn vào dòng sông và thấy nhiều hình bóng trong dòng nước trôi. Chàng thấy cha chàng, cô đơn, đang khóc lóc vì chàng; chàng thấy chính chàng, cô độc, và cũng quằn quại nhớ nhung đứa con chàng đã bỏ đi; chàng thấy con chàng cũng đơn độc, đứa con trai tiến lên dọc con đường bốc cháy vì những dục vọng của đời, mỗi người đều chú tâm vào mục đích của mình, bị ám ảnh bởi mục đích ấy, và khổ đau. Tiếng con sông thật buồn thảm. Nó hát lên với vẻ khát vọng và buồn rầu, chảy về phía mục đích của nó.

- Bạn có nghe không? Cái nhìn câm lặng của Vệ Sử chợt hỏi. Tất Đạt khẽ gật.

- Lắng nghe nữa đi! – Vệ Sử thì thầm.

Tất Đạt cố gắng nghe thêm. Hình ảnh cha chàng, hình ảnh chính chàng, và hình ảnh con chàng chạy loạn xạ vào nhau. Hình ảnh Kiều Lan cũng xuất hiện và trôi đi, và hình ảnh Thiện Hữu cùng bao người khác cũng hiện lên rồi đi qua. Họ đều trở thành một phần của con sông kia. Đấy là mục đích của tất cả những người kia khao khát, thèm thuồng, đau khổ; và tiếng con sông cũng đầy cả khát vọng, đầy buồn đau ray rứt, đầy những ước muốn không được thỏa lòng. Con sông tiếp tục chảy về mục đích của nó. Tất Đạt thấy con sông hấp tấp vội vàng, con sông bao gồm cả chính chàng và những người quyến thuộc cùng bao kẻ đã đi qua trong đời chàng. Tất cả những làn sóng và nước đều vội vã, khổ đau, đi về mục đích, chảy về nguồn thác, về biển, về đồng, về đại dương, và khi mỗi mục đích đạt rồi nó lại được tiếp theo mục đích khác. Nước trở thành hơi và bốc lên, trở thành mưa rồi lại rơi xuống, thành suối, nguồn, sông, lạch, và lại đổi thay, lại tuôn chảy. Nhưng tiếng của cuồng vọng đã đổi thay. Nó vẫn còn âm hưởng buồn sầu, tìm kiếm, nhưng có nhiều tiếng khác hoà theo nó, tiếng của hoan lạc, bi ai, tiếng dữ và lành, tiếng cười và tiếng khóc, hàng trăm tiếng, hàng nghìn tiếng.

Tất Đạt lắng nghe. Bây giờ chàng thật chú ý lắng nghe, hoàn toàn đăm chiêu, tâm hồn vắng lặng trống trải hoàn toàn, thu vào hết mọi sự. Chàng đã cảm thấy chàng hoàn toàn học được nghệ thuật lắng nghe. Chàng đã thường nghe tất cả những điều này trước kia, bao nhiêu âm thanh xô bồ này của con sông, nhưng hôm nay chàng nghe chúng khác lạ. Chàng không còn có thể phân biệt những thứ tiếng khác nhau nữa -- tiếng vui mừng với tiếng khóc than, tiếng trẻ con với tiếng người lớn. Tất cả những thứ tiếng ấy đều thuộc vào nhau: tiếng kêu than của người khát vọng, tiếng cười của người khôn ngoan, tiếng kêu bất bình và tiếng rên la của người sắp chết. Chúng đều quyện lấy nhau, vướng vít lẫn lộn trong muôn ngàn cách. Và tất cả những tiếng ấy, tất cả những mục đích, tất cả những khát vọng thảm sầu, khoái lạc, lành và dữ, tất cả những thứ ấy kết thành thế nhân vũ trụ. Tất cả chúng đều là dòng biến chuyển, là khúc sinh ca. Khi Tất Đạt chú ý lắng nghe dòng sông, lắng nghe cung đàn muôn điệu ấy, khi chàng không nghe riêng rẽ nỗi buồn thảm hay tiếng cười, khi chàng không ràng buộc hồn mình với tiếng nào riêng biệt và để nó thâm nhập vào Tiểu ngã của chàng, mà trái lại, nghe tất cả những tiếng ấy, cái toàn diện, cái Nhất thể, thì lúc ấy cung đàn vĩ đại có muôn ngàn âm thanh kia chỉ bao hàm có một tiếng “Om” -- tức là Toàn Thiện.

- Bạn có nghe không? Vệ Sử một lần nữa đưa mắt hỏi chàng.

Nụ cười của Vệ Sử sáng ngời, phảng phất trên khắp những làn nhăn của khuôn mặt già nua, những tiếng "Om" bàng bạc trên khắp những tiếng hát của dòng sông. Nụ cười của ông ta sáng lên khi nhìn bạn, và bây giờ nụ cười tương tự cũng xuất hiện trên gương mặt Tất Đạt. Vết thương đang lành, niềm đau đang tan biến; Tiểu ngã chàng đã hoà vào Nhất thể.

Từ giờ phút ấy Tất Đạt thôi còn chiến đấu với định mệnh. Mặt chàng sáng ngời vẻ sáng của hiểu biết, của một người không còn va chạm với tranh chấp của những dục vọng; của người đã đi tìm thấy giải thoát, của người đã hoà đồng với dòng biến chuyển, với dòng Sống, đầy thông cảm và yêu thương, thể nhập vào dòng Sống ấy, thuộc vào cái Nhất thể của mọi sự vật.

Khi Vệ Sử đứng dậy từ chỗ ngồi trên bờ sông, khi ông nhìn vào mặt Tất Đạt và trông thấy vẻ bình an của sự liễu ngộ chiếu ngời trong mắt bạn, ông nhẹ đặt tay lên vai chàng đầy yêu thương nâng đỡ:

- Tôi đã chờ đợi giây phút này đây, bạn. Bây giờ nó đã đến, hãy để tôi đi. Tôi là Vệ Sử người chèo đò, trong một thời gian khá lâu. Giờ đây thế là xong. Tôi muốn từ biệt mái chòi, từ biệt dòng sông, và Tất Đạt, xin từ biệt.

Tất Đạt cúi thấp mình trước người ra đi.

- Tôi hiểu – chàng đáp khẽ -- bây giờ người đi vào rừng đó chăng?

- Phải, tôi sẽ vào rừng. Tôi sẽ đi vào thể Như nhất của mọi sự vật – Vệ Sử nói, mắt sáng như hào quang.

Và ông lão ra đi. Tất Đạt ngắm nhìn bạn. Lòng hân hoan, kính cẩn, chàng nhìn ông ta, thấy từ những bước đi tỏa ra đầy vẻ thanh tịnh bình an, gương mặt chói ngời, hình hài tràn đầy ánh sáng.

---o0o---

Thiện Hữu

Một dạo Thiện Hữu cùng với vài Sa Môn khác đến nghỉ ngơi trong khu vườn chơi mà Kiều Lan, người kỹ nữ đã dâng cúng đồ đệ của đức Phật. Chàng nghe nói về một người lái đò già bên sông, cách một ngày đường, mà nhiều người cho là hiền nhân. Khi Thiện Hữu lên đường khất thực, chàng chọn con đường ngang khúc sông ấy, hăm hở muốn thấy được người lái đò kia, vì tuy chàng đã sống theo giới luật và được những người sư đệ kính

trọng nhờ tuổi tác và đức khiêm cung, chàng vẫn còn đang thao thức trong tâm hồn, và sự tìm tòi của chàng vẫn không được thoả mãn.

Chàng đến bờ sông và nhờ người lái đò đưa chàng qua bên kia bờ. Khi họ đã đến bến chàng nói với người lái đò:

- Ông thật tốt với những Sa Môn khất sĩ. Ông đã đưa rất nhiều chúng tôi sang sông. Thế ra ông cũng là một người đang tìm con đường chánh đạo sao?

Đôi mắt già nua của Tất Đạt thoáng hiện nụ cười khi chàng đáp:

- Người tự gọi mình là một kẻ tìm kiếm sao, hỡi thầy Tỳ kheo, khi trông người cũng khá tuổi tác, và lại mặc áo tăng sĩ của đức Cồ Đàm?

- Tôi già nua thật, Thiện Hữu nói – nhưng tôi chưa bao giờ thôi tìm kiếm. Tôi sẽ không bao giờ thôi tìm kiếm. Đấy như là định mệnh của tôi. Tôi đoán hình như người cũng đã tìm kiếm. Người có thể nói cho tôi nghe chút đỉnh về điều đó không. Hỡi ông bạn?

Tất Đạt đáp:

- Có cái gì xứng đáng cho tôi nói với ngài đâu, trừ ra rằng ngài tìm kiếm quá nhiều, và bởi ngài tìm kiếm quá nhiều, ngài không thể nào gặp được.

- Sao lại như thế? Thiện Hữu hỏi.

- Khi một người tìm kiếm, thì thường thường anh ta chỉ thấy có điều mà anh ta tìm kiếm; và anh ta không thể gặp được cái gì, không thể thu nhận được gì, bởi anh ta chỉ nghĩ về điều anh ta đang tìm, bởi anh ta có mục đích, và bị ám ảnh vì mục đích ấy. Tìm kiếm có nghĩa là mục đích, nhưng "gặp" có nghĩa là tự do tự tại, sẵn sàng đón nhận, không có mục đích cố định nào. Hỡi người Sa Môn khả kính, có lẽ ngài quả là một người tìm tòi, vì trong khi cố đạt mục đích, ngài đã không thấy bao nhiêu sự vật trước mắt ngài.

- Tôi vẫn chưa hiểu thấu. Ngài muốn nói gì?

Tất Đạt bảo:

- Có một lần, vị Sa Môn đáng kính ơi, cách nhiều năm qua, ngài đến sông này và trông thấy một người ngủ ở đây. Ngồi bên cạnh kẻ kia trông chừng giấc ngủ cho nó, nhưng ngài lại không nhận ra kẻ đang ngủ đó là ai.

Quá ngạc nhiên, và như một người mắc phải bùa chú, vị Sa Môn trừng trừng nhìn người lái đò:

- Anh có phải là Tất Đạt không? Chàng e dè hỏi. Tôi lại không nhận ra anh lần này nữa! Tôi rất sung sướng được gặp lại anh, Tất Đạt. Rất sung sướng. Anh đã thay đổi rất nhiều, bạn ơi. Và bây giờ anh đã thành người lái đò sao?

Tất Đạt cười lớn thân mật:

- Phải, tôi đã trở thành người lái đò! Nhiều người phải thay đổi khá nhiều và mặc đủ mọi chiếc áo. Tôi là một trong những kẻ ấy, bạn. Rất hoan nghênh bạn, Thiện Hữu, xin mời bạn ở lại hôm nay trong chòi tôi.

Thiện Hữu ở lại đêm ấy trong chòi và ngủ trên chiếc giường của Vệ Sử ngày xưa. Chàng hỏi người bạn thời niên thiếu kia rất nhiều câu hỏi. Và Tất Đạt có biết bao nhiêu câu chuyện để kể cho Thiện Hữu nghe về đời chàng.

Sáng hôm sau, khi đã đến lúc từ giã, Thiện Hữu ngập ngừng bảo bạn:

- Trước khi tiếp tục lên đường, Tất Đạt, tôi muốn hỏi anh một lời nữa. Anh có một thuyết lý nào không, một niềm tin hay hiểu biết mà anh chấp trì, giúp anh sống và hành động phải lẽ?

Tất Đạt nói:

- Bạn cũng biết rồi, ngay khi còn là một thiếu niên, khi chúng ta sống với những người khổ hạnh trong rừng già, tôi đã không mấy tin vào chủ thuyết và thầy dạy, và tôi đã ngoảnh mặt đi trước những thứ ấy. Bây giờ tôi vẫn còn như thế đó, mặc dù tôi đã qua bao nhiêu người dạy dỗ. Một người kỹ nữ xinh đẹp đã là thầy tôi một thời gian khá lâu, và một thương gia giàu, một tay bạc sành sỏi. Vào một dịp khác, một người khất sĩ của đức Phật là thầy tôi. Người dừng bước du khất để ngồi bên tôi khi tôi ngủ thiếp trong khu rừng. Tôi cũng học được một ít từ người ấy và rất cám ơn người. Nhưng nhất là tôi đã học từ con sông này và từ người trước tôi, Vệ Sử. Ông quả thật là một người giản dị; ông không phải là một nhà tư tưởng, nhưng cũng trực nhận được lẽ vi diệu như đức Cồ Đàm. Ông thật là một vì thánh.

Thiện Hữu nói:

- Tất Đạt, tôi thấy dường như anh cũng còn thích đùa bỡn chút đỉnh. Tôi tin anh và biết anh đã không theo một vị thầy nào, nhưng đến cả chính anh lại không có một lý thuyết, một tư tưởng nào hay sao? Anh lại không khám phá được cho chính mình một vài tri thức giúp anh sống hay sao? Tôi sẽ rất sung sướng nếu được anh nói cho nghe về điều ấy.

Tất Đạt nói:

- Vâng, tôi đã có những ý nghĩ và hiểu biết thâu nhặt được thỉnh thoảng. Đôi khi, trong một giờ hay một ngày, tôi đã trực giác có tri thức, hệt như người ta cảm thấy sự sống trong nhịp tim. Tôi đã có nhiều ý tưởng, nhưng thật khó nói cho bạn nghe về chúng. Nhưng đây là một ý tưởng đã làm tôi chú ý, Thiện Hữu. Sự khôn ngoan không thể truyền cho kẻ khác. Trí tuệ mà một người hiền triết cố truyền lại luôn luôn nghe có vẻ điên rồ.

- Anh đùa đấy chăng? Thiện Hữu hỏi.

- Không, tôi đang nói với bạn điều mà tôi đã tìm thấy. Kiến thức có thể truyền được nhưng trí tuệ thì không. Người ta có thể tìm thấy nó, sống trong nó, được thêm sức mạnh vì nó, làm nên những phép lạ nhờ nó, nhưng người ta không thể truyền dạy nó được. Tôi đặt nghi vấn về điều này từ hồi còn trẻ, và chính nghi vấn đó đã làm cho tôi xa lánh mọi thầy học. Có một ý tưởng tôi suy ra, Thiện Hữu, mà có lẽ bạn cũng lại cho là một trò đùa hay một sự điên rồ nữa: ấy là trong mọi sự thật, điều ngược lại cũng đúng không kém. Chẳng hạn, một sự thật chỉ có thể diễn tả và gói trọn trong danh từ nếu sự thật chỉ có một mặt. Mọi điều, nếu được suy tưởng và diễn tả thành danh từ thì đều là phiến diện, chỉ là nửa phần sự thật, nó thiếu hẳn tính cách toàn vẹn, tròn đầy, nhất thể. Khi đức Phật dạy về thế giới, Ngài phải phân chia thành Khổ Đế và Niết Bàn, thành Vọng và Chân, thành khổ đau và giải thoát. Người ta không thể làm khác hơn, không có phương pháp nào khác cho những người giảng dạy. Nhưng thế giới tự nó, ở trong ta và xung quanh ta, thì lại không bao giờ phiến diện. Không bao giờ một người hay một sự việc lại thuần khổ hay thuần lạc, không bao giờ một người lại thuần là thánh thiện hay thuần tội lỗi; chỉ dường như thế bởi vì chúng ta bị mắc phải một ảo tưởng rằng thời gian là một cái gì có thực. Thời gian không thực có, Thiện Hữu. Tôi đã luôn luôn trực nhận điều này. Và nếu thời gian không thực có, thì đừng tưởng tượng ngăn chia cõi đời này với cõi vô cùng, ngăn chia thiện và ác, hạnh phúc và đau khổ, tất cả cũng chỉ là một ảo tưởng …

- Sao lại như thế? Thiện Hữu hỏi, hoang mang.

- Này nhé, bạn! Tôi là một kẻ phạm tội và bạn là một kẻ phạm tội, nhưng một ngày kia người tội lỗi cũng sẽ là Đại ngã trở lại, sẽ đạt Niết Bàn, sẽ trở thành một đức Phật. Nhưng ý niệm "một ngày kia" ấy là một ảo tưởng: đấy chỉ là một sự so sánh. Kẻ tội nhân không phải đang tiến hoá, mặc dù tư tưởng ta không quan niệm khác hơn. Không, đức Phật, tiềm năng đã sẵn có trong người tội lỗi, tương lai đã ở trong hiện tại. Đức Phật tiềm tàng ấy phải được trực nhận trong người kia, trong bạn, trong tất cả mọi người. Thiện Hữu, thế giới không phải bất toàn hay đang từ từ tiến trên đường dài để đạt đến toàn thiện. Không, nó hoàn hảo trong mọi giây phút, mọi tội lỗi mang theo với nó sự ân xá, mọi trẻ con đã là những ông già tiềm tàng, mọi nầm non đã mang sẵn chết chóc, và trong mọi người hấp hối, đã có sự sống Vĩnh cửu. Một người không thể nào thấy được người khác đã đi bao xa, đức Phật hiện hữu trong kẻ trộm cướp và tay bạc bịp; kẻ trộm cướp hiện diện trong người Bà La Môn. Trong lúc quán tưởng sâu xa, ta có thể bất chấp thời gian tính, thấy đồng thời tất cả quá khứ, hiện tại, vị lai, và khi thấy mọi sự đều tốt, đều hoàn hảo, mọi sự đều là Đại ngã, linh hồn. Bởi thế đối với tôi dường như mọi sự vật hiện hữu đều tốt cả -- chết cũng như sống, tội lỗi cũng như thánh thiện, khôn ngoan cũng như điên rồ. Mọi sự đều cần thiết, mọi sự chỉ cần sự biểu đồng tình của tôi, cái gật đầu của tôi, niềm yêu thương và thông cảm của tôi: lúc đó tất cả đều tốt đẹp đối với tôi và không gì có thể làm hại tôi nữa. Tôi đã học qua thể xác và linh hồn tôi rằng tôi cần phải phạm tội, cần phải đắm mê dục lạc, cần phải lao tâm nhọc trí kiếm tiền của, trải qua những cơn buồn nôn và xuống tận cùng hố thẳm tuyệt vọng, để mà học đừng chống chọi lại chúng, để mà học yêu thương cuộc đời, và không còn so sánh nó với một thứ thế giới tưởng tượng viễn vông do mình ao ước, không còn so sánh nó với một ảo tưởng nào về Toàn Thiện, mà trái lại, để cuộc đời nguyên trạng là nó, yêu thương và vui thích được dự phần với nó. Những điều này, Thiện Hữu ơi, là vài ý tưởng trong đầu tôi.

Tất Đạt cúi xuống nâng một hòn đá khỏi mặt đất, cầm trên tay.

- Đây, -- chàng nâng niu viên đá, -- đây là một viên đá, và trong một thời gian nào đó có lẽ nó sẽ là đất, và từ đất trở thành cây, loài vật hay người. Trước đây có thể tôi đã nói: viên đá này chỉ là đá, nó không có giá trị, nó thuộc về thế giới vật chất trơ lì, nhưng có lẽ trong vòng biến hoá viên đá cũng có thể trở thành người và linh hồn, vậy thì nó cũng quan trọng. Đấy là điều mà đáng lẽ tôi đã nghĩ. Nhưng bây giờ tôi lại nghĩ: hòn đá này là đá, nó cũng là loài vật, Chúa và Phật. Tôi không yêu kính nó vì nó là một vật và sẽ

trở thành một vật gì khác, nhưng vì nó từ lâu đã, và mãi mãi sẽ, là mọi sự. Tôi yêu nó chỉ vì nó là một hòn đá. Tôi thấy giá trị và ý nghĩa trong mọi đường vân tinh vi của nó và trong mọi lỗ hổng, trong màu vàng, màu xám, trong vẻ cứng và âm thanh của nó khi tôi gõ lên trong sự khô ráo hay ẩm ướt của bề mặt. Có những hòn đá sờ giống dầu hay xà phòng, trông giống như lá hay cát, và mỗi viên đá đều khác biệt và tôn thờ Toàn Thiện một cách riêng; mỗi viên đá đều là Đại ngã. Đồng thời nó lại cũng rất là đá, trơn như dầu hay xà phòng và chính điều đó làm cho tôi thích thú và thấy nó thần diệu, đáng tôn thờ. Nhưng thôi tôi không nói thêm nữa. Danh từ không diễn tả được tư tưởng bao nhiêu. Những ý tưởng luôn luôn trở nên hơi khác đi ngay khi chúng được diễn tả, chúng trở nên méo mó, đôi khi điên rồ. Tuy vậy, điều này cũng làm cho tôi lấy làm thú vị và có lẽ đúng, rằng cái gì có giá trị, là chân lý đối với một người, thì đối với người khác nó dường như vô nghĩa.

Thiện Hữu đã lắng nghe trong im lặng.

- Tại sao anh kể cho tôi nghe về hòn đá? Chàng hỏi sau một lúc ngập ngừng.

- Tôi không cốt làm thế. Nhưng có lẽ điều ấy chứng tỏ rằng tôi yêu hòn đá, con sông và tất cả mọi sự mà ta thấy đây và từ đó ta có thể học. Tôi có thể yêu thương một hòn đá, Thiện Hữu ạ, và một thân cây hay một mảnh vỏ cây. Đấy là sự vật, và người ta có thể yêu mến sự vật. Nhưng người ta không thể yêu mến danh từ. Vì thế, những lời giảng dạy đối với tôi thật vô dụng. Chúng không cứng, cũng không mềm, không mầu sắc, không góc cạnh, không mùi, không vị -- chúng không có gì ngoài ra danh từ. Có lẽ chính chúng đã ngăn cản bạn đạt đến bình an, có lẽ quá nhiều danh từ, vì cả đến sự giải thoát và đức hạnh, khổ và lạc, cũng chỉ là những danh từ, hỡi Thiện Hữu. Niết Bàn không phải là sự vật, chỉ có danh từ Niết Bàn mà thôi.

Thiện Hữu:

- Niết Bàn không chỉ là một danh từ, Tất Đạt. Đó là một ý tưởng.

Tất Đạt tiếp:

- Nó có thể là một ý tưởng, nhưng tôi phải thú thật với bạn rằng tôi không phân biệt mấy giữa ý tưởng và danh từ. Thành thật mà nói, tôi cũng không gán cho ý tưởng nhiều quan trọng nữa. Tôi quan tâm đến sự vật nhiều hơn. Chẳng hạn, có một người ở trên khúc sông này đã là tiên phong của tôi và thầy tôi. Ông ta là một người thánh thiện trong bao nhiêu năm đã chỉ tin vào dòng sông, và không tin gì khác. Ông ta để ý rằng tiếng con sông đang nói

với ông ta. Ông ta học từ đó, nó dạy dỗ, giáo dục ông ta. Con sông đối với ông ta như một Thượng đế, mà trong nhiều năm ông không biết rằng mỗi làn gió, mỗi một đám mây, mỗi thân chim, mỗi con bọ cũng đều thần tiên không kém, hiểu biết và có thể dạy cho ta hệt như dòng sông mà ông tôn sùng. Nhưng khi người thánh thiện ấy bỏ đi vào rừng, ông ta biết hết mọi sự, ông ta biết hơn cả bạn và tôi, mà không cần thầy hay sách vở, chỉ vì ông ta tin tưởng ở dòng sông.

Thiện Hữu nói:

- Nhưng cái mà anh gọi là "sự vật" ấy, nó có phải là một cái gì có thật hay không, một cái gì thực hữu nội tại! Nó lại không chỉ là ảo ảnh của phù trần, hình bóng, hiện tượng mà thôi hay sao? Hòn đá của anh, cây cối của anh, -- chúng có thực hay không?

- Điều đó cũng không làm tôi bận tâm mảy may – Tất Đạt nói. Nếu chúng là ảo tưởng thì tôi cũng là ảo tưởng, và như thế chúng luôn luôn đồng một tính chất với tôi. Chính điều này làm cho chúng đáng kính đáng yêu biết mấy. Chính vì thế mà tôi có thể yêu chúng. Và đây là lý thuyết sẽ làm cho bạn cười nữa, Thiện Hữu. Ấy là, với tôi, dường như thương yêu là điều quan trọng nhất trên đời. Những tư tưởng gia vĩ đại có thể đặt nặng vấn đề tìm hiểu vũ trụ nhân sinh, giảng giải và khinh bỉ nó. Nhưng tôi nghĩ chỉ có một điều quan trọng là yêu thương thế giới, không phải khinh bỉ nó, không thù ghét nhau mà phải nhìn thế giới và nhìn chính chúng ta cùng mọi sự vật với lòng yêu thương và kính trọng.

- Tôi hiểu điều đó, Thiện Hữu bảo. Nhưng đây chính là cái mà đấng Giác Ngộ gọi là vọng tưởng. Ngài dạy lẽ độ lượng, nhẫn nhục, từ bi, v. v. . . nhưng không dạy yêu thương. Ngài giới răn chúng ta không được trói buộc mình vào những tình yêu thế tục.

- Tôi hiểu, Tất Đạt nói, nụ cười chàng sáng ngời hào quang, -- tôi hiểu, Thiện Hữu, và đây chúng ta lại đang rối ren vì nghĩa danh từ, lọt vào trong sự tranh chấp của những tiếng, lời, vì tôi không phủ nhận rằng danh từ của tôi về yêu thương thật là trái ngược với những lời chỉ dạy của đức Cồ Đàm. Chính vì thế mà tôi khinh thường danh từ thế đó, Thiện Hữu, vì tôi biết mâu thuẫn kia chỉ là một ảo tưởng. Tôi biết ý tôi không mâu thuẫn với đức Phật. Thật vậy, làm sao Ngài có thể không biết đến Tình Yêu; Ngài, người đã trực nhận mọi sự phù phiếm giả tạo của nhân sinh, nhưng mặc dù vậy, Ngài vẫn yêu nhân loại đến độ đã tận tuy một đời chỉ để giúp đỡ và giáo dục con

người? Với bậc thầy cao cả này, cũng thế, tôi xem sự vật quan trọng hơn danh từ, hành động và đời sống của Ngài đối với tôi quan trọng hơn lời của Ngài, cử động của bàn tay Ngài đối với tôi quan trọng hơn quan niệm của Ngài. Không phải vì lời nói hay tư tưởng của Ngài mà tôi xem Ngài là một vĩ nhân, mà chính là hành vi và nếp sống của Ngài.

Hai người im lặng một lúc lâu. Khi Thiện Hữu sửa soạn từ giã, chàng nói:

- Cám ơn anh đã nói cho tôi nghe những ý tưởng của anh, Tất Đạt. Một vài ý tưởng thật là quái lạ. Tôi không thể nắm vững được chúng ngay. Tuy nhiên, cảm ơn anh và chúc anh hưởng nhiều ngày bình an.

Nhưng trong thâm tâm, chàng lại nghĩ: Tất Đạt thật là một người lạ lùng, diễn tả những tư tưởng kỳ dị, có vẻ điên rồ. Thật là khác với những lời của Thế Tôn biết bao! Lời Thế Tôn thì bao giờ cũng sáng sủa, trực tiếp, hiểu được ngay; không có gì là kỳ dị, quái gở hay đáng cười. Nhưng tay chân Tất Đạt, mắt chàng, vừng trán chàng, hơi thở, nụ cười chàng, cái chào của chàng, dáng điệu của chàng có ảnh hưởng nơi ta khác với những tư tưởng của chàng. Từ ngày Thế Tôn nhập Niết Bàn, chưa bao giờ ta gặp được một người, trừ Tất Đạt, mà về người ấy ta nghĩ: đây chính thực là một người thánh thiện! Ý nghĩ anh ta có thể quái dị, lời lẽ anh ta có vẻ điên rồ, nhưng cái nhìn, bàn tay anh, da thịt anh, tất cả toả ngời sự trong sáng, thanh bình, hiền hoà, thánh thiện mà ta chưa hề thấy ở nơi nào bất cứ một người nào từ khi vị thầy Giác Ngộ của ta khuất bóng.

Khi Thiện Hữu đang có những tư tưởng ngổn ngang đối chọi ấy, chàng lại cúi chào Tất Đạt đầy trìu mến đối với chàng. Thiện Hữu cúi thấp trước con người đang ngồi trầm tĩnh.

- Tất Đạt, Thiện Hữu bảo – bây giờ chúng ta đã là những ông già. Có thể chúng ta sẽ không bao giờ gặp lại nhau trên đời này nữa. Tôi có thể thấy được, hỡi bạn thân yêu, rằng anh đã tìm thấy bình an. Tôi nhận rằng tôi đã không tìm thấy nó. Nói cho tôi nghe thêm một lần nữa, hỡi người bạn kính yêu, hãy nói cho tôi nghe một điều mà tôi có thể quan niệm được, một điều tôi có thể hiểu được! Cho tôi một điều gì để giúp tôi trên đường đi, hỡi Tất Đạt! Đường tôi đi thường gian nan và tăm tối.

Tất Đạt lặng yên nhìn Thiện Hữu với nụ cười trầm tĩnh thanh bình của chàng. Thiện Hữu nhìn chăm chăm vào mặt chàng, lo ngại, khát khao. Cái nhìn của Thiện Hữu in dấu niềm đau khổ, sự tìm kiếm không ngừng, và luôn luôn thất bại. Tất Đạt thấy rõ điều ấy và mỉm cười:

- Cúi gần tôi! – Chàng thì thầm bên tai Thiện Hữu. Nào, đến gần hơn nữa, sát lại gần, hãy hôn lên trán tôi đi, Thiện Hữu!

Mặc dù ngạc nhiên, chàng do một tình thương lớn thúc đẩy, phải vâng lời Tất Đạt. Chàng cúi sát gần Tất Đạt và kề môi vào vừng trán. Một cái gì thần diệu xảy đến với chàng. Khi chàng đang còn vương vấn vì những nỗi kỳ dị của Tất Đạt, khi chàng nhọc công khổ trí một cách vô hiệu để đuổi xa ý niệm thời gian, để tưởng tượng Niết Bàn và Khổ đế là một, khi cả đến một ý niệm khinh bỉ đối với lời lẽ của bạn đang mâu thuẫn với một niềm yêu thương kính phục vô bờ, thì điều kỳ diệu ấy xảy đến với chàng. Chàng không còn thấy mặt của bạn chàng là Tất Đạt nữa. Thay vào đấy, chàng thấy những nét mặt khác, nhiều nét mặt, cả một loạt, một dòng liên tiếp những nét mặt, trăm ngàn nét mặt, chợt hiện rồi chợt biến, nhưng đồng thời cũng dường như đều ở đấy, thay đổi không ngừng và mới lạ luôn luôn, tuy thế tất cả đều là Tất Đạt. Chàng thấy mặt mày một con cá, một con cá chép, há hốc mồm đau đớn, một con cá đang hấp hối với đôi mắt nhắm nghiền. Chàng thấy nét mặt hài nhi mới sinh, đỏ hỏn và nhăn nheo, chợt khóc. Chàng thấy nét mặt một kẻ sát nhân, thấy anh ta thọc dao vào thân thể một người, đồng thời chàng thấy kẻ tội nhân kia quì gối, bị trói và chiếc đầu bị chặt đứt do một người đao phủ. Chàng thấy những thân thể trần truồng của đàn ông và đàn bà trong dáng điệu và trong cơn cuồng nhiệt của yêu đương. Chàng thấy những thi thể duỗi dài, cứng đờ, lạnh giá, trống trải. Chàng thấy những đầu thú vật, beo, cá sấu, voi, bò, chim chóc. Chàng thấy thần Sáng tạo và thần Huỷ diệt. Chàng thấy tất cả những hình dáng, nét mặt kia trong muôn ngàn tương quan với nhau, tất cả đều hỗ trợ nhau, yêu, ghét, huỷ diệt nhau và trở lại sơ sinh. Mỗi dáng hình đều đi đến cái chết, đều là một biểu hiện say đắm, khổ đau của luật vô thường. Tuy thế, không có một hình hài nào là chết hẳn, chúng chỉ biến hoá, luôn luôn tái sinh, luôn luôn có một bộ mặt mới: chỉ có thời gian đứng giữa nét mặt này với nét mặt khác. Và tất cả những hình hài và dáng mặt này nghỉ ngơi, tuôn chảy, sinh hoá trôi qua và hoà lẫn vào nhau, và trên tất cả những hình hài đó, luôn luôn có một cái gì mong manh, hư ảo, tuy nhiên vẫn hiện hữu, phủ lên như một làn băng giá mỏng, như một làn da trong suốt, một lớp vỏ, một dáng hình hay mặt nạ bằng nước – và chiếc mặt nạ kia là nét mặt tươi cười của Tất Đạt, mà chàng đang đặt môi hôn. Và Thiện Hữu thấy rằng nụ cười phớt trên bao nhiêu hình hài ẩn nấp kia, nụ cười của sự Nhất thể phảng phất trên bao hình hài tuôn chảy, nụ cười của sự Đồng Thời ở trong muôn ngàn cái Sinh và Tử -- trong sinh có tử và ngược lại -- nụ cười của Tất Đạt, chính thực là nụ cười trầm tĩnh, sâu xa, khôn dò, nụ cười vừa có vẻ ban ân vừa có vẻ chế diễu, nụ cười Trí tuệ, nụ cười muôn

mặt của Thế Tôn, đức Phật, mà chàng đã bao lần nhìn thấy, lòng tràn đầy uy phục. Thiện Hữu biết rõ nụ cười kia chính là nụ cười của đấng Toàn Giác.

Không còn biết nữa thời gian có hiện hữu hay không, cảnh trước mắt đã hiện ra trong một giây hay tròn thế kỷ, không còn biết nữa đấy là Tất Đạt hay đức Thế Tôn, một Tiểu ngã hay cái gì khác, Thiện Hữu như vừa nhận mũi tên thần diệu đâm sâu vào trong chàng đem lại cho chàng niềm hân hoan. Vô cùng mừng rỡ, Thiện Hữu vẫn đứng một lúc, nghiêng mình trên nét mặt bình an của Tất Đạt mà chàng vừa hôn lên, nét mặt đã là sân khấu cho tất cả những hình hài hiện tại, vị lai. Vẻ mặt chàng không đổi sau khi làn gương của muôn ngàn hình sắc đã biến mất. Tất Đạt mỉm cười bình an, hiền từ, nụ cười có vẻ đầy ân huệ, cũng có vẻ đầy châm biếm, hệt như đấng Giác Ngộ đã cười.

Thiện Hữu cúi thấp. Những giọt nước mắt khôn ngăn rỉ xuống gương mặt già nua. Chàng thấy tràn ngập một cảm giác yêu thương lớn rộng, tràn ngập niềm kính cẩn. Chàng phủ phục quì trước con người đang ngồi bất động, mà nụ cười nhắc chàng nhớ đến mọi sự chàng đã từng yêu thương trong cuộc sống, mọi giá trị và thánh thiện trong đời chàng.

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

(Trích trong Nguồn Mạch Tâm Linh của Thích Nữ Trí Hải)

I. TỔNG QUAN TÁC PHẨM

Hermann Hesse

Hermann Hesse sinh năm 1887 ở một tỉnh nhỏ Tây Đức. Thuở thiếu thời ông bán sách nên có dịp đọc sách nhiều. Sự nghiệp của ông bắt đầu bằng thơ nên văn của ông có tính chất thơ và súc tích (khó hiểu). Thời đại ông sống gặp lúc thế chiến thứ 2, đang thời hưng thịnh của Đức quốc xã với Hitler tàn sát dân Do Thái, ông phải định cư vĩnh viễn ở Thụy Sĩ. Tất cả tác phẩm của ông đều chứa đựng một triết lý bi quan, nói lên sự đau khổ, cô đơn của con người giữa cuộc đời. Con người đó cũng là chính ông, nên có thể xem tác phẩm ông như một độc thoại nội tâm vậy. Mẫu người mà ông đề cập vừa rất đặc thù, vừa rất phổ quát. Đó là những con người luôn luôn nỗ lực vươn lên khỏi những giới hạn tầm thường của cuộc sống, và luôn luôn thất bại trong nỗ lực nầy. Ta có thể bắt gặp hình ảnh của chính mình trong đó,

nên mặc dù Hesse nói về một hạng người đặc biệt, mà ta vẫn thấy họ rất gần gũi với ta.

Hầu hết tác phẩm của ông được xây dựng theo một đường hướng như sau:

1) Luôn luôn có hai nhân vật thuộc hai khuynh hướng đối nghịch: tuân kỷ luật và nổi loạn (hay thiên thần và ác quỷ, lý tính và cảm tính). Đó cũng là hai khuynh hướng trái ngược trong cùng 1 con người. Dường như ông có ý nói cả hai đều không ổn, vì quá thánh thiện thì dễ kiêu căng, hãnh diện về sự khổ hạnh, về sự siêu việt của mình (Tất Đạt thấy mình như một vì sao, còn tha nhân chỉ như những chiếc lá rụng). Tất Đạt lúc tu khổ hạnh, và Tất đạt ăn chơi trác táng đều là hai cực đoan. Khi giác ngộ Tất đạt sống một đời trung đạo: không kiêu hãnh về sự thành đạt của mình, nhưng cũng không đắm say thế tục.

2) Có sự nhất thể trong 1 con người dù có nhiều mặt khác nhau, và nhất thể của cuộc đời dù thiên hình vạn trạng. Thấy được nhất thể đó mới thật sự giải thoát không còn thấy có hai tướng đối nghịch. Tất Đạt khi giác ngộ đã sống như một người bình thường (mà không phải tầm thường) mới có thể hướng dẫn Thiện Hữu đạt giác ngộ. Thiện Hữu suốt đời giữ giới khổ hạnh nhưng vẫn đau khổ vì còn thấy nhị nguyên. Cuối cùng ông phải nhờ Tất Đạt, biểu trưng cho trung đạo.

3) Hesse không đề cao khoái lạc giác quan, trí thức hay khổ hạnh. Một giải pháp đem đến an lạc cho con người không phải là khoa học kỹ thuật, càng không phải là những thánh đường hay tu viện, mà chính là tình người, Menschenliebe. Chính tình người đó cứu ta ra khỏi sự cô độc trong cuộc đời (là 1 hình thức của kiêu căng vì thấy mình hơn người). Đó là điều mà ông muốn nhấn mạnh, và do sự đề cao tình người thắm thiết đó, ông đã được giải Nobel vào chặng cuối của văn nghiệp ông, với tác phẩm Das Glaserspiel.

4) Ông còn muốn nói lương tri của con người (tức Phật tính) không bao giờ mất. Đó là khi Tất Đạt định tự tử (sau khi thấy mình chạy theo cuộc đời không được cái gì mà mất mát nhiều quá), thì chợt nghe tiếng "Om" từ lòng sông. Đó là Phật tính nhờ đó ta vượt khỏi vũng lầy (trái với Sigmund Freud dường như nhấn mạnh bản năng thú vật điều khiển con người trong mọi hoạt động từ thấp hèn đến thanh cao).

---o0o---

II. DIỄN TIẾN CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG

Cuộc đời của Tất Đạt cũng là cuộc đời của mọi người chúng ta. Ba lần tỉnh ngộ của Tất Đạt tương đương với ba lần vấp ngã của chàng. Ngộ đi liền với mê, phiền não đâu thì giác ngộ đó (phiền não tức bồ đề).

Lần đầu, do cơn mê khổ hạnh Tất Đạt ngộ được rằng khổ hạnh không đưa đến trí tuệ, và đã từ bỏ khổ hạnh để đi ra giữa cuộc đời, sử dụng các giác quan để học bài học đau khổ do đam mê khoái lạc giác quan. Sự mê lầm thứ hai này được đánh thức bằng tiếng "OM" mầu nhiệm, gợi nhớ lại những ngày tu khổ hạnh, và nhờ đấy chàng bỏ ý định quyên sinh. Lần ba nhân sự đau khổ vì đứa con yêu quý đã bỏ chàng mà đi, Tất Đạt đã ngộ được rằng cuộc đời là "như vậy", và không còn thái độ kiêu hãnh, khinh thường người thế tục, mà thấy tất cả đều là anh em, đạt đến lòng bi mẫn sâu xa đối với tất cả cuộc đời. Lúc đó con người mới thật sự hạnh phúc, vì mình là tất cả.

---o0o---

A. TẤT ĐẠT, CON NGƯỜI KHỔ HẠNH

1. Trước hhi gặp Phật

Đức Phật ra đời là để xóa bỏ 5 giai cấp trong xã hội Ấn lúc bấy giờ: Bà la môn, Sát đế lợi, Phệ xá (thương gia), Thủ đà la (giai cấp công nhân) và giai cấp nô lệ. Ngài tuyên bố "Không có giai cấp trong giòng máu cùng đỏ, trong giọt nước mắt cùng mặn" nên ngài chính danh lại những danh từ thông dụng lúc bấy giờ là sa môn và bà la môn. Với ngài, sa môn là người ly dục, ly bất thiện pháp. Bà la môn là người trí đã diệt trừ tham, sân, si. Trong câu chuyện thì hai danh từ này ám chỉ giai cấp. Cuộc đời của Tất Đạt lúc đầu hết sức thánh thiện trật tự và gương mẫu. Cha Tất Đạt một người bà la môn chuyên tế tự, thấy khuynh hướng thánh thiện của con nên ông rất mừng hi vọng con ông sẽ tiếp tục sự nghiệp của ông. Nhưng Tất Đạt lại là mẫu người nổi loạn, phê phán. Chàng nghi ngờ tất cả các thủ tục cúng tế cổ truyền của Bà la môn giáo (như tắm rửa để tẩy sạch tội lỗi) và chàng nghi ngờ luôn cả kinh Vệ Đà vốn là uy quyền tối thượng trong Bà la môn giáo. Chành phản kháng lại tất cả các trật tự trong xã hội chàng đang sống. Tóm lại, Tất Đạt là một biểu tượng của sự trong sạch, một mẫu người lý tưởng và gương mẫu, nhưng lòng luôn luôn khắc khoải vì chưa tìm ra chân lý.

Thiện Hữu trái lại, là người luôn tuân phục một trật tự sẵn có, hăm hở sống theo điều thiện và không bao giờ nghi vấn về cuộc đời. Thiện Hữu là cái

bóng của Tất Đạt, nhưng cũng có thể là một khía cạnh khác trong tâm hồn Tất đạt. Mỗi con người chúng ta đều có hai khía cạnh mâu thuẫn ấy, nên phải đau khổ.

Tất Đạt đã tu thiền đến độ sống được trong phi ngã, như có thể xuất hồn để nhập vào một con chim, mục đích là để quên bản ngã của mình trong nhất thời hầu chống lại những đau khổ trong cuộc sống. Nhưng khi trở lại tự ngã của mình chàng vẫn băn khoăn, vẫn thắc mắc về số phận con người.

(Đức Phật gọi thứ định đó ví như đá đè cỏ vì khi xuất định thì vẫn là người bình thường với đầy đủ tham, sân, si.)

Tất Đạt cũng có thái độ phê phán đối với kiểu nhập định như vậy, và với tất cả lễ nghi của Bà la môn giáo. Chàng cho rằng chân lý là những gì không thể truyền đạt được. Như cha chàng sống một đời thánh thiện với lễ nghi tế tự, mà vẫn đau khổ.

Tất Đạt xin phép cha đi theo một nhóm sa môn để tu khổ hạnh. Một thời gian sau chàng bảo Thiện Hữu người bạn đồng tu: Điều cần thiết nhất đáng biết nhất (hạnh phúc tối thượng, niết bàn) thì ta không thể học được mà chỉ học được những điều phụ thuộc bên lề. Thiện Hữu rất lo lắng, khi thấy rằng mặc dù đã nắm hết những thuật bí truyền của các sa môn, Tất Đạt vẫn giữ thái độ bất mãn với những sở đắc của mình, và Thiện Hữu không biết Tất Đạt sẽ bỏ nhóm sa môn khi nào.

---o0o---

2. **Khi gặp Phật**

Nghe tin đức Phật sắp đến thuyết pháp trong vùng lân cận, Thiện Hữu đề nghị Tất Đạt cùng đến nơi ngài. Tất Đạt cáo từ sa môn trưởng để ra đi nhưng ông ta nổi giận. Tất Đạt bèn chứng tỏ đã học được ở ông những gì. Chàng bắt đầu thôi miên vị sa môn già, thu phục ý chí của ông, khiến ông cúi đầu lẩm bẩm nói lời chúc tụng chàng trước khi lên đường. Thiện Hữu vô cùng khâm phục bạn, nói: “Anh thật đã tiến rất xa, nhiều hơn tôi tưởng. Nếu lưu lại chốn này, chắc có ngày anh sẽ học cách đi được trên mặt nước”. Tất Đạt nói, chàng không ham gì học cách đi trên mặt nước hay các thần thông kiểu đó.

Trái với Thiện Hữu muốn bỏ các sa môn để tìm gặp Phật, bỏ thầy này tìm đến thầy khác, Tất Đạt chỉ muốn ra đi để tìm gặp lại chính mình.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, Thiện Hữu vui mừng đứng lên xin gia nhập tăng đoàn và tin chắc rằng Tất Đạt cũng làm như mình. Nhưng khi nghe Tất Đạt nói: "Lần đầu tiên Thiện Hữu đã biết đi trước tôi một bước, tôi xin chúc lành cho bạn", Thiện Hữu đã òa khóc. Tất Đạt ngắm nhìn đức Phật, chiêm ngưỡng từng dáng điệu của Ngài, một con người thánh thiện cho đến đầu gót chân. Nhưng chàng không xin ở lại để tu theo Phật.

Sự ra đi của Tất Đạt làm cho Thiện Hữu nghi ngờ giáo pháp của Ngài. Biết tâm lý của bạn, Tất Đạt nói: "Bạn hãy yên tâm! Làm sao tôi có thể tìm được khuyết điểm trong lời dạy của Ngài?".

Khi đến từ giã đức Phật, Tất Đạt đã hỏi Ngài 3 điều:

1) Nếu thế giới đã hoàn thiện trong mọi giây phút, thì tại sao cần phải độ chúng sinh?

2) Tại sao hiện tại không có ai thành Phật ngoại trừ Ngài?

3) Điều cần học nhất, niết bàn giải thoát mà ngài đã chứng, sao không ai học được?

Đức Phật không trả lời, Ngài chỉ nói: "Ông bạn lý luận hay lắm, nhưng hãy cẩn thận trước sự khôn ngoan quá mức! Giáo lý của ta không phải để mà lý luận".

Tuy thế những hình ảnh của Đức Phật đã ảnh hưởng cả cuộc đời của Tất Đạt một cách gián tiếp, mãi cho đến khi chàng đạt được sự an lạc. Tất Đạt luôn nhớ đến hình ảnh của đức Phật: "Ta chưa thấy một người nào có dáng dấp khoan thai, phản ảnh một nội tâm an lạc như thế. Đấy là một người đã nhiếp phục được tự ngã. Ta cũng có ngày nhiếp phục được tự ngã như vậy. Ta đã thấy một người, mà trước người ấy ta phải cúi đầu. Ta không bao giờ cúi đầu trước một người nào khác nữa. Không có giáo lý nào lung lạc ta được nữa, khi mà giáo lý của người này đã không quyến rũ được ta. Phật đã cướp của ta, Ngài đã cướp đi Thiện Hữu, lâu nay là cái bóng của ta mà bây giờ đi theo ngài. Nhưng Phật đã đem lại cho ta chính ta".

Có thể nói Tất Đạt đã không theo Phật vì không có "duyên", và vì còn cái "nghiệp" với Kiều Lan sau này. Nhưng quả tình, Tất Đạt rất kính yêu đức Phật, và hình ảnh Ngài ám ảnh suốt cuộc đời chàng cho đến khi chàng tỉnh thức.

---o0o---

3. **Sau hhi từ giã đức Phật**

Đây là sự thức tỉnh lần đầu của Tất Đạt. Chàng cảm thấy giờ đây mình không thể về lại với gia đình hay với đời khổ hạnh nữa, sau khi đã giã từ đức Phật. Chàng cảm thấy cô đơn cùng cực, đứng giữa trời đất mà không biết phải làm gì. Đây là trạng thái mà trong nhà thiền gọi là đứng trên đầu sào cao trăm thước còn dưới kia là vực thẳm.

Người tu hành có lúc đi đến chỗ tuyệt vọng, không còn nơi bám víu. Nếu không vượt qua được giai đoạn này thì sẽ tẩu hỏa nhập ma, trở thành một con người sa đọa.

---o0o---

B. TẤT ĐẠT, CON NGƯỜI BÊ THA

1. **Sự** sa **đọa qua ba nấc**

Sau khi quyết định không trở về nhà mà cũng không đi theo đức Phật, Tất Đạt lang thang ra khỏi khu rừng thì gặp kiệu của một kỹ nữ trang sức lộng lẫy tỏa hương thơm ngát đang đi đến. Ông nhìn chăm chăm không rời. Kiều Lan chưa từng thấy ai nhìn mình 1 cách lạ lùng như vị sa môn râu tóc bù xù kia. Do duyên nghiệp trói buộc, nàng cảm mến ngay, trong khi Tất Đạt đang theo các gia nhân để hỏi dò về nàng. Khi Kiều Lan cho tiếp kiến, Tất Đạt đã bảo: Tôi muốn học về tình yêu? Nàng có thể dạy tôi không? Kiều Lan cười lớn bảo, những người đến với tôi phải giàu sang, có nhiều tặng phẩm! Rồi cô khuyên Tất Đạt hãy đến làm việc với Vạn Mỹ, là một trong những thương gia giàu có thường đến với cô. Kiều Lan còn cho Tất Đạt những chỉ dẫn quý báu trên đường tiến thân giữa cuộc đời. Vạn Mỹ rất hài lòng có Tất Đạt là người cộng sự.

a) Trong giai đoạn đầu cuộc sống thế tục, chàng vẫn còn bị chi phối bởi 3 nguyên tắc của đời sa môn là suy tư, chờ đợi và nhịn đói. Ở giai đoạn này Tất Đạt là mẫu người lý tưởng trong xã hội: có nhiều tiền mà không nô lệ đồng tiền, giúp đỡ mọi người với một tâm bình đẳng, vui vẻ với mọi người và sống có điều độ. Vạn Mỹ nhận xét: “Người bà la môn này không bao giờ trở thành một thương gia thực thụ. Hắn luôn thư thái trong công việc, chẳng bao giờ lo sự mất của và vẫn còn sống đời sống của một sa môn”. Chàng

thường kể cho Kiều Lan nghe về đức Phật và đời tu khổ hạnh của mình lúc trước.

b) Nhưng một khi đã sa đọa rồi thì không ngừng lại ở đó. Tất Đạt ngày một tiến sâu vào sa đọa. Dần dần chàng biết uống rượu, đánh bạc, rành các nghệ thuật ăn chơi. Từ từ chàng thấm nhiễm tất cả các thói tục của những người có tiền, nhưng trong tâm chàng vẫn khinh người, vẫn thấy mình là một vì sao đứng tách biệt trên bầu trời, còn tha nhân chỉ như những chiếc lá rụng theo
chiều gió.

c) Để chứng tỏ lòng khinh tiền của mình, chàng phung phí trong các cuộc chơi, ném tiền qua cửa sổ. Nhưng đến khi bị thua bạc quá nhiều thì chàng không còn thái độ giải thoát nữa. Tất Đạt bắt đầu đi đòi nợ để có tiền đánh bạc, cau có với những con nợ dầy dụa, rồi đi lang thang đến cái nấc cuối của sa đọa là trở thành một trọc phú: dần dà nét mặt chàng nhiễm lấy những vẻ thường có nơi những người giàu, vẻ bất bình, mệt mỏi, nhàn hạ và vắng bóng yêu thương. Căn bệnh nội tâm của giới trưởng giả đã nhiễm sâu vào trong chàng.

---o0o---

2. **Sự chán ngấy dục lạc**

Khi đã đạt tới chỗ thấp nhất của sự sa đọa thì trong chàng bừng lên một mãnh lực cứu chàng ra khỏi vực thẳm. Đó là điểm linh quang hay Phật tính hay lương tri trong con người mà dù lăn lộn trong vũng lầy bao nhiêu lâu vẫn không mất. Đó là lúc Tất Đạt nằm chiêm bao về đức Phật, về Thiện Hữu, về Tăng đoàn, về cảnh thanh tịnh trong khu vườn trưởng giả Cấp cô độc nơi chàng đã gặp đức Phật. Giấc mơ đã thức tỉnh Tất Đạt ra khỏi vũng lầy dục vọng, nên khi thức dậy, chàng buồn vô hạn vì thấy mình đã bỏ đi những gì quý báu nhất trong cuộc đời để đi theo những cái không ra gì, mà vẫn không tìm được hạnh phúc, vẫn đau khổ gấp bội lần. Chàng nhớ lại đời sống trong sạch, thánh thiện chàng đã sống trước kia, nhớ hình ảnh đức Phật rồi nhìn lại con người mình. Chàng soi gương, cảm thấy chán ghét tột độ bộ mặt mình, thấy nó thật già và xấu xí. Tiền của, sắc dục đã đưa đẩy chàng trở thành một con người tàn tạ thế này thì cuộc đời quả thật vô vị, chán chường. Tất Đạt kể lại giấc mộng của mình cho Kiều Lan nghe, rồi biến mất. Chàng đi lang thang đến một bờ sông, cúi nhìn xuống làn nước, bắt gặp vẻ mặt quái dị của mình, ghê tởm nó, phỉ nhổ lên nó. Chàng kinh tởm chính bản thân

mình, suy gẫm lại cuộc đời mình và thấy nó hoàn toàn thất bại, đã đến tận cùng của đau khổ, không còn cái gì để bám víu. Ý định quyên sinh lởn vởn trong đầu Tất Đạt. Chàng leo lên một cành cây nhô ra ngoài mặt nước rồi chúi đầu toan lao xuống. Ngay lúc đó chàng nghe vẳng lại từ lòng sông và từ đáy lòng chàng, phát ra tiếng Om vi diệu (mật ngữ ở đầu mỗi bài thần chú) làm chàng thức tỉnh, thấy rõ hành vi điên rồ của mình. Chàng giật mình, té ra đời ta đã tới chỗ ghê gớm đến thế sao? Tất Đạt bò xuống đất gối đầu trên rễ cây mà ngạc nhiên vô cùng khi thấy cuộc sống sa đọa từ bao năm qua đã không ảnh hưởng đến chàng cho bằng tiếng Om vẳng lên từ trong vô thức. Đó là giây phút đốn ngộ lần thứ hai.

Chàng nhẩm lại tiếng Om một thời gian khá lâu rồi nhắm mắt ngủ với tiếng Om trong tâm thức, một giấc ngủ sâu không mộng mị.

Khi tỉnh dậy Tất Đạt thấy một sa môn ngồi canh giấc ngủ cho mình và chàng nhận ra ngay Thiện Hữu, nhưng Thiện Hữu không nhận ra chàng. Thiện Hữu nói: “Thấy ông ăn mặc sang trọng mà nằm ngủ ở chỗ vắng vẻ thế này thì có thể bị cướp hoặc bị rắn cắn, nên tôi đã canh cho ông ngủ. Giờ ông đã tỉnh dậy rồi thì tôi xin chào ông để còn ra đi”. Tất Đạt nói: “Cám ơn thầy sa môn đã canh cho tôi. Nhưng thật ra tôi không cần ai canh cả? Vậy ông cứ đi đi, Thiện Hữu!” Thiện Hữu ngạc nhiên: “Tại sao ngài lại biết tên tôi?”. Tất Đạt đáp: “Tôi đã biết tên anh từ ngày anh mới sinh ra và còn biết rõ cả tên cha, mẹ, ... cả gia đình anh nữa, vì tôi đã từng ngồi thiền với anh khi xưa, đã từng tu khổ hạnh với anh, rồi anh đi theo đoàn sa môn của Phật”. Thiện Hữu mừng rỡ khi gặp lại Tất Đạt và hỏi: “Bây giờ anh đang đi đâu?”

- Tất Đạt đáp: “Tôi đang đi hành hương?”

- Thiện Hữu nói: “Chưa bao giờ tôi thấy một sa môn đi hành hương với bộ y phục kiểu cách như thế!”.

- Tất Đạt đáp: “Nhưng giờ thì bạn đã thấy. Và tôi có nói tôi là sa môn đâu?”

(Hành hương mà Tất Đạt nói có 1 ý nghĩa sâu sắc chàng đang đi trên đường trở về quê hương tâm linh. Dù dưới bất kỳ một hình thức nào mà biết thanh lọc bản thân, trải qua những đau khổ để rút kinh nghiệm từ cuộc sống, thì đời sống ấy là một cuộc hành hương. Không phải chỉ người tu mới hành hương mà mọi người đều đang hành hương để vươn lên từ vũng lầy của cuộc đời.)

Thiện Hữu vì còn đang chấp vào danh từ và hình tướng nên không hiểu. Chàng chào Tất Đạt rồi ra đi. Tất Đạt nhìn theo với lòng cảm mến người bạn thiếu thời. Sau khi thức dậy chàng có cảm tưởng mình sống một cuộc đời mới, nhìn vũ trụ vạn vật với lòng thương yêu bình đẳng và người đầu tiên mà chàng trải lòng yêu thương là Thiện Hữu. Đó là điều kỳ diệu mà tiếng OM đã đem lại cho chàng: lần đầu tiên chàng yêu mến tất cả mọi sự chung quanh với niềm hoan hỉ. Và chàng thấy dường như bấy lâu nay mình đã đau khổ chỉ vì không biết yêu thương.

Giờ đây chàng không thể trở về với cuộc sống sa đọa như cũ. Đây là lần tỉnh ngộ thứ hai. Chàng nằm suy nghĩ về số phận của mình, và tìm xem đâu là nguyên nhân những sai lầm trong quá khứ. Chàng đã chiến đấu 1 cách vô vọng với tự ngã khi làm một người Bà La Môn, một sa môn khổ hạnh: "Quá nhiều tri thức đã ngăn ngại chàng, quá nhiều sự thánh thiện, khổ hạnh ép xác; chàng đã quá kiêu căng, luôn luôn là người thông minh nhất, hăng hái nhất, luôn luôn hơn người một bước, luôn luôn là người trí thức, người giảng đạo, người hiền triết. Tự ngã chàng đã len lỏi vào trong chức vị giảng đạo ấy, vào lòng kiêu hãnh ấy vào tri thức ấy. Nó an vị ở đấy một cách vững vàng và tăng trưởng dần, trong khi chàng tưởng rằng mình đang hủy hoại nó bằng cách nhịn đói và sám hối. Bây giờ chàng đã hiểu vì sao chàng phải trở thành một thương gia, một người cờ bạc rượu chè, một người trọc phú cho đến khi con người thuyết giáo, vị sa môn trí thức trong chàng chết đi. Chàng phải sống qua những năm tháng kinh khủng, chịu đựng cơn buồn nôn, học các bài học điên rồ của một cuộc đời vô vị trống rỗng cho đến lúc chàng đi tới chỗ tuyệt vọng đắng cay để cho Tất Đạt, con người của hoan lạc, con người của giàu sang cũng chết nốt. Chàng đã chết, và một Tất Đạt mới đã thức dậy sau một giấc ngủ hồi sinh".

Ở lần tỉnh ngộ thứ nhất sau khi gặp Phật, là Tất Đạt tỉnh cơn mộng ép xác khổ hạnh. Khi chàng buông ra, mở tung cửa ngõ giác quan thì chàng sa ngay vào đời sống khoái lạc. Ấy là do những năm dài ép xác dục vọng bị dồn nén, giờ đây giác quan chàng như một lò xo bị nén quá mức bắt đầu được bung ra. Ở lần tỉnh ngộ thứ hai, chàng tỉnh khỏi cơn mộng sa đọa chạy theo lạc thú thế tục. Cả hai thái độ này đều là hai cực đoan đáng trách nên đức Phật dạy cần phải sống trung đạo.

Ở giai đoạn tu khổ hạnh, Tất Đạt còn bị "phiền não chướng" chỉ cho sự mê chấp cái tự ngã thánh thiện, và đây là cơn mộng ép xác. Ở giai đoạn sa đọa theo rượu chè, trai gái là Tất Đạt còn bị "nghiệp chướng" chỉ sự buông lung sáu căn, và đây là cơn mộng buông lung sa đọa. Ở giai đoạn cuối, sau khi

tỉnh cơn mộng buông lung sa đọa, Tất Đạt còn phải chịu cái khổ vì đứa con, có thể gọi đây là "báo chướng". Chỉ sau khi vượt qua khỏi cả ba chướng ngại, chàng mới thực sự giải thoát.

Nhờ dòng sông mà chàng tỉnh ngộ nên Tất Đạt cảm thấy yêu mến dòng sông không muốn rời. Chàng đi dọc theo con sông và khi đến bến đò chàng gặp lại Vệ Sử, người đã đưa chàng qua sông lúc chàng từ giã đời sống sa môn để đi vào đời sống sa đọa. Vệ Sử không nhận ra vì chàng đã thay đổi quá nhiều và đang ăn mặc sang trọng.

Tất Đạt nói: "Con sông đẹp quá, tôi muốn ở lại để học từ dòng sông này. Vậy ông có thể cho tôi ở lại học việc để đưa đò với ông không?".

Vệ Sử đáp: "Một người ăn mặc sang trọng như ông thì làm sao chịu đựng được đời sống cực khổ của 1 người đưa đò và hơn nữa phải có sự thích thú thì mới làm được nghề này".

Tất Đạt nói: "Hôm nay tôi đã bị phê bình vì bộ y phục này hai lần. Ông có thể đổi cho tôi 1 bộ đồ cũ rách để tôi chèo đò với ông không?".

Vệ Sử nói: "Có chuyện gì khiến ông quyết định như thế? Người như ông đâu phải để đi chèo đò!".

Tất Đạt bộc lộ hết tâm sự với Vệ Sử. Vệ Sử nói, "Thảo nào tôi thấy ông quen quen. Có phải ông là vị sa môn mà tôi đã đưa qua sông cách đây lâu lắm rồi chăng?"

Vệ Sử bằng lòng để chàng ở lại trong chòi bên sông. "Anh hãy ở lại, nhưng không phải học với tôi mà học từ dòng sông". Từ đấy hai người làm bạn với nhau rất thân thiết.

---o0o---

3. **Đau khổ vì đứa con**

Dần dà, tin đồn loan ra về hai ông thánh sống ở bên sông. Nhiều người hiếu kỳ đi đò qua sông để tìm hiểu sự thật. Có người công nhận họ thánh thiện thực, nhưng nhiều người chỉ cho là tin nhảm.

Một ngày, có tin đức Phật sắp nhập Niết bàn, và rất đông người hành hương đến viếng Phật lần cuối. Trong số những người hành hương này, một hôm có

cả Kiều Lan đem theo đứa con trai nhỏ. Khi đến bờ sông, Kiều Lan bị rắn cắn. Đứa con chạy kêu cứu, gặp Tất Đạt và Vệ Sử trong chòi. Hai người đưa Kiều Lan vào chòi, nàng đang hấp hối. Tất Đạt quan sát sự biến đổi trên gương mặt người thân yêu nhất đang đi dần vào cõi chết, và thấy như chính mình cũng đang chết. Chàng lạ lùng ngắm nhìn sự biến đổi từ một sắc đẹp đã làm chàng say mê mà giờ đây chỉ là cái xác thân tàn tạ.

Kiều Lan nói: "Tôi định đến viếng đức Phật để được sự bình an nhưng giờ đây gặp anh, tôi đã tìm thấy sự bình an đó. Có phải anh đã đạt đến Đấy rồi chăng?". Và nàng giới thiệu với Tất Đạt đứa con của họ.

Tất Đạt sung sướng đón nhận đứa con trai của chàng sau khi chôn cất Kiều Lan, nhưng đứa trẻ thì chẳng những không thương chàng mà còn chống cự lại. Một ngày kia nó mắng Tất Đạt, không nhận chàng là cha, ăn cắp hết số tiền dành dụm của hai người rồi lấy chiếc đò trốn đi. Tất Đạt nhớ con quay quắt. Chàng rủ Vệ Sử đi tìm đứa trẻ, nhưng Vệ Sử bảo: "Không, tôi chỉ đi tìm chiếc đò mà thôi. Con chim non kia đã quen 1 nếp sống khác, một chiếc tổ khác. Nó không chạy trốn của tiền và thành thị với cảm giác chán chường như bạn đã trốn, nó đã từ giã những thứ ấy một cách miễn cưỡng. Tôi đã hỏi dòng sông nhiều lần, nhưng dòng sông đã cười tôi, cười bạn, cười sự điên rồ của chúng ta. Nước sẽ tìm đến nước, tuổi trẻ sẽ tìm đến tuổi trẻ. Bạn hãy hỏi dòng sông đi, và lắng nghe!".

Nhưng Tất Đạt vẫn còn nghiệp nhớ thương đứa con. Chàng trốn Vệ Sử xuống phố tìm nó nhiều ngày nhưng không gặp.

Nỗi đau khổ lần này của Tất Đạt dã giúp chàng hiểu thêm những nỗi khổ của cuộc đời. Chàng không còn thấy mình cao hơn thiên hạ, không khinh đời nữa mà cảm thông được với mọi người. Chàng chèo đò chở mọi người qua sông, cảm thấy họ đều là anh em. Chàng chia sẻ nổi đau khổ của một bà mẹ mất con, một người vợ mất chồng. Chàng không còn thấy những đau khổ của họ là tầm thường, như khi còn làm sa môn chàng đã thấy. Bây giờ, khi đã trải qua tất cả những nhịp cầu đoạn trường của cuộc đời, chàng mới có khả năng cảm thông với mọi người. Đây là lần tỉnh ngộ rốt ráo từ đó tâm đại bi phát sinh.

Một ngày kia khi vết thương đang đau nhói nơi chàng, Tất Đạt chèo đò qua sông, tâm can tê tái vì nỗi nhớ. Chàng lên bờ với mục đích xuống phố tìm con. Sông vẫn chảy nhẹ nhàng, đấy là mùa khô nhưng tiếng nước reo lên một cách kỳ diệu. Con sông rõ ràng đang cười người chèo đò lẩm cẩm. Tất

Đạt đứng nghiêng mình trên làn nước để lắng nghe. Chàng thấy diện mục mình phản chiếu trên dòng nước lặng lờ trôi. Có cái gì trong hình ảnh ấy phảng phất giống phụ thân chàng. Chàng nhớ lại khi còn là thanh niên, nào chàng đã khiến cha buồn lòng khi buộc ông phải để cho chàng đi theo những người khổ hạnh, nào chàng đã bỏ đi mà không bao giờ quay về! Cha chàng há đã không chịu đựng nỗi đau đớn mà giờ đây chàng đang chịu đựng vì đứa con hay sao! Phải chăng ông đã chết từ lâu trong cô quạnh, không thấy lại con mình. Chàng lại không chờ đợi 1 số phận tương tự đó sao? Con sông cười lớn: Phải, như thế đấy! Tất cả mọi sự, nếu không chịu đựng một lần để cuối cùng kết thúc, thì vòng lẩn quẩn đó sẽ tái diễn, những đau khổ tương tự sẽ tái diễn mãi hoài.

Tất Đạt trở về kể lại mọi sự với Vệ Sử. Vệ Sử nói: “Anh đã lắng nghe dòng sông, và anh đã hiểu được một ít. Nhưng hãy lắng nghe thêm nữa.”

Tất Đạt lắng nghe. Chàng thấy hình ảnh cha chàng, hình ảnh của chính chàng và hình ảnh của con chàng chạy loạn xạ vào nhau. Hình ảnh Kiều lan cũng xuất hiện rồi trôi đi, hình ảnh Thiện Hữu cùng bao nhiêu người khác cũng hiện đến rồi đi qua. Họ đều trở thành một phần của dòng sông,con sông cũng đầy những khát vọng, buồn đau, ray rứt, đầy những ước muốn không được thỏa lòng. Tất cả những làn sóng nước đều vội vã đi về mục đích, chảy về nguồn thác, về biển, về đồng bằng, về đại dương. Nước trờ thành hơi bốc lên, hơi thành mưa rơi xuống thành suối, nguồn, sông lạch rồi lại đổi thay, lại tuôn chảy. Nó vẫn còn âm hưởng của nỗi buồn sầu tìm kiếm, nhưng trong đó còn có nhiều tiếng khác hòa theo: tiếng của hoan lạc bi ai, tiếng dữ, tiếng lành, tiếng cười, tiếng khóc, hàng trăm tiếng, hàng ngàn tiếng. Tất cả những tiếng ấy kết thành thế nhân, vũ trụ. Tất cả đều là dòng biến chuyển, là khúc sinh ca. Khi Tất Đạt chú ý lắng nghe cung đàn muôn điệu ấy, khi chàng không chỉ lắng nghe riêng rẽ nỗi buồn thảm hay khúc hoan ca, khi chàng không ràng buộc mình với thanh âm nào riêng biệt mà lắng nghe cái Nhất thể, cái Toàn diện, thì lúc ấy cung đàn muôn điệu kia chỉ bao hàm có một tiếng OM.

Tất Đạt còn thấy nhiều hình ảnh khác, thấy trọn vẹn cuộc đời, thấy được đại thể của vũ trụ bao la trong đó không phải chỉ riêng mình chàng đau khổ. Khi ấy chàng thấy rằng cuộc đời vốn là “như vậy” (như thị). Đạt đến đấy thì không buồn khi xuân tàn cũng không vui khi xuân đến, sống một cách tự tại, thản nhiên. Đây là lần giác ngộ thứ ba và cuối cùng của Tất Đạt.

Tất Đạt trở về tâm sự với Vệ Sử. Ông nhìn vào mắt Tất Đạt và biết chàng đã giác ngộ: “Tôi chờ giây phút này đã lâu! Bây giờ công việc tôi đã xong, xin từ biệt.” Rồi ông đi vào rừng.

Hình ảnh Vệ Sử là hình ảnh Bồ tát ở trong đời để đưa người từ bờ này (bờ mê) qua bờ bên kia (bến giác). Bồ tát không ở bờ này hay bờ kia, cũng không ở giữa dòng, không trụ đâu cả. Bồ tát là một người bạn giúp đỡ mà không kể là mình đã cứu giúp, cũng không tự cho là thầy của bất cứ ai.

Một ngày kia, Tất đạt chèo đò cho một đoàn sa môn trong đó có Thiện Hữu sang sông. Thấy người chèo đò vui vẻ đưa sa môn qua sông mà không lấy tiền, (không nhận ra Tất Đạt) Thiện Hữu khen:

– Ông tốt quá! Chắc ông cũng là người đang đi tìm chính đạo phải không?
Tất Đạt:
– Ông tự cho mình là người tìm kiếm hay sao?
Thiện Hữu:
– Phải. Suốt đời tôi luôn đi tìm chính đạo.~
Tất Đạt:
– Vì anh luôn tìm kiếm nên anh không bao giờ gặp được!
Thiện Hữu kinh ngạc hỏi:
– Sao anh nói lạ vậy?
Tất Đạt:
– Người đi tìm kiếm vì đã có mục đích, nên chỉ chăm bẳm vào đó, không thấy được bao nhiêu chuyện khác. Người không đi tìm thì luôn sống thong dong, tự tại, vui với những gì mình gặp. Vì không tìm kiếm nên tôi luôn luôn gặp gỡ những điều mới lạ. Cũng vì hăm hờ tìm kiếm, mà mấy lần gặp lại người bạn cũ của mình, anh vẫn không nhận ra.

Khi ấy Thiện Hữu mới kinh ngạc kêu lên:
– Ồ Tất Đạt, lần này tôi cũng lại không nhận ra được anh! Tại sao anh bỏ bộ y phục sang trọng để trở thành người chèo đò?
Tất Đạt đáp:
– Tất cả những đoạn đời đều là những lớp áo giả tạo! Cả tôi và anh cũng thế.
Khi nhìn kỹ bạn, Thiện Hữu thấy vẻ thanh thoát tỏa ra từ con người chàng.
Vị sa môn nói:
– Qua bao nhiêu năm tầm đạo, tôi vẫn đau khổ vì chưa tìm thấy bình an. Tôi thấy hình như anh đã đạt được Nó. Xin anh hãy nói cho tôi nghe.
Tất Đạt nói:

– Tôi thấy trên đời, chỉ có yêu thương là quan trọng nhất!.
Thiện Hữu ngạc nhiên:
– Anh nói lạ thật! Đức Phật đã khuyên kẻ tu hành không nên có những tình cảm thế tục như là sự thương yêu, bám víu.
Tất Đạt:

– Nhưng tôi biết tôi không nói trái với ý của Ngài! Làm sao ngài không có tình yêu, khi Ngài đã bỏ cả cuộc đời để giáo hóa con người thoát khổ, đạt đến an lạc. Ngài phải là một Con Người chan chứa tình yêu!
Thiện Hữu vẫn không hiểu những gì bạn nói, và tha thiết van nài:
– Xin anh hãy nói cho tôi một lời dễ hiểu. Đời tôi đi thường gian nan và tăm tối!
Tất Đạt nói như ra lệnh:
– Thiện Hữu! Hãy cúi sát gần tôi và hôn trán tôi đi!

Đây là một hành vi gây chấn động, mà các bậc thầy Thiền tông và Mật tông thường sử dụng để thức tỉnh môn sinh, khi ngôn từ không có hiệu quả. Nó nói lên rằng chỉ có tình yêu có nội dung trí tuệ mới đem lại sự an lạc, giải thoát cho con người, không phải chỉ trí tuệ suông.

Cuối cùng, Thiện Hữu cảm thấy như vừa được chính Đức Phật giải tỏa mọi khổ đau khắc khoải, và tìm thấy an lạc.

---o0o---

III. NHẬN ĐỊNH

A. PHÂN TÍCH NHÂN VẬT

1. Tất Đạt:

Là biểu tượng cho mẫu người mà Phật giáo gọi là Tuệ giải thoát. Con người đó phải dũng mãnh, tỉnh giác trong mọi lúc, có thái độ phê phán, phản tỉnh. Tất Đạt hội đủ những đức tính ấy, như ta thấy ngay cả trong thời gian chàng sống sa đọa.

(Thái độ nhìn ngắm, tỉnh giác:)

- **Giai đoạn đầu của sự sa đọa**: Mặc dù sống cuộc đời trụy lạc chàng vẫn còn thái độ tỉnh giác của một sa môn: “Chàng thấy mọi người sống một cách trẻ con, giống như thú vật, làm chàng vừa cảm thương vừa khinh bỉ. Chàng

cảm thấy họ lao nhọc, khổ sở, bạc đầu về những chuyện đối với chàng thật không đáng gì: tiền bạc, danh vọng hão huyền, lạc thú nhỏ nhoi. Họ đánh chửi nhau, than vãn về những nỗi khổ chỉ làm cho một sa môn mỉm cười, và họ đau khổ về những thiếu thốn mà một sa môn không cảm thấy".

– **Giai đoạn hai:** "Thỉnh thoảng chàng nghe trong tâm tư một tiếng nói yếu ớt nhẹ nhàng, nhắc nhở chàng 1 cách âm thầm, phàn nàn một cách lặng lẽ đến nỗi chàng khó nghe rõ. Rồi đột nhiên chàng nhận ra rằng mình chỉ như đang chơi một ván bài, rằng chàng cũng vui vẻ đấy, đôi khi còn hưởng thụ khoái lạc nữa, nhưng cuộc sống chân thật đang trôi qua mà không động chạm đến chàng". Và hình ảnh đức Phật vẫn luôn ở trong tâm trí Tất Đạt. Chàng nói với Kiều Lan: "Tôi không bao giờ quên được người ấy. Mỗi ngày có hàng ngàn người vây quanh ngài, sống theo lời dạy của ngài. Nhưng họ chỉ là những chiếc lá rơi, không có trong họ sự minh triết và định hướng".

(Thái độ phê phán của Tất Đạt:)

Kính bạch đấng Giác ngộ, tôi nghĩ rằng không ai tìm được giải thoát qua những lời chỉ giáo. Ngài không thể truyền cho ai bằng ngôn từ, những gì đã đến với ngài trong giây phút ngài đạt giác ngộ. Lời chỉ giáo của ngài dạy rất nhiều: phải sống thế nào, tránh điều ác như thế nào. Nhưng có một điều giáo lý ấy không chứa đựng, ấy là tại sao chỉ có mình ngài đạt được những điều ngài đã chứng để trờ thành một đấng giác ngộ. Chính vì thế mà tôi phải đi con đường của tôi, không phải để tìm một lý thuyết hay hơn, vì tôi biết không thể có nhưng để từ bỏ mọi lý thuyết và thầy dạy, để tự mình đạt đến đích–-hay là chết. Nhưng tôi sẽ nhớ mãi hôm nay và giờ phút này, hởi Đấng Toàn giác, khi chính mắt tôi được chiêm ngưỡng một bậc thánh nhân.

(Tất Đạt, mẫu người sống bằng cảm tính hơn là lý tính :)

Mẫu người của Tất Đạt là mẫu người mẫn cảm nên đối trước Đức Phật, chàng thích chiêm ngưỡng dáng dấp, từ dung của Ngài hơn là nghe những gì ngài dạy. Mẫu người nặng về cảm tính như Tất Đạt nếu đi tu sẽ trở thành một nhà thần bí, nghĩa là không thể suy tư trừu tượng được, mà phải có biểu tượng cụ thể. Họ là những nghệ sĩ, những người sống "hết mình" nên dễ khổ đau.

Trong tác.. phẩm Nhà khổ hạnh và gã lang thang, Hermann Hesse cũng đã để Đan Thanh (tương đương nhân vật Tất Đạt ở đây) đối thoại với Huyền Minh (mẫu người lý tính) như sau.

Đan Thanh: Làm sao có thể suy tư không hình ảnh?

Huyền Minh: Suy tư và tưởng tượng hoàn toàn khác nhau. Suy tư được thể hiện bằng khái niệm, công thức, mà không phải bằng hình ảnh. Khi hình ảnh chấm dứt thì triết lý bắt đầu. Với anh, thế giới được tạo bằng hình ảnh, nhưng với tôi thì bằng ý tưởng. Anh là một bậc thầy trong lãnh vực tưởng tượng. Nếu đi tu, anh sẽ là một nhà thần bí, là người không thể tách rời tư tưởng khỏi hình ảnh. Bởi thế anh không phải là người tư duy. Nhà thần bí là một loại nghệ sĩ âm thầm. một nhà thơ không vần điệu, một nhạc sĩ không âm thanh, một họa sĩ không sơn cọ.

(Bởi thế, tôn giáo chính thống duy lý xem mật tông là một thứ tà đạo, vì tưởng tượng nhiều quá thì dễ đi xa sự thật, và những hình ảnh biểu tượng có thể làm người khác hiểu lầm–tỉ dụ các hình ảnh trong một đền thờ Ấn giáo.)

Sau bao năm xa cách, khi gặp lại Đan Thanh và hiểu rõ chàng hơn, Huyền Minh thú thật:

Từ trước tôi vẫn xem nhẹ nghệ thuật, đến nay tôi mới hiểu là có nhiều nẻo đường đi đến chân lý. Tư duy không phải là con đường duy nhất, lại càng không phải là con đường tốt nhất. Cả anh và tôi đều đang nỗ lực, và đương nhiên cả hai đều bất toàn, nhưng nghệ thuật quả thật vô tội vạ hơn tư duy (trong lãnh vực nghệ thuật không bao giờ có chiến tranh.)

Sau khi Đan Thanh tạc xong bức tượng đắc ý để tạ ơn tri ngộ, chàng trở lại đời sống lang thang, làm cho Huyền Minh nhớ nhung và phải xét lại cuộc đời mình. "Nhờ Đan Thanh, tâm hồn chàng trở nên rào rạt nhưng cũng vì Đan Thanh, chàng trở nên nghèo nàn, yếu đuối. Thế giới trong đó chàng sống và xem như nhà mình: thế giới của học thuật, đời sống tu sĩ, chức vị giáo hội, lâu đài tư tưởng vững chắc, tất cả thế giới ấy đã bị Đan Thanh làm cho lung lay tận gốc rễ. Bây giờ lòng tu viện trưởng đầy dẫy hoài nghi. Dĩ nhiên về phương diện lý trí, đạo đức thì đời của chàng tốt hơn, đúng hơn, trật tự hơn và gương mẫu hơn, đó là một cuộc đời của phụng sự, hiến dâng, luôn luôn nỗ lực cho ánh sáng, công bằng. Cuộc đời của người ấy trong sạch hơn đời của một nghệ sĩ lang thang, một kẻ quyến rũ đàn bà. Nhưng dưới cái nhìn của Thượng đế thì cuộc đời gương mẫu này có gì tốt đẹp hơn cuộc đời của Đan Thanh? Con người có thật sinh ra để sống 1 cuộc đời máy móc, điều độ, học Aristotle và thánh Thomas, học tiếng La tinh, Hy lạp, dập tắt cảm giác, chạy trốn trần gian không? Không phải con người còn được tạo

dựng với những giác quan và bản năng, với những bóng đen đẫm máu và khả năng gây tội ác làm kinh hoàng và thất vọng đó sao?

Những câu hỏi ấy quay cuồng trong đầu óc vị tu viện trưởng mỗi khi nghĩ đến Đan Thanh. Phải, có lẽ sống như Đan Thanh thật hồn nhiên hơn, "người" hơn, cam đảm hơn và e còn cao quý hơn, khi dấn mình vào dòng thực tại khắt khe hỗn loạn, dấn mình vào tội lỗi để chấp nhận những hậu quả đắng cay. Có lẽ việc làm của Đan Thanh khó hơn, can đảm hơn và chân thực hơn: lang thang trên đường thiên lý với đôi giày rách, đùa với cảm quan để trả giá bằng đau khổ. Huyền Minh đã nhìn sâu vào cuộc đời thác loạn của bạn mà vẫn không giảm chút nào lòng kính trọng mến yêu. Ồ không, từ khi tu viện trường thấy được những pho tượng do bàn tay vấy máu của chàng nghệ sĩ tạc nên, Huyền Minh biết rõ trong trái tim con người bốc dồng ấy, kẻ quyến rũ đàn bà ấy, có những thiên bẩm tràn trề ánh sáng và tài hoa.

Người nghệ sĩ chịu đựng để cho người ta khinh bỉ mình, như trong Mưa nguồn Bùi Giáng đã nói:

Tôi xin chịu cuồng si để sáng suốt,
Tôi đui mù cho thỏa dạ yêu em
(chỉ cuộc đời).

Điểm tương đồng giữa nghệ sĩ với người tư duy là, đến chỗ tuyệt đỉnh của nghệ thuật, nghệ sĩ cũng đành bó tay như nhà tư duy không có lời để diễn đạt chân lý. Đan Thanh từ giã xưởng điêu khắc để lang thang trở lại, vì chàng thấy không một nét họa nào, một đường điêu khắc nào có thể diễn tả sự linh động của cuộc đời. Cuộc đời giống như một bà mẹ bí ẩn không bao giờ hiển lộ toàn thân cho ta thấy, nên Đan Thanh đành chết đi để cho bức tranh tuyệt tác về Bà Mẹ đời vẫn mãi mãi là một lẽ huyền vi.

Tóm lại, Tất Đạt là mẫu người đốn ngộ, theo con đường Kim cang thừa của Mật tông. Những kẻ chưa có giới định, chưa có công lực của trí tuệ, cao ngạo, ích kỷ, tâm giao động, mà đi con đường tuệ hay Kim Cang thừa thì rất nguy hiểm, dễ dàng sa đọa. Bởi thế, ta không nên quên rằng, trước khi bước vào cuộc sống sa đọa, Tất Đạt đã từng tu khổ hạnh và có những định chứng rất cao, nhờ thế chàng mới có thể gượng lại được một khi sắp chết đuối trong thanh sắc cuộc đời.

---o0o---

2. **Thiện Hữu**

Là mẫu người tư duy, khổ hạnh, nên thích những cái trừu tượng. Chàng thuộc mẫu người nặng về lý tính. Thiện Hữu đi theo con đường tiệm giáo tùy tín hành, là người đã tu nhiều kiếp nên biết chọn lựa để gởi mềm tin của mình, và may mắn gặp dược thiện tri thức. Tuy Thiện Hữu suốt đời đi theo Tất Đạt, nhưng khi gặp Phật ông đã bỏ Tất Đạt chứ không a dua theo bạn một cách mù quáng. Thiện Hữu là hạng người đã trồng nhiều căn lành nên không thể sa đọa, mặc dù lâu ngộ chân lý.

---o0o---

3. **Vệ Sử**

Nhân vật này tượng trưng cho lương tri hay Phật tính, vượt lên trên cả cảm tính và lý tính. Vai trò của Vệ Sứ ià hình ảnh của một Bồ tát âm thầm sống giữa cuộc đời. Người chèo đò là người luôn di động qua lại, không trụ một nơi nào: không ở bờ sinh tử không ở bờ Niết Bàn cũng không ở giữa dòng. Trung Đạo cũng vậy, không phải là con đường giữa, mà vượt lên trên các cực đoan.

Vệ Sử đưa người từ bờ mê sang bến giác, ông là người đã âm thầm hướng dẫn cho Tất Đạt cách học lắng nghe từ dòng sông. Tất Đạt cũng là một học trò giỏi, nên khi theo Vệ Sử học từ dòng sông thì Tất Đạt ngộ được một điều: không phải chỉ có dòng sông thiêng liêng, mà tất cả mọi sự vật đều thiêng liêng. Chúng ta có thể học đạo từ khắp nơi: ngọn cây, chiếc lá... chứ không phải chỉ có dòng sông.

Vệ Sử có khả năng đặc biệt là biết lắng nghe, trong Phật giáo gọi là phản văn, xoay cái nghe trở về tâm để lắng nghe tự tính thanh tịnh, nghe cái nhất thể, không bám vào một đối tượng nào. Nhờ sự lắng nghe đó mà con người có thể giải thoát.

---o0o---

B. TƯ TƯỞNG NÒNG CỐT

Hermann Hesse đã gởi gắm những suy tư của mình về chân lý, về cuộc đời và về sự giải thoát qua các nhân vật Tất Đạt và Vệ Sử. Có thể tóm tắt các tư tưởng nòng cốt như sau:

1) Chân lý là cái gì không thể truyền dạy được. Kinh điển không đem lại cho ta niết bàn, an lạc được mà tự mình phải chứng lấy.

2) Mọi lập ngôn đều bao hàm cái điều ngược lại: nói “thiện” đã bao hàm ác, nói “khiêm tốn” đã bao hàm kiêu căng.

3) Thời gian không thật có. Giải thoát chính là nhìn thực tại một cách toàn diện không cắt xén. Trong đứa bé đã ẩn tàng ông già, trong sinh đã có diệt. Chết là bắt đầu đời sống mới dưới một hình dạng mới. Tất Đạt nói: Thời gian không thực có, này Thiện Hữu! Tôi đã luôn luôn trực nhận điều ấy. Và nếu thời gian không có thực, thì cái đường tưởng tượng ngăn chia đời này với cõi vô cùng, phân chia thiện và ác, hạnh phúc với khổ đau, cũng chỉ là ảo tưởng.

Thiện Hữu: Sao lại như thế?

Tất Đạt: Này nhé bạn! Tôi là một kẻ phạm tội và bạn là một kẻ phạm tội. Nhưng một ngày kia người phạm tội cũng sẽ đạt Niết Bàn, thành Phật. Ý niệm “một ngày kia” chỉ là ảo tưởng, chỉ là một sự so sánh. Không, đức Phật tiềm tàng (Phật tính) đã có sẵn trong người tội lỗi, tương lai đã nằm sẵn trong hiện tại. Đức Phật tiềm tàng ấy phải được trực nhận trong người kia, trong bạn, trong tôi, trong mọi người. Thiện Hữu, thế giới không từ từ tiến trên đường dài để đạt đến toàn thiện. Không, nó hoàn hảo trong mọi lúc, trong từng giây phút. Tất cả mọi tội lỗi đều mang theo nó sự ân xá, mỗi trẻ con đã là một ông già tiềm tàng, mọi mầm non đã mang sẵn chết chóc, và trong mỗi người đang hấp hối, có sự sống vĩnh cửu.

Chúng ta quen nhìn một chiều, hoặc sinh hoặc diệt, nên đau khổ. Người giác ngộ thì thấy sự luân chuyển của vạn vật cũng như bốn mùa, trong diệt có sinh và ngược lại, như Mãn Giác thiền sư nói:

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

4) Những sợ hãi, lo sầu đều ở trong thời gian, (nghĩa là, người ta chỉ lo sợ khi dự đoán về tương lai, và so sánh với quá khứ) nên mọi đau khổ trên đời sẽ được khắc phục khi ta khắc phục thời gian, khi ta bất chấp nó (chỉ sống trong hiện tại với tất cả sự tỉnh giác để thấy rằng khái mệm “hiện tại” cũng không thực).

5) Cái gì có giá trị, là chân lý đối với người này thì dường như với người khác không có nghĩa gì cả (Do vậy thật không nên áp đặt tư tưởng, lối sống của mình cho người khác).

6) Tất cả mọi sự đều thiêng liêng nếu ta biết nhìn và biết lắng nghe. Mỗi sinh vật đều gọi cho ta chân lý vĩnh cửu nếu ta không bám vào nó. Đừng hòng tìm Thượng đế ở một nơi nào, vì Thượng đế ở khắp nơi. Chỗ tuyệt đỉnh của đạo cũng như của nghệ thuật, là sự im lặng vô ngôn. Khi ta dừng lại ở 1 cái gì để cho đó là thượng đế, thì chính lúc đó ta xa rời Thượng đế (A. Gide).

Không bám vào 1 biểu tượng nào cả mới thấy được chân lý (vô sở trụ). Chính thái độ nhìn của ta quan trọng hơn đối tượng nhìn.

Tất Đạt nói: "Thú thật tôi không cho danh từ, tư tưởng có 1 tầm quan trọng nào, tôi quan tâm đến sự vật nhiều hơn. Một người trên dòng sông này đã là thầy của tôi, ông ta là một người thánh thiện, trong bao nhiêu năm ông chỉ tin vào dòng sông, không tin gì khác. Con sông đối với ông ta như một thượng đế. Trong nhiều năm ông không biết rằng mỗi làn gió, mỗi đám mây, mỗi thân chim, sâu bọ cũng đều thiêng liêng không kém, và có thể dạy cho ông ta hệt như dòng sông đã dạy".

7) Yêu thương cuộc đời là quan trọng hơn tìm hiểu và phân tích nó. "Bây giờ Tất Đạt nhìn cuộc đời với một thái độ khác trước: không quá khôn ngoan, không quá kiêu hãnh, và vì thế tò mò, thân thiện hơn. Khi chàng đưa qua sông những nhân vật thường ngày, họ không còn xa lạ với chàng như trước. Mặc dù đã đạt tới mức tự giác cao độ và chịu đựng được cái ung nhọt cuối cùng của mình, bây giờ chàng thấy những người thường tình ấy đều là huynh đệ của chàng, những ước mơ phù phiếm của họ không còn phi lý mà trở nên dễ hiểu, đáng thương và lại còn đáng phục nữa là khác".

8) Danh từ không nói lên được chân lý.

Tất Đạt bảo Thiện Hữu: "Với tôi dường như thương yêu là quan trọng nhất trên đời. Những tư tưỡng gia vĩ đại có thể đặt nặng vấn đề tìm hiểu nhân sinh vũ trụ, nhưng tôi nghĩ, chỉ có một điều quan trọng là yêu thương cuộc đời, không phải khinh bỉ nó, không thù ghét nhau mà nhìn đời nhìn mình cùng tất cả mọi sự với niềm yêu thương, quý trọng".

Thiện Hữu: "Nhưng đây chính là điều mà đấng giác ngộ gọi là vọng tưởng. Ngài dạy lẽ độ lượng, nhẫn nhục, từ bi... nhưng không dạy yêu thương. Ngài giới răn chúng ta không được trói buộc mình vào tình yêu thế tục".

Tất Đạt: "Chúng ta lại rối ren về danh từ và ý nghĩa. Tôi không phủ nhận rằng danh từ thương yêu của tôi thật trái ngược với lời chỉ giáo của đức Cù

Đàm. Tôi khinh thường danh từ cũng vì lẽ ấy: tôi biết mâu thuẫn kia chỉ là ảo tưởng. Quả thế, làm sao Ngài không biết đến tình yê u khi mà Ngài, mặc dù đã nhận chân sự phù phiếm giả tạm của nhân thế, vẫn dấn thân suốt đời giúp đỡ và giáo hóa con người?"

Vậy đừng nên bám chặt vào ngôn từ mà quay lưng với nghĩa lý. Danh từ hông thể diễn tả được tất cả mọi sự.

9) Lương tri (hay Phật tính) của con người luôn luôn trỗi dậy khi có cơ hội, dù con người có lăn lộn trong phiền não vô minh bao lâu đi nữa. Nó như một viên Kim cương bất hoại: Cả cuộc đời ăn chơi của Tất Đạt đã không ảnh hưởng chàng bằng một tiếng OM khi chàng đứng trên bờ vực thẳm.

---o0o---

C. BIỂU TƯỢNG DÒNG SÔNG

1) Dòng sông tượng trưng cho dòng thời gian, dòng đời. Tất cả những triết gia cổ điển và hiện đại đều ví thời gian như dòng nước chảy. Khổng Tử, Héraclite, Henri Bergson đều ví thời gian và tâm thức như dòng nước (stream of consciousness). Cuộc đời con người giống như một dòng sông tuôn chảy không bao giờ đứng lại, đây là tính vô thường của cuộc đời. Vì vô thường cho nên mỗi giai đoạn trong cuộc đời chỉ là giả tạm, không thật: đó là tính vô ngã, cũng như dòng sông không thực có.

Tất Đạt: "Bánh xe hiện tượng quay nhanh lắm Thiện Hữu! Đâu là Tất Đạt con người bà la môn? Đâu là Tất Đạt sa môn? Đâu là Tất Đạt con người giàu có? Cái gì giả tạm sẽ đổi thay".

Trong tập Mưa nguồn, thi sĩ Bùi Giáng viết:

Dòng sông chảy, ai người xin níu lại?
Còn đời người thì:
Xuân xanh xô cổng chạy dài
Bỏ sương tuyết phủ phượng đài phía sau

2) Tính nhất thể của cuộc đời: Con sông đồng lúc ở khắp mọi nơi, cũng thế cuộc đời là toàn thể bất khả phân: sống chết, vinh nhục, xấu tốt, được thua, còn mất, vui buồn... tất cả đó là cuộc đời.

3) Dòng sông cũng thường được dùng để ví với dòng vô thức tuôn chảy không ngừng, chiếm vị trí quan trọng như làn nước ngầm bên dưới, nơi sinh sống của loài thủy tộc.

4) Dòng sông luôn luôn trở về: "Nước đi ra biển lại mưa về nguồn," (Tản Đà) cuộc đời cũng vậy tuần hoàn như bốn mùa luân chuyển, cho nên biệt ly cũng là trùng ngộ:

Thưa rằng ly biệt mai sau
Là trùng ngộ giữa hương màu nguyên xuân
(Bùi Giáng)

---o0o---

KẾT LUẬN

Câu Chuyện Dòng Sông trước hết là một tác phẩm văn học nghệ thuật, cho nên bất cứ một phân tích nào về phương diện tư tưởng đều mang ít nhiều tính chủ quan do người đọc tự gán cho nó. Bởi thế những ai phê phán sách này phỉ báng đạo Phật hay đề cao đạo Phật, đều không nhằm chỗ./.

---o0o---

Hết